

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên: Lưu Kim Oanh
Giảng viên hướng dẫn: CN. TTr viên cấp II
Dương Văn Biên

HẢI PHÒNG - 2012

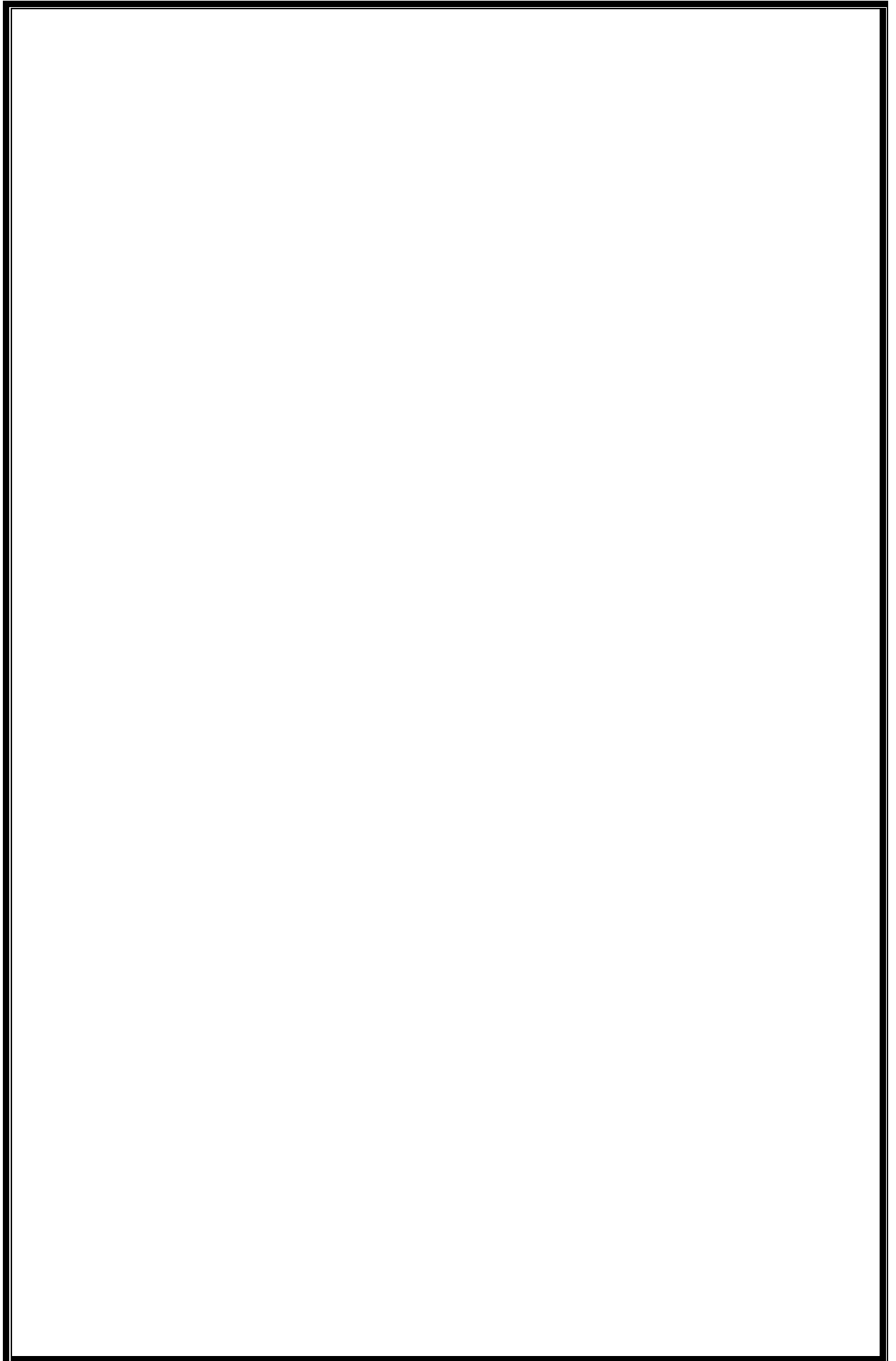
**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH
THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH
DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VẬN
TẢI THƯƠNG MẠI ĐẠI HÙNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Lưu Kim Oanh
Giảng viên hướng dẫn: CN. TTr viên
cấp II Dương Văn Biên**

HẢI PHÒNG - 2012



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên : Lưu Kim Oanh

Mã SV: 120577

Lớp : QT1205K

Ngành: Kế toán – Kiểm

toán Tên đề tài : Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí
và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cơ
khí Vận tải Thương mại Đại Hưng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Về mặt lý luận: Hệ thống những vấn đề lý luận cơ bản về hạch toán doanh

thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Về mặt thực tế: Mô tả và phân tích thực trạng hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng.

- Đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Sổ sách, số liệu kế toán của Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng trong quý 4 năm 2011.

- Hoá đơn chứng từ phát sinh trong quý 4 năm 2011.

- Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 4 năm 2011 của Công ty.

- Và các số liệu tham khảo khác.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Tại Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng - Lô 26 Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Dương Văn Biên

Học hàm, học vị: CN. TTr viên cấp II

Cơ quan công tác: Thanh tra Thành phố Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và

tên:.....

Học hàm, học

vị:.....

Cơ quan công

tác:.....

Nội dung hướng

dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ

ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2012

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Tinh thần và thái độ nghiêm túc, ham học hỏi, có nhiều cố gắng; nỗ lực trong quá trình nghiên cứu và làm đề tài tốt nghiệp.
- Thường xuyên liên hệ với giáo viên hướng dẫn để trao đổi và xin ý kiến các nội dung trong đề tài.
- Đảm bảo đúng tiến độ thời gian theo quy định của nhà trường.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Chương I: Tác giả đã đưa ra một số lý luận cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Chương II: Tác giả đã mô tả chi tiết thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại hưng.
- Chương III: Tác giả đã đưa ra ưu điểm, hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh từ đó đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán trên tại Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....9,5 (Chín phẩy năm)

.....

Hải Phòng, ngày 01 tháng 07 năm 2012

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

LỜI NÓI ĐẦU	1
CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH	3
1.1.Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	3
<i>1.1.1.Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp</i>	<i>3</i>
<i>1.1.2.Ý nghĩa của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp</i>	<i>4</i>
<i>1.1.3.Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp</i>	<i>6</i>
<i>1.1.4.Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp</i>	<i>6</i>
1.2.Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	7
<i>1.2.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>7</i>
<i>1.2.2.Kế toán giá vốn hàng bán</i>	<i>22</i>
<i>1.2.3.Kế toán chi phí bán hàng & chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>27</i>
<i>1.2.3.1.Kế toán chi phí bán hàng.....</i>	<i>27</i>
<i>1.2.3.2.Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>29</i>
<i>1.2.4.Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính</i>	<i>31</i>
<i>1.2.4.1.Kế toán doanh thu hoạt động tài chính</i>	<i>31</i>
<i>1.2.4.2.Kế toán chi phí hoạt động tài chính</i>	<i>32</i>
<i>1.2.5.Kế toán thu nhập, chi phí khác</i>	<i>34</i>
<i>1.2.5.1.Kế toán thu nhập khác</i>	<i>34</i>
<i>1.2.5.2.Kế toán chi phí khác</i>	<i>36</i>
<i>1.2.6.Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....</i>	<i>38</i>
<i>1.2.6.1.Nội dung kế toán xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp</i>	<i>38</i>

1.2.6.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	39
1.2.7. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	40
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	43
1.3.1. Hình thức Nhật ký chung	43
1.3.2. Hình thức Nhật ký - Sổ cái	44
1.3.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ.....	46
1.3.4. Hình thức Nhật ký - Chứng từ	46
1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính	48
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VẬN TẢI THƯƠNG MẠI ĐẠI HUNG	50
2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng	50
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty.....	50
2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng	51
2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng	54
2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán	54
2.1.3.2. Hệ thống tài khoản sử dụng – Chế độ kế toán áp dụng	56
2.1.3.3. Tổ chức hệ thống sổ sách và hình thức kế toán áp dụng tại Công ty	57
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng	59
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	59
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán	70
2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp .	76

2.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng	76
2.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	82
2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính	88
2.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	88
2.2.4.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính	88
2.2.5. Kế toán doanh thu từ hoạt động khác	96
2.2.5.1. Kế toán thu nhập khác	96
2.2.5.2. Kế toán chi phí khác	96
2.2.6. Xác định kết quả kinh doanh	104
CHƯƠNG III: MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VẬN TẢI THƯƠNG MẠI ĐẠI HƯNG	
	113
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng	113
3.1.1. Ưu điểm	113
3.1.2. Hạn chế	116
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng	117
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng	117
3.2.2. Một số nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thành công tác kế toán	118
3.2.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng	119
KẾT LUẬN	125
TÀI LIỆU THAM KHẢO	127

LỜI NÓI ĐẦU

Trong cơ chế mới, với sự hoạt động của nhiều thành phần kinh tế tính độc lập, tự chủ trong các doanh nghiệp ngày càng cao hơn. Mỗi doanh nghiệp phải năng động sáng tạo trong kinh doanh, phải chịu trách nhiệm trước kết quả kinh doanh của mình, bảo toàn được vốn kinh doanh và quan trọng hơn là kinh doanh có lãi. Muốn như vậy các doanh nghiệp phải nhận thức được vai trò của việc tổ chức hạch toán kế toán trong doanh nghiệp, đặc biệt là công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh. Bởi nó cho biết sản phẩm của doanh nghiệp được tiêu thụ như thế nào, chi phí trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ra sao và kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ doanh nghiệp đạt được. Những thông tin từ đây giúp nhà quản trị đưa ra các đối sách phù hợp cho sự phát triển của doanh nghiệp.

Vì vậy để công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phát huy hết vai trò và chức năng của nó, doanh nghiệp cần phải biết tổ chức công tác này một cách khoa học, hợp lý và thường xuyên.

Xuất phát từ đó và qua thời gian thực tế tìm hiểu công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương Mại Đại Hưng em đã đi sâu nghiên cứu về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong công ty với đề tài: ***“ Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng”***.

Nội dung bài luận văn của em gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Cơ Khí Vận Tải Thương Mại Đại Hưng.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Cơ Khí Vận Tải Thương Mại Đại Hưng.

Mặc dù, được sự hướng dẫn chỉ bảo tận tình của thầy Dương Văn Biên cùng các anh chị, cô chú phòng kế toán công ty Cổ Phần Cơ Khí Vận Tải Thương Mại Đại Hưng đã giúp em hoàn thành bài luận văn của mình, song do khả năng còn hạn chế và kinh nghiệm thực tế còn ít, báo cáo của em chắc chắn không tránh khỏi sai sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy, cô để bài luận văn của em được hoàn thiện hơn.

CHƯƠNG I

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1. Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu của doanh nghiệp bao gồm:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ;
- Doanh thu hoạt động tài chính;
- Thu nhập khác.

Các khoản làm giảm trừ doanh thu gồm có:

- Chiết khấu thương mại;
- Giảm giá hàng bán;
- Hàng bán bị trả lại;
- Ngoài ra còn có các loại thuế như: Thuế TTĐB; Thuế XK; Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

Chi phí

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành sản xuất kinh doanh trong một kỳ nhất định.

Phân loại chi phí gồm:

- Giá vốn hàng bán;
- Chi phí bán hàng;

- Chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Chi phí tài chính;
- Chi phí khác.

✚ Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Là việc xác định số tiền lãi, lỗ từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, thường là một tháng, một quý hoặc một năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được hình thành từ tổng hợp kết quả kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh chính, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

1.1.2. Ý nghĩa của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Để quản lý tốt hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, có nhiều công cụ khác nhau, trong đó kế toán là một trong những công cụ hữu hiệu. Tổ chức công tác kế toán khoa học, hợp lý là một trong những cơ sở cung cấp thông tin quan trọng nhất cho việc chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Để công cụ kế toán phát huy hết vai trò của mình, đòi hỏi doanh nghiệp phải không ngừng cải thiện và hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Đối với doanh nghiệp đây là một việc làm hết sức cần thiết, giúp người quản lý nắm bắt được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả. Ý nghĩa của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với các bên liên quan được thể hiện như sau:

- *Việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp các doanh nghiệp:*

- + Xác định hiệu quả của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp
- + Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh
- + Có căn cứ để thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước, thực hiện việc phân phối cũng như tái đầu tư sản xuất kinh doanh
- + Kết hợp các thông tin thu thập được với các thông tin khác để đề ra chiến lược, giải pháp sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

- *Việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng đối với Nhà nước:*

+ Trên cơ sở các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho Ngân sách Quốc gia. Từ đó, Nhà nước tái đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đảm bảo điều kiện về chính trị, an ninh, xã hội.

+ Thông qua tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính trị Quốc gia sẽ có cơ sở để đề ra các giải pháp phát triển nền kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.

+ Riêng đối với các doanh nghiệp có nguồn vốn của Nhà nước, việc xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không những đem lại nguồn thu cho Ngân sách mà còn đảm bảo nguồn vốn đầu tư của Nhà nước không bị thất thoát.

- *Đối với nhà đầu tư:* thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên báo cáo tài chính các nhà đầu tư sẽ phân tích đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có các quyết định đầu tư đúng đắn.

- *Đối với các tổ chức tài chính trung gian như Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính:* Các số liệu về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là căn cứ để ra quyết định cho vay vốn.

- *Đối với nhà cung cấp:* Kết quả hoạt động kinh doanh, lịch sử thanh toán là căn cứ để quyết định cho doanh nghiệp chậm thanh toán.

1.1.3. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp có vai trò quan trọng cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Từ kết quả hoạt động kinh doanh ta có thể đưa ra những chiến lược sản xuất, những phương hướng phát triển cho doanh nghiệp làm sao để nâng cao được doanh thu cho doanh nghiệp giảm chi phí đến mức thấp nhất.

Đối với một doanh nghiệp việc xác định kết quả kinh doanh là mục tiêu cuối cùng, là việc xác định lãi (lỗ), là cơ sở đánh giá hiệu quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh trong một thời kỳ nhất định của một doanh nghiệp, là điều kiện tốt nhất để cung cấp các thông tin cần thiết giúp cho ban lãnh đạo có thể phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và lựa chọn phương án sản xuất kinh doanh, phương án đầu tư có hiệu quả nhất đồng thời cung cấp kịp thời các thông tin tài chính cho các bên có liên quan.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp cho ban lãnh đạo doanh nghiệp nắm bắt được tình hình tiêu thụ, thu hồi các khoản phải thu của khách hàng, nắm bắt được kết quả kinh doanh của một kỳ, đưa ra phương hướng, kế hoạch cho kỳ tới. Chính vì thế làm tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ quyết định sự thành bại của doanh nghiệp.

1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Để phát huy được vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời và giám sát chặt chẽ tình hình các khoản doanh thu và chi phí.
- Lựa chọn phương pháp xác định đúng giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.
- Tham gia kiểm kê, đánh giá, lập báo cáo về tình hình tiêu thụ sản phẩm, kết quả bán hàng và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp.
- Xác định đúng và tập hợp đầy đủ chi phí bán hàng phát sinh trong quá trình bán hàng cũng như chi phí quản lý doanh nghiệp, phân bổ chi phí hợp lý.
- Tính toán phản ánh chính xác đầy đủ kịp thời tổng giá thanh toán của hàng bán ra bao gồm cả doanh thu bán hàng, các khoản giảm trừ doanh thu, thuế GTGT đầu ra của từng nhóm mặt hàng, từng hóa đơn, từng khách hàng, từng đơn vị trực thuộc.
- Ghi chép, theo dõi phản ánh kịp thời từng khoản chi phí, thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

- Lập và báo cáo kết quả kinh doanh đúng chế độ, kịp thời cung cấp các thông tin kinh tế cần thiết cho các bộ phận liên quan, đồng thời định kỳ tiến hành phân tích kinh tế đối với báo cáo kết quả kinh doanh, từ đó tham mưu cho Ban lãnh đạo về các giải pháp để gia tăng lợi nhuận.

1.2. Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- *Bán hàng*: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

- *Cung cấp dịch vụ*: Thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng theo một kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán như cho thuê TSCĐ theo phương thức thuê hoạt động...

- *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*: là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

❖ Điều kiện ghi nhận doanh thu

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam chuẩn mực số 14- Ban hành và công bố theo quyết định số 149/ QĐ- BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng bộ tài chính: Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ Một số nguyên tắc khi hạch toán doanh thu bán hàng

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có

thuế GTGT;

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (giá bán có cả thuế);

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (Bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu);

- Với doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công;

- Với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng;

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định;

- Với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá;

- Với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

❖ Các phương thức bán hàng, thời điểm ghi nhận doanh thu

- *Phương thức bán hàng trực tiếp*: là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy bán hàng của doanh nghiệp. Bán trực tiếp bao gồm bán buôn và bán lẻ.

+ Bán buôn: Là quá trình bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại, các tổ chức kinh tế khác. Kết thúc quá trình bán buôn hàng hóa vẫn trong lĩnh vực lưu

thông chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa chưa được thực hiện. Đặc điểm của bán buôn thường là bán với khối lượng lớn, được tiến hành theo các hợp đồng kinh tế.

Với phương thức này thì thời điểm ghi nhận doanh thu là:

- ✓ Bên mua đã nhận hàng, ký xác nhận vào hóa đơn đã nhận đủ hàng.
- ✓ Bên mua đã thanh toán tiền hàng hoặc nhận nợ.

+ Bán lẻ: Là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Đó là hành vi trao đổi diễn ra hàng ngày thường xuyên của người tiêu dùng.

Với phương thức này thì thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm ghi nhận báo cáo bán hàng của nhân viên bán hàng, doanh nghiệp bán các sản phẩm, hàng hóa trực tiếp cho người tiêu dùng (DN mất đi quyền sở hữu hàng hóa) và thu tiền ngay (Doanh nghiệp có quyền sở hữu tiền tệ).

- *Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng*: Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo thời điểm ghi trong hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ.

- *Phương thức bán hàng qua đại lý*: Là phương thức mà bên chủ hàng (bên giao đại lý) xuất hàng cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán, bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng.

+ Đối với bên giao đại lý: Doanh nghiệp giao hàng cho bên nhận đại lý, bên đại lý sẽ trực tiếp bán hàng, thanh toán cho doanh nghiệp và nhận tiền hoa hồng. Doanh nghiệp có nhiệm vụ nộp thuế GTGT, thuế TTĐB (nếu có) trên tổng giá trị hàng gửi bán không được trừ phần hoa hồng phải trả cho bên nhận đại lý. Khoản hoa hồng được coi như khoản chi phí và được hạch toán vào TK 641.

Theo phương thức này, khi doanh nghiệp xuất kho thành phẩm, hàng hóa gửi đi bán thì hàng chưa được xác định là tiêu thụ. Hàng gửi bán chỉ hạch toán vào doanh thu và được coi là đã tiêu thụ khi bên đại lý thông báo đã bán được hàng và nộp tiền bán hàng về cho doanh nghiệp.

+ Đối với bên nhận đại lý: Với số hàng bán đại lý không thuộc sở hữu của doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp cũng có trách nhiệm bảo quản, bán hộ và được hưởng tiền hoa hồng như trong hợp đồng đã ký.

Bên nhận đại lý ghi nhận doanh thu khi bên giao đại lý thanh toán tiền hoa hồng như hợp đồng đã ký.

- *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp*: Theo phương thức này, khách hàng sẽ thanh toán tiền hàng thành nhiều lần. Lần đầu vào thời điểm mua, số tiền còn lại người mua sẽ trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định cho số tiền trả chậm. Về mặt hạch toán khi giao hàng cho người mua, thu được tiền hoặc xác định được phân người mua phải trả thì hàng hóa được coi là tiêu thụ.

- *Phương thức hàng đổi hàng*: Là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đi đổi lấy vật tư, hàng hóa không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa trên thị trường.

- *Phương thức tiêu thụ nội bộ*: Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa dịch vụ giữa đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một tổng công ty, một tập đoàn, một xí nghiệp...

❖ **Chứng từ, sổ sách, tài khoản sử dụng**

➤ *Chứng từ kế toán sử dụng*

Tùy theo phương thức, hình thức bán hàng, phương thức thanh toán, kế toán bán hàng sử dụng các chứng từ kế toán sau:

- Hóa đơn GTGT (Mẫu 01 – GTKT) đối với những đơn vị hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu 02 – GTTT) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp).

- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng....)

- Chứng từ liên quan khác: Phiếu XK, Phiếu NK hàng trả lại...

➤ *Sổ sách kế toán sử dụng*

- Bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra

- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu 14 - BH)

- Báo cáo bán hàng
- Sổ cái TK 511, TK 512
- *Tài khoản sử dụng*

Phản ánh các khoản liên quan đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kế toán sử dụng tài khoản sau:

***Tài khoản 511** - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ và có 6 tài khoản cấp 2:

TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá

TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK 5117: Doanh thu bất động sản đầu tư

TK 5118: Doanh thu khác

Kết cấu tài khoản 511:

✓ **Bên Nợ:**

- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ
- Khoản giảm giá hàng bán bị kết chuyển cuối kỳ
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.
- Số thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp
- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK911 để xác định kết quả kinh doanh

✓ **Bên Có:**

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

***Tài khoản 512** - Doanh thu tiêu thụ nội bộ

Doanh thu tiêu thụ nội bộ: Là số tiền thu được do bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty,

tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

Tài khoản 512 - Doanh thu nội bộ gồm 3 tiểu khoản:

TK 5121 - Doanh thu bán hàng hoá

TK 5122 - Doanh thu bán các thành phẩm

TK 5123 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

Kết cấu tài khoản 512:

Bên Nợ

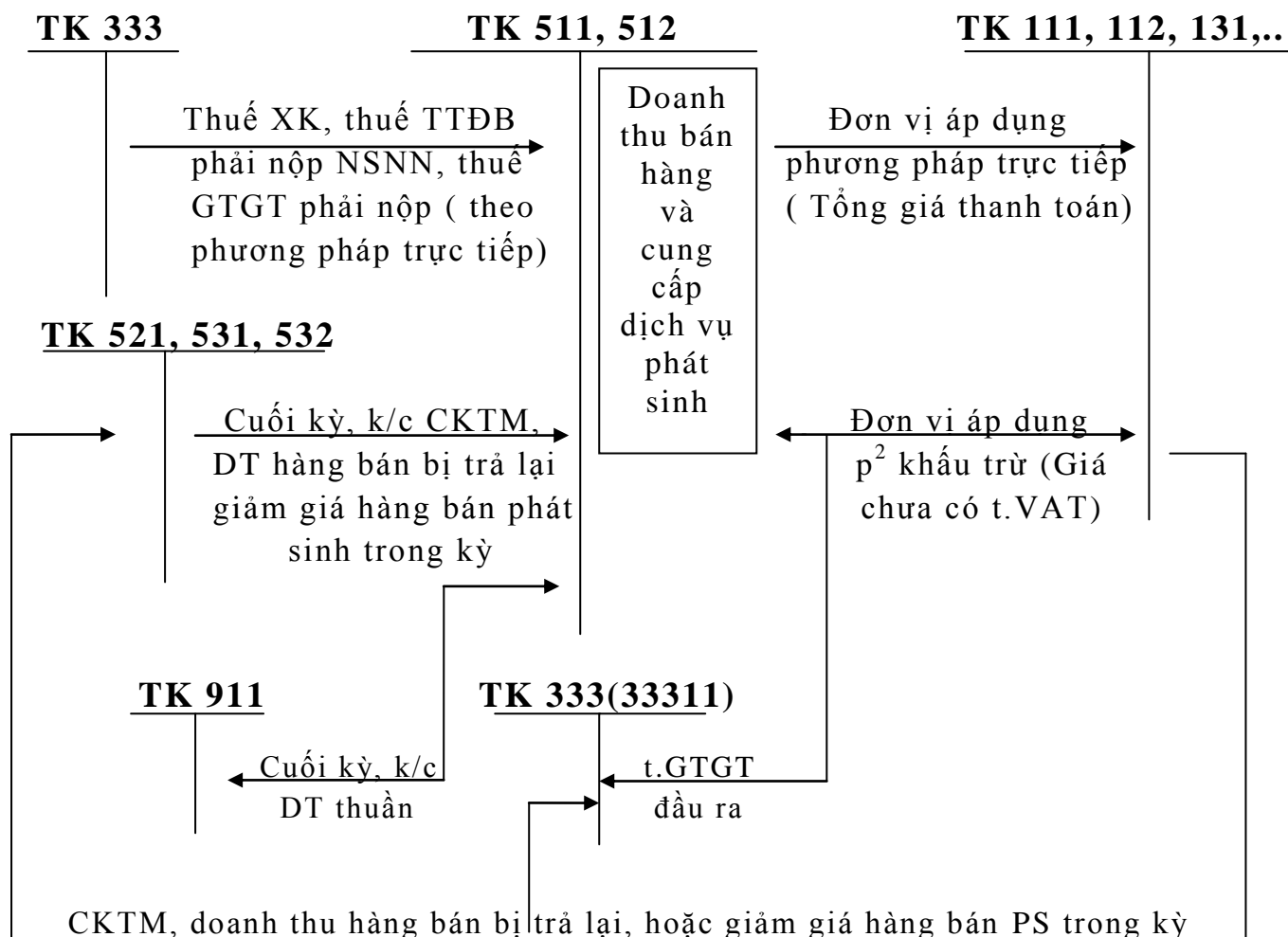
- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán;
- Số thuế TTĐB phải nộp của số SP, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ;
- Số t.GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số SP, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ;
- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần sang TK 911.

Bên Có

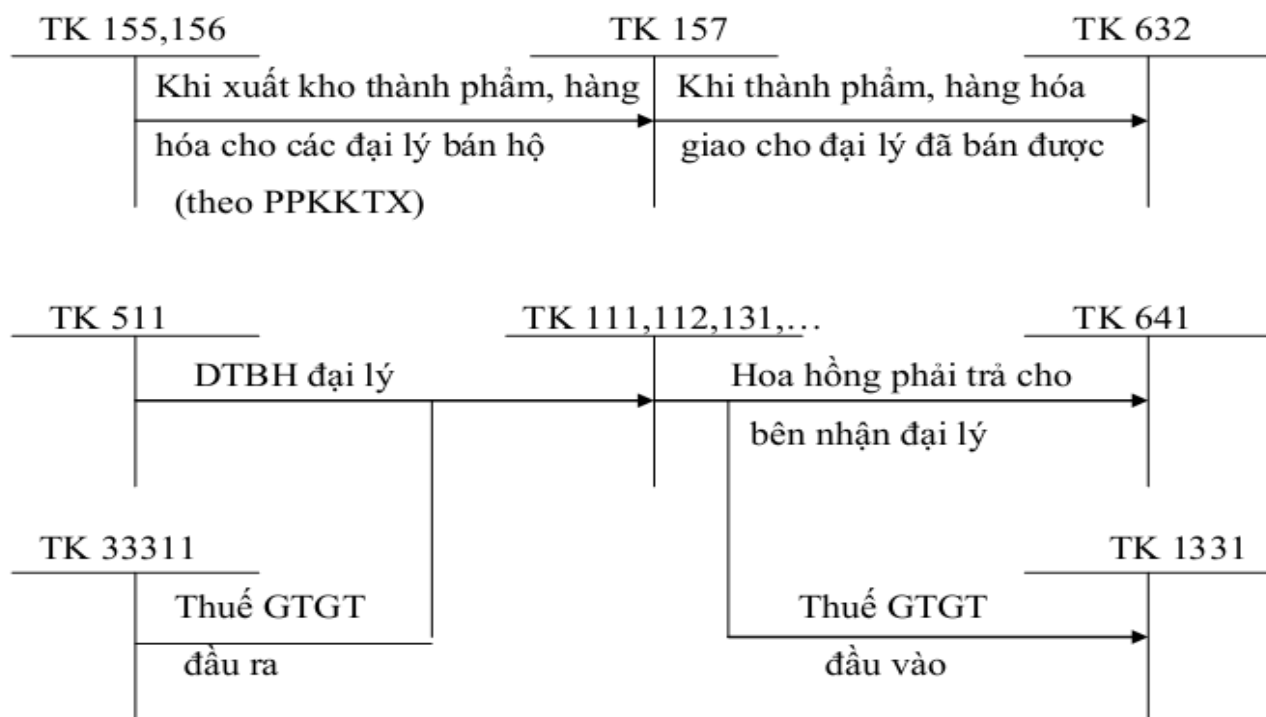
Tổng doanh thu bán hàng nội bộ của DN trong kỳ kế toán.

Tài khoản 512 không có số dư đầu và cuối kỳ.

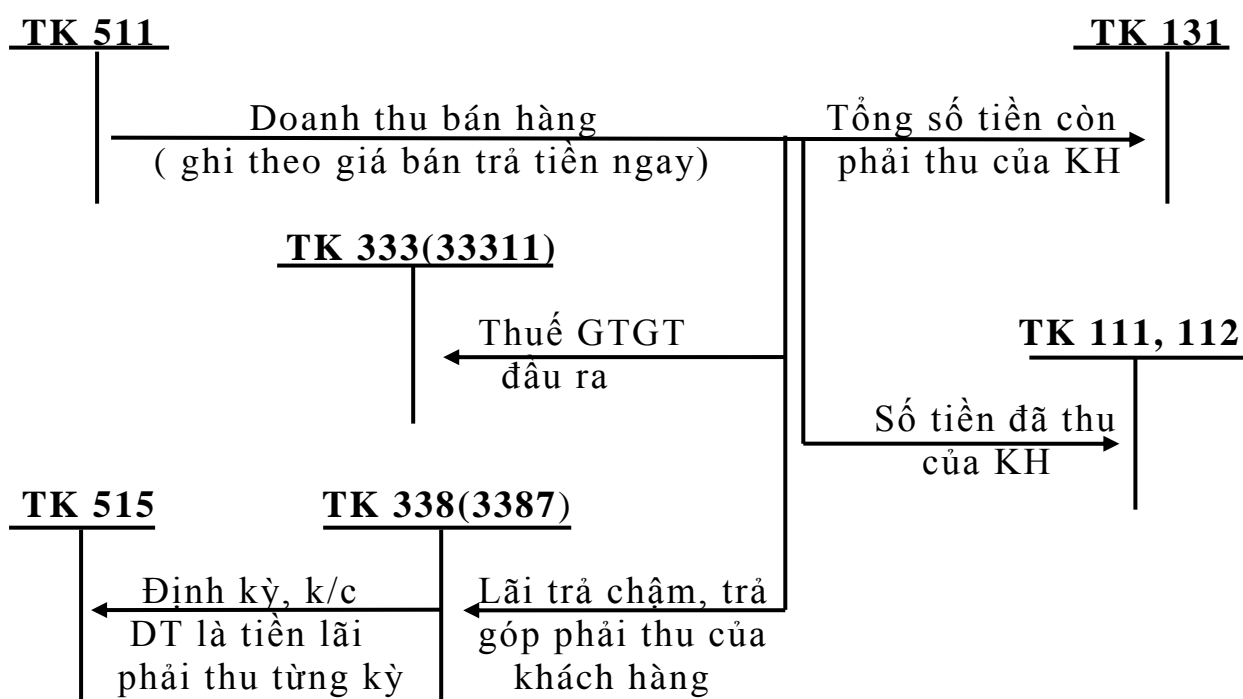
Sơ đồ 1.1: Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



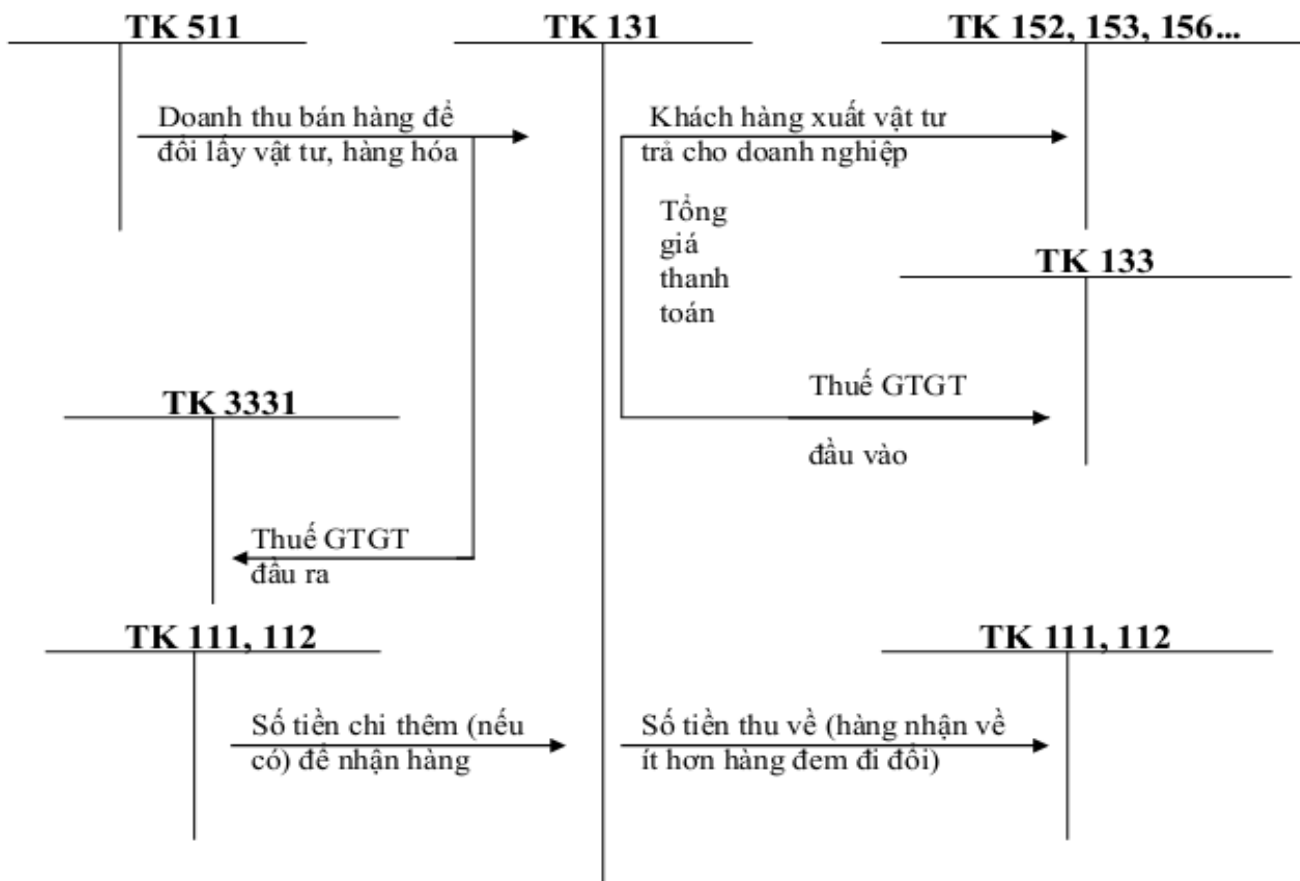
Sơ đồ 1.2. Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng



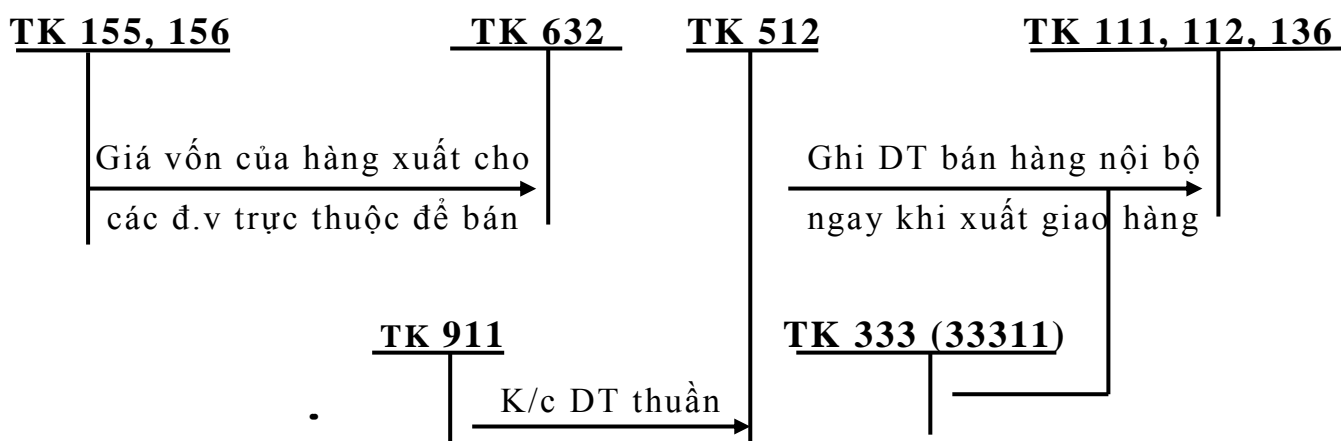
Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp



Sơ đồ 1.4: Kế toán bán hàng theo phương thức trao đổi hàng



Sơ đồ 1.5: Hạch toán doanh thu bán hàng nội bộ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ



❖ Các khoản giảm trừ doanh thu**➤ Chiết khấu thương mại – Tài khoản 521**

Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên “Hoá đơn GTGT” hoặc “Hoá đơn bán hàng” lần cuối cùng.

Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hoá đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại trong các trường hợp này được hạch toán vào Tài khoản 521.

Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

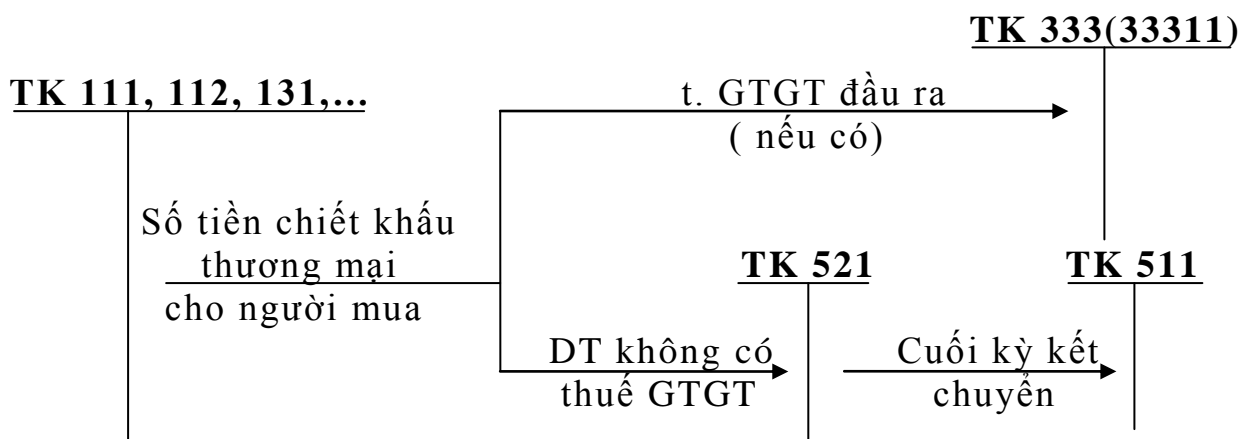
Kết cấu tài khoản 521:

Bên Nợ: Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

Bên Có: Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.6: Kế toán chiết khấu thương mại
(Doanh nghiệp áp dụng phương pháp khấu trừ)



➤ **Hàng bán bị trả lại – Tài khoản 531**

Hàng bán bị trả lại: Là khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách, mẫu mã, kích thước,...

Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hợp đồng (nếu trả lại một phần hàng) và đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.

Giá trị của hàng bán bị trả lại phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh doanh thu bán hàng thực tế trong kỳ kinh doanh để tính doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm, hàng hóa đã bán trong kỳ báo cáo. Tài khoản này chỉ phản ánh giá trị của số hàng đã bán bị trả lại (Tính theo đúng đơn giá bán ghi trên hóa đơn). Các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào tài khoản 641 – Chi phí bán hàng.

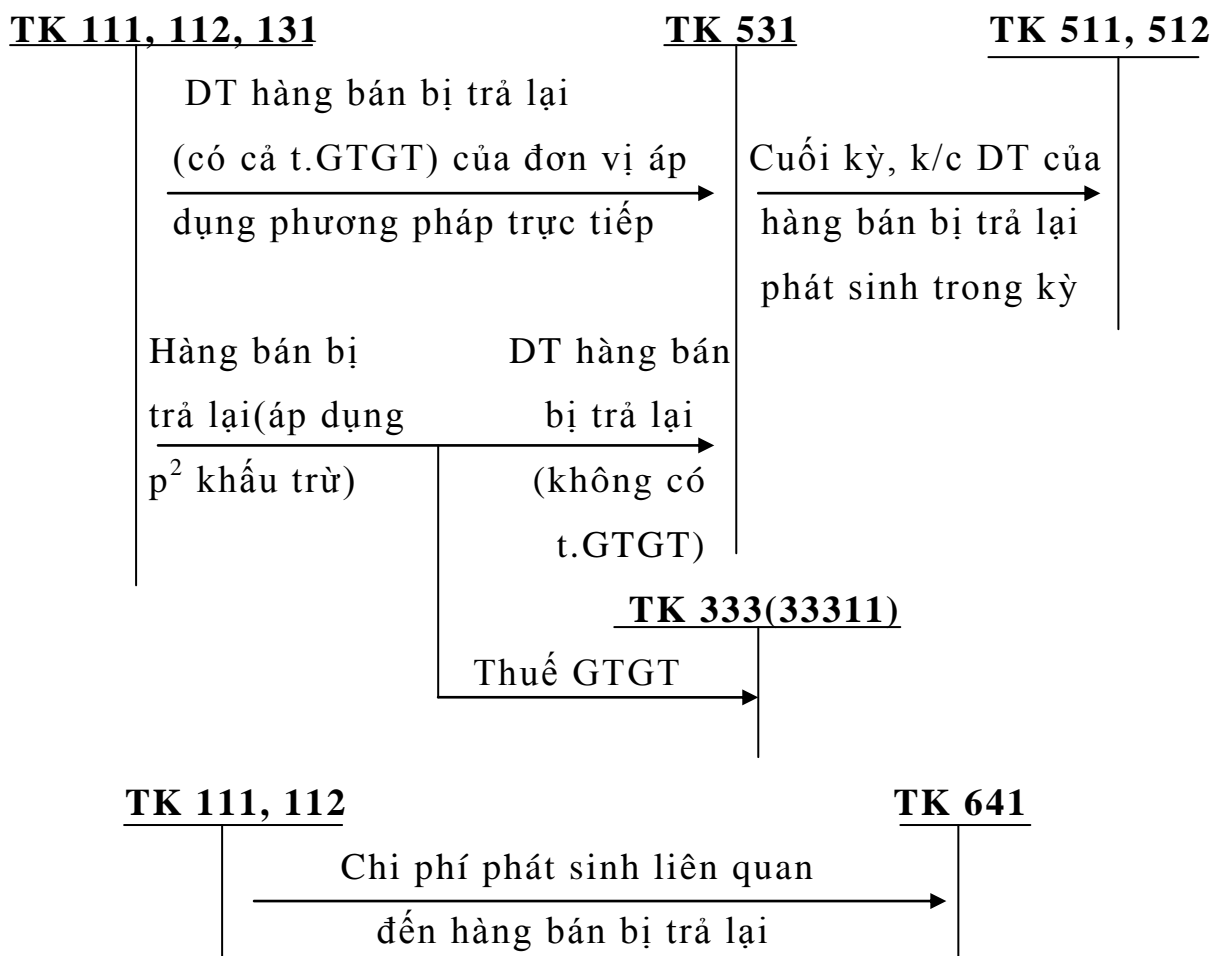
Kết cấu tài khoản 531:

Bên Nợ: Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho khách hàng hoặc trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.

Bên Có: Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ TK 511 hoặc TK 512 để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.7: Kế toán hàng bán bị trả lại



➤ **Giảm giá hàng bán – Tài khoản 532**

Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

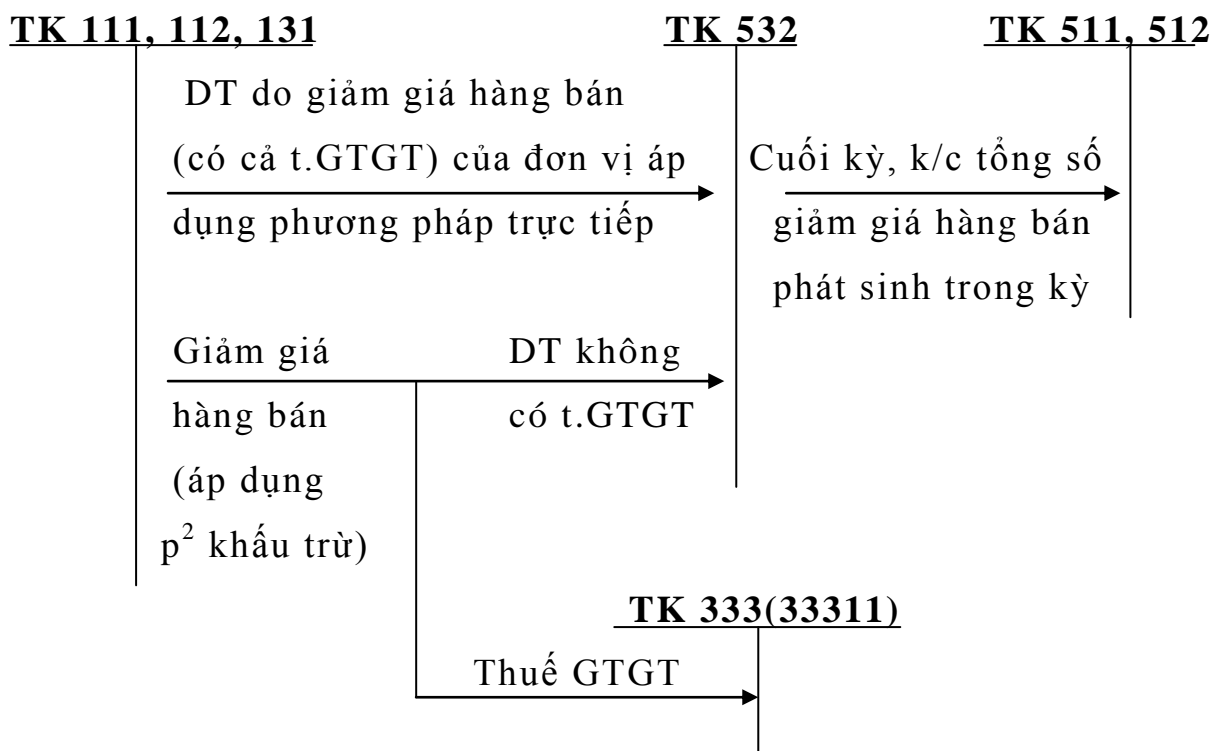
Kết cấu tài khoản 532:

Bên Nợ: Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng kém phẩm chất, sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Bên Có: Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang tài khoản 511 hoặc 512.

Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.8: Kế toán giảm giá hàng bán



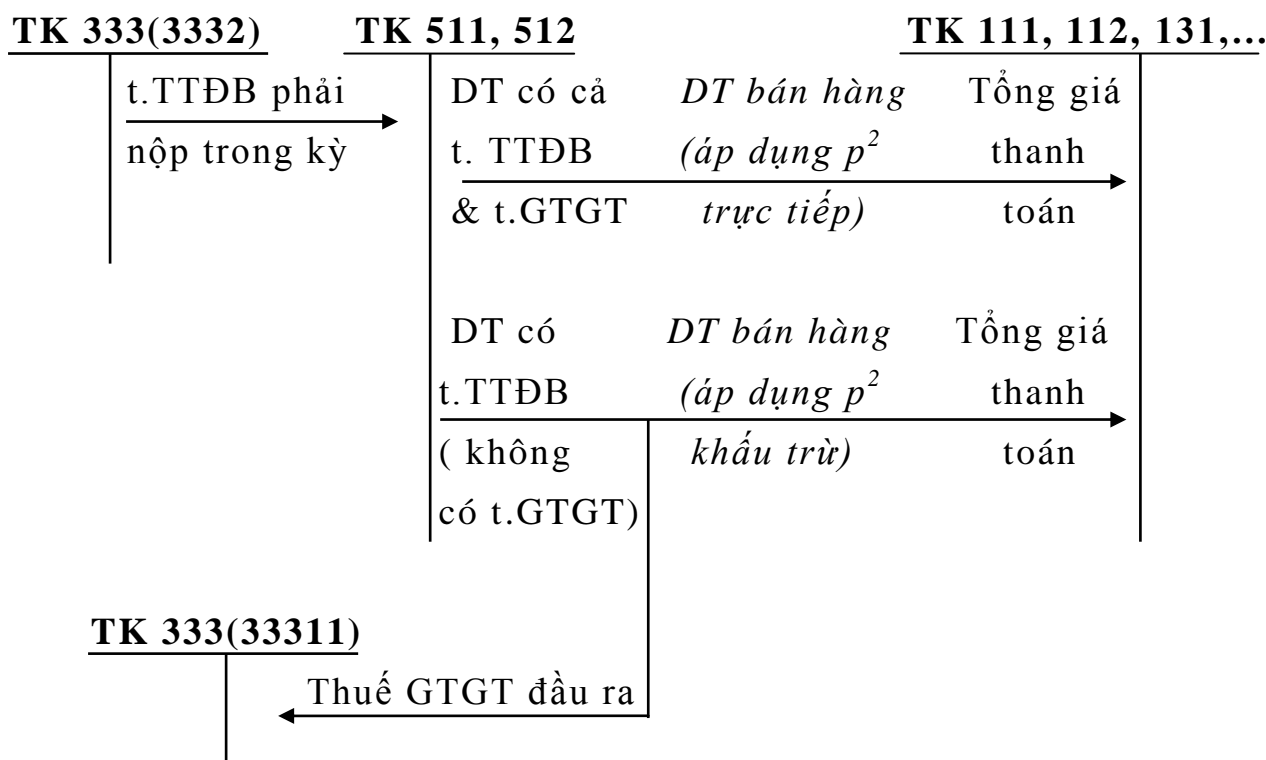
➤ **Thuế TTĐB, thuế XK, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp**

+ *Thuế tiêu thụ đặc biệt*: là loại thuế đánh trên hàng hóa dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt tại một khâu duy nhất là khâu sản xuất hoặc nhập khẩu, đây là loại thuế gián thu cấu thành trong giá bán sản phẩm.

$$\text{Thuế TTĐB phải nộp} = \text{Giá tính thuế TTĐB} \times \text{Thuế suất t. TTĐB}$$

$$\text{Giá tính thuế TTĐB (hàng hóa SX trong nước)} = \frac{\text{Giá bán chưa có thuế GTGT}}{1 + \text{Thuế suất thuế TTĐB}}$$

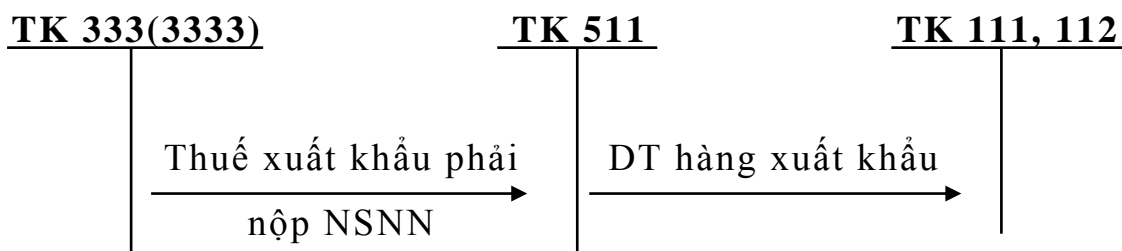
Sơ đồ 1.9: Kế toán thuế TTĐB đối với hàng sản xuất trong nước



- Giá tính thuế TTĐB = Giá tính thuế nhập khẩu + Thuế nhập khẩu
(hàng hóa nhập khẩu)

+ *Thuế xuất khẩu*: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu loại hàng hóa chịu thuế xuất khẩu.

Sơ đồ 1.10: Kế toán thuế xuất khẩu



+ *Thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp*: là số thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp được tính:

$$\text{Số thuế GTGT phải nộp} = \frac{\text{GTGT của hàng hóa, dịch vụ}}{\text{Thuế suất thuế GTGT}}$$

$$\text{Giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ} = \frac{\text{Doanh số hàng hóa, dịch vụ bán ra}}{\text{Giá vốn hàng hóa, dịch vụ bán ra}}$$

❖ **Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định:**

$$\text{Doanh thu thuần} = \text{Doanh thu bán hàng và CCDV} - \text{Chiết khấu thương mại} - \text{Doanh thu hàng bán bị trả lại} - \text{Doanh thu hàng giảm giá} - \text{Thuế XK, t.TTĐB phải nộp, t.GTGT phải nộp (theo p² trực tiếp)}$$

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán: là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hoá (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Để tính giá vốn từng mặt hàng xuất kho, doanh nghiệp sử dụng một trong các phương pháp sau:

➤ *Phương pháp Nhập trước - Xuất trước (FIFO)*

Theo phương pháp này, kế toán giả định lượng hàng nhập trước sẽ được xuất trước. Xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau. Giá thực tế của hàng nhập trước sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối cùng hoặc gần cuối kỳ.

Phương pháp này thường áp dụng trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm để tránh trường hợp rủi ro.

➤ *Phương pháp Nhập sau - Xuất trước (LIFO)*

Theo phương pháp này, kế toán giả định hàng nhập sau cùng sẽ được xuất trước tiên. Xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước. Giá trị thực tế của hàng nhập sau sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị

hàng tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần đầu hoặc gần đầu kỳ.

Phương pháp này thường áp dụng trong trường hợp lạm pháp.

➤ *Phương pháp thực tế đích danh*

Theo phương pháp này, doanh nghiệp phải quản lý vật tư hàng hóa theo từng lô hàng, giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất lô hàng nào thì lấy giá thực tế của lô hàng đó.

Phương pháp này thường áp dụng trong các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc các mặt hàng có tính tách biệt (dễ nhận diện), có điều kiện bảo quản riêng từng lô hàng nhập kho.

➤ *Phương pháp bình quân gia quyền*

Phương pháp này thường áp dụng trong các doanh nghiệp có tính ổn định về giá cả hàng nhập kho.

Theo phương pháp này trị giá hàng xuất kho được xác định bằng:

Số lượng hàng xuất kho x Đơn giá bình quân

- Nếu đơn giá bình quân được tính cho cả kỳ được gọi là phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$DG BQ \text{ cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá TT tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá TT nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ tính toán đơn giản, dễ làm nhưng độ chính xác không cao và chỉ tính được khi đã kết thúc kỳ hạch toán nên công việc dồn vào cuối kỳ.

- Nếu đơn giá bình quân được tính cho từng lần nhập (nghĩa là sau mỗi lần nhập kế toán phải tính toán lại giá đơn vị bình quân 1 lần)

được gọi là phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn:

$$DGBQ \text{ sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá thực tế HTK sau lần nhập thứ } i}{\text{Lượng thực tế HTK sau lần nhập thứ } i}$$

Phương pháp này có độ chính xác cao, vừa phản ánh được tình hình biến động của giá cả, vừa đảm bảo tính kịp thời của số liệu kế toán nhưng tốn nhiều công sức vì phải tính toán nhiều.

➤ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu nhập kho (**Mẫu 01 - VT**)
- Phiếu xuất kho (**Mẫu 02 - VT**)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (**Mẫu 03 - VT**)
- Hóa đơn GTGT (**Mẫu số 01 GTKT - 3LL**)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (**Mẫu 02 GTTT - 3LL**)

➤ **Tài khoản sử dụng:** Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán.

Kết cấu tài khoản 632

✓ **Bên Nợ:**

- + Trị giá vốn thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xuất bán trong kỳ
- + Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- + Chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư

✓ **Bên Có:**

- + Hoàn lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính
- + Kết chuyển giá vốn hàng hóa đã bán sang bên nợ TK 911

✓ **Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ**

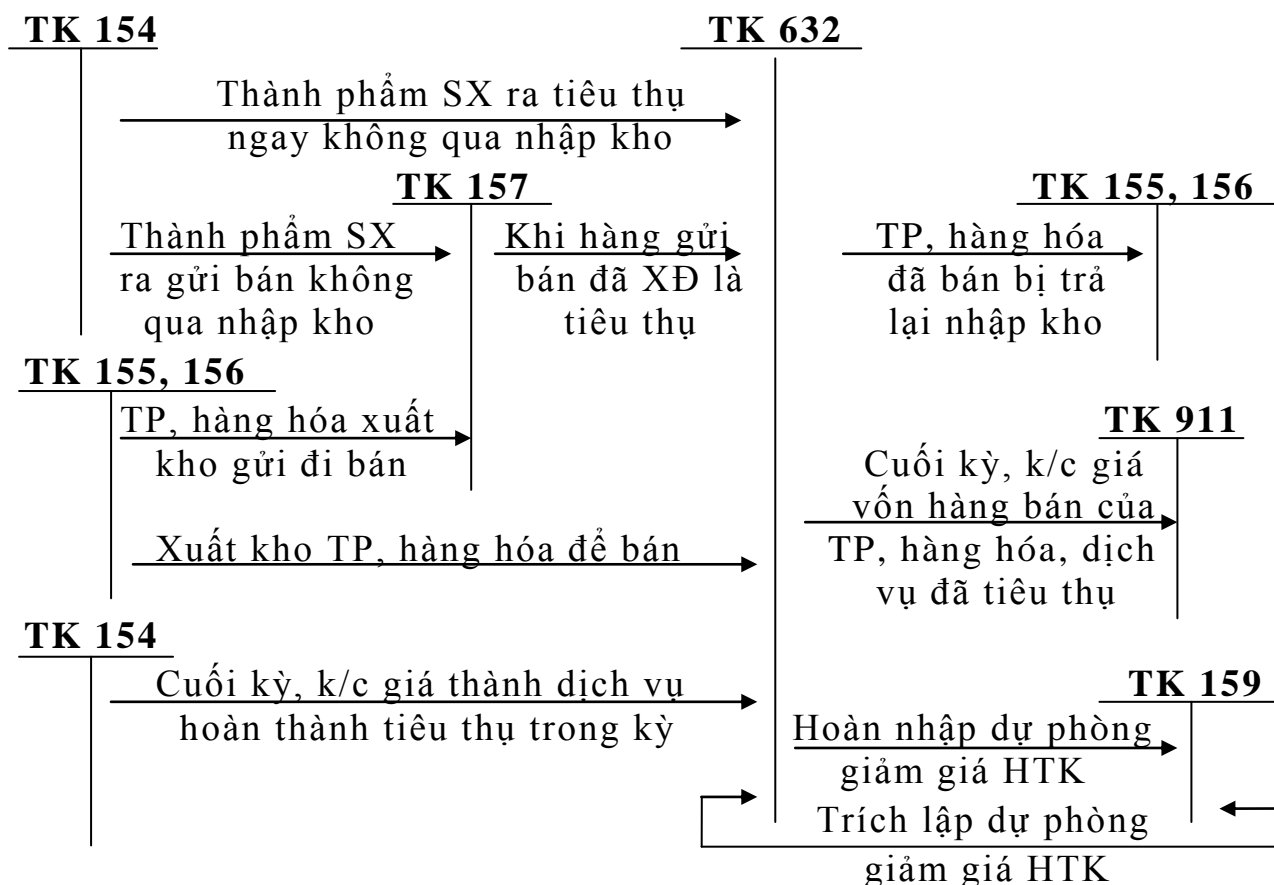
* *Doanh nghiệp hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên (KKTX)*

Phương pháp KKTX là phương pháp kế toán tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập, xuất, tồn kho của hàng hóa trên từng tài khoản kế toán theo từng chứng từ nhập - xuất.

Việc xác định trị giá vốn thực tế xuất kho được căn cứ trực tiếp vào các chứng từ xuất kho và thông qua một trong bốn phương pháp tính trị giá vốn của hàng xuất kho đã được trình bày ở phần trên.

Trị giá vốn của hàng hóa tồn kho trên tài khoản, sổ kế toán được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

Sơ đồ 1.11: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KCTX



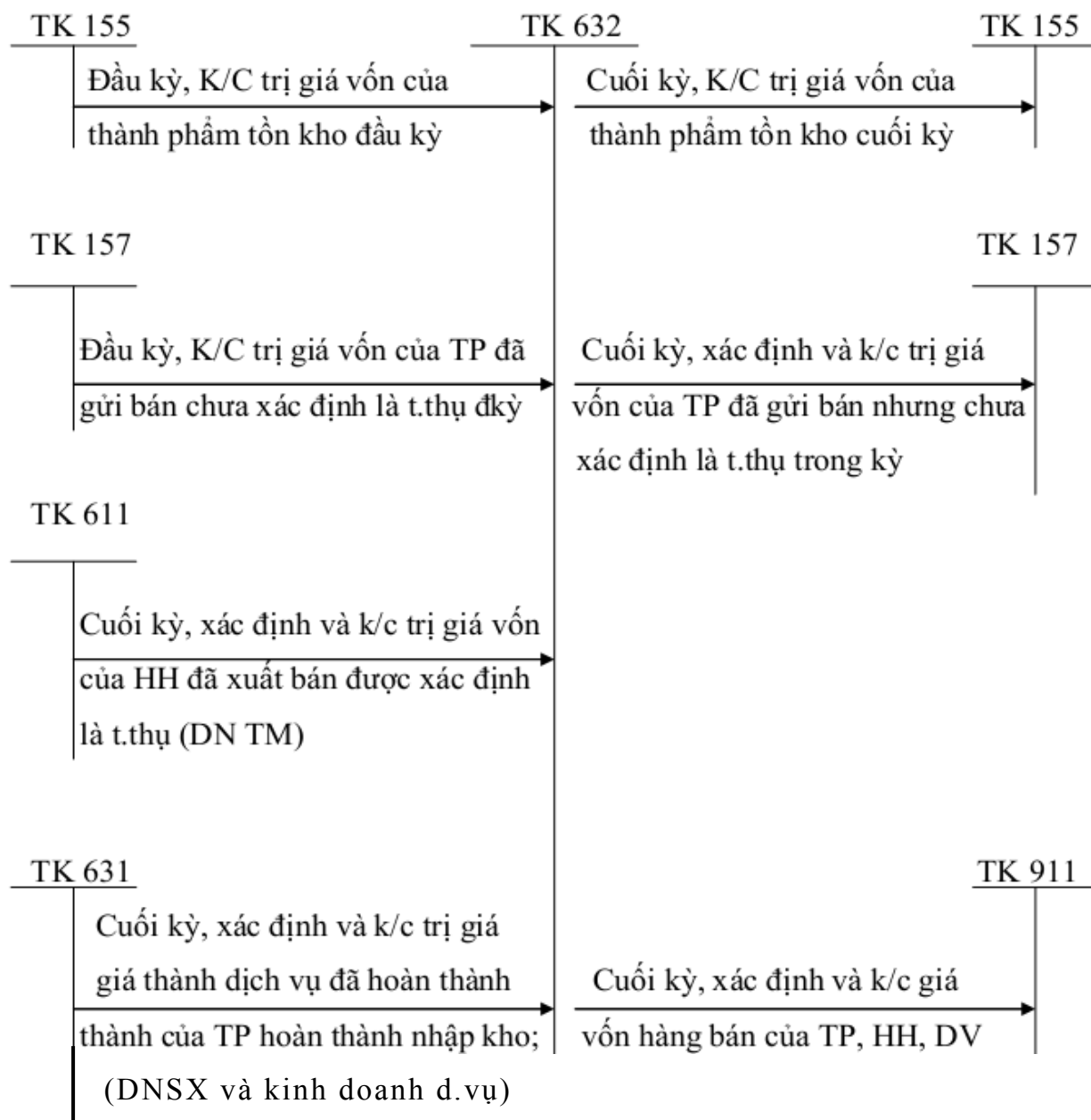
* Doanh nghiệp hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ (KKĐK)

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp kế toán không tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho, và tồn kho của thành phẩm, hàng hóa trên các tài khoản hàng tồn kho TK152,153,155... và các sổ tổng hợp mà chỉ theo dõi trên các tài khoản giá trị hàng tồn kho đầu kỳ và tồn cuối kỳ thông qua việc kiểm kê định kỳ để xác định giá vốn của hàng xuất kho theo phương pháp cân đối. Giá vốn thực tế của thành phẩm xuất kho chỉ phản ánh tổng số, không phân tích chi tiết theo từng mục đích xuất dùng.

Xác định trị giá vốn của hàng hóa xuất kho:

$$\begin{aligned}
 &\text{Trị giá vốn của hàng bán trong kỳ} = \text{Trị giá thực tế của HH tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vốn của HH gửi bán chưa XD tiêu thụ đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế của HH nhập trong kỳ} - \text{Trị giá vốn thực tế của HH tồn cuối kỳ} - \text{Trị giá vốn thực tế của HH gửi bán chưa XD là tiêu thụ C.kỳ}
 \end{aligned}$$

Sơ đồ 1.12: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK



1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng & chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng

❖ *Khái niệm*

Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ.

❖ *Chứng từ kế toán sử dụng*

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11 - LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 - TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 - VT)
- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT - 3LL)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 - TT)
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng

❖ *Sổ sách kế toán sử dụng*

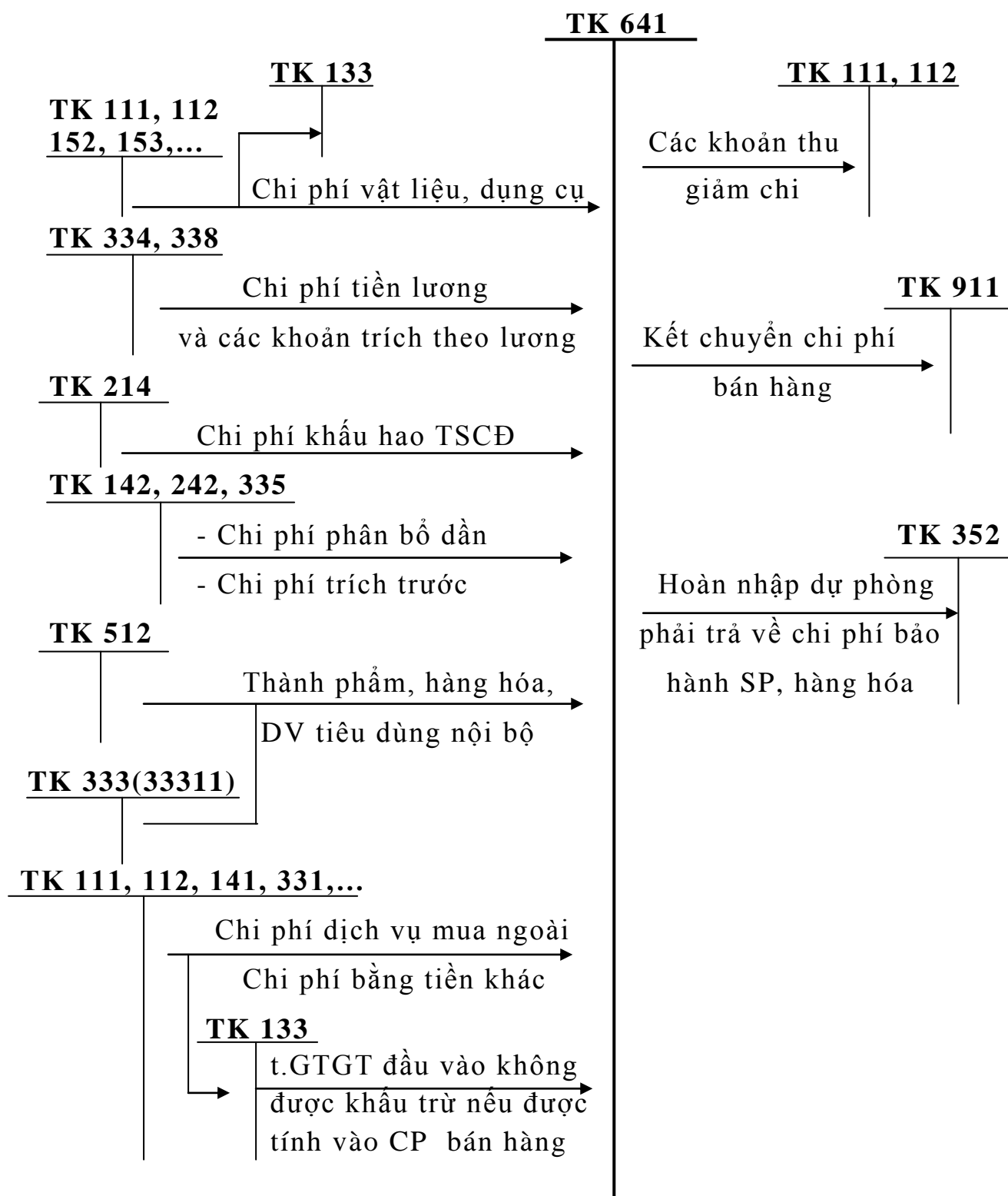
- Sổ cái, sổ chi tiết tài khoản 641
- Sổ nhật ký chung

❖ *Tài khoản kế toán sử dụng*

Tài khoản 641 – “Chi phí bán hàng” được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như:

- TK 6411: Chi phí nhân viên
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415: Chi phí bảo hành
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

Sơ đồ 1.13: Kế toán chi phí bán hàng



1.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

❖ *Khái niệm*

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp.

❖ *Chứng từ kế toán sử dụng*

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11 - LĐTL)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 - VT)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 - TSCĐ)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 - TT)
- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKL - 3LL)
- Hoá đơn thông thường (Mẫu số 02 GTGT - 3LL)
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng

❖ *Sổ sách kế toán sử dụng*

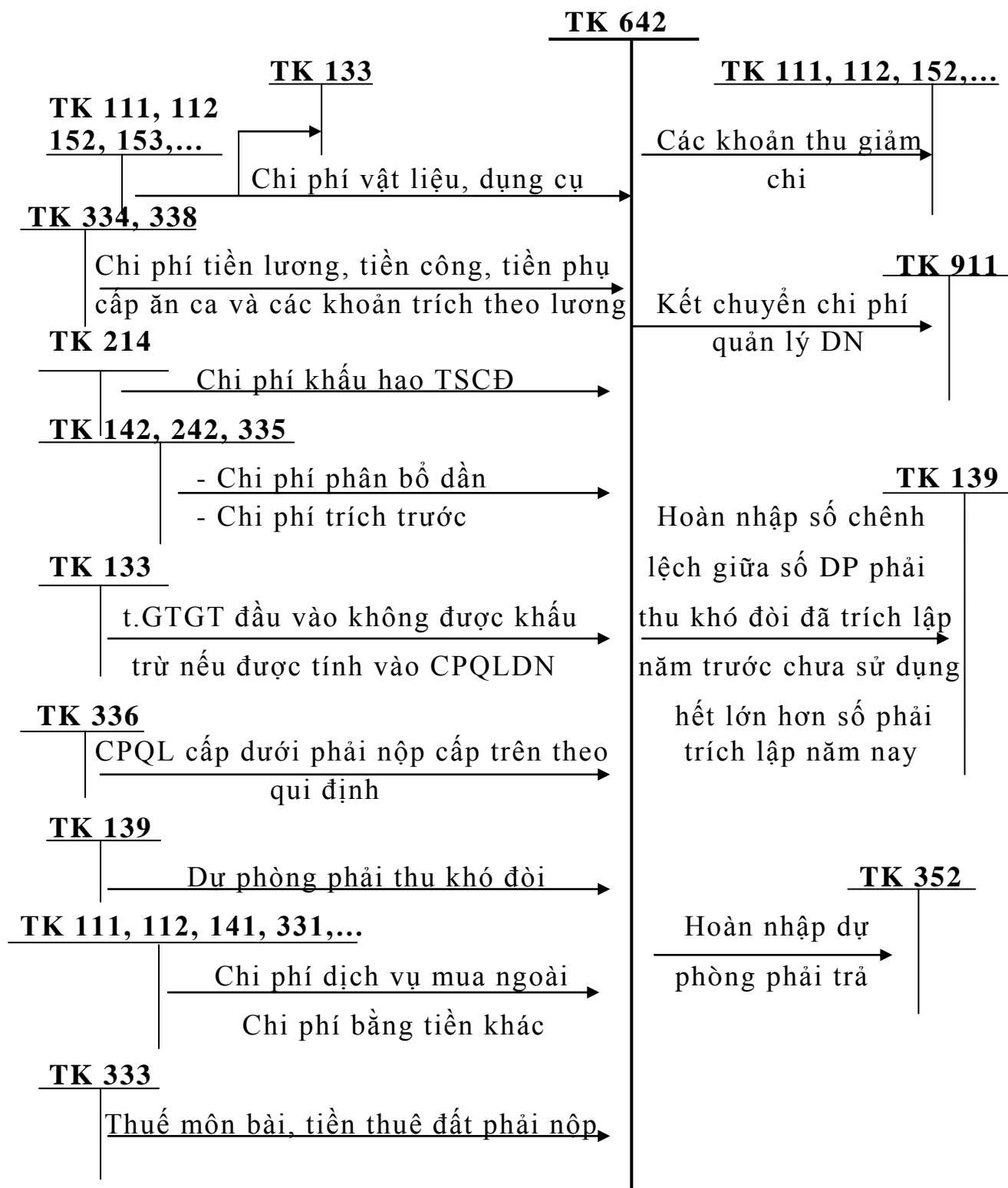
Sổ cái, sổ chi tiết tài khoản 642, Sổ nhật ký chung.

❖ *Tài khoản kế toán sử dụng*

Tài khoản 642 – “Chi phí quản lý doanh nghiệp” được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí:

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426: Chi phí dự phòng
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

Sơ đồ 1.14: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

1.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

❖ Khái niệm

Doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn đưa lại, bao gồm:

- Tiền lãi như lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi từ đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ;
- Cổ tức lợi nhuận được chia;
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư; vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác;
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;
- Lãi tỷ giá hối đoái;
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ;
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

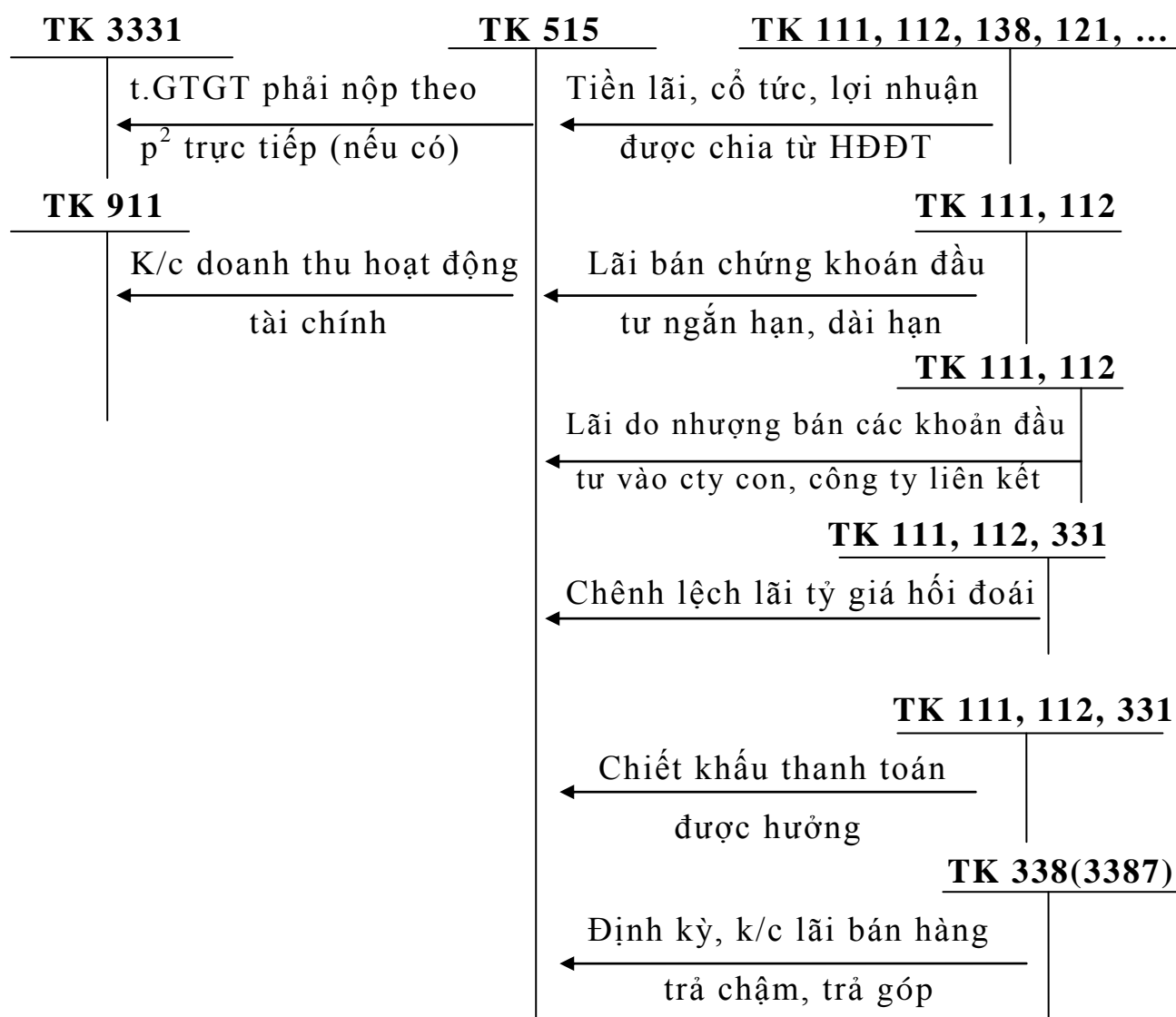
❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Các chứng từ khác liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

TK 515 - “Doanh thu hoạt động tài chính”

Sơ đồ 1.15: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



1.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

❖ **Khái niệm**

Chi phí tài chính: là các khoản chi phí đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý các nguồn vốn, tăng thêm thu nhập nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm những nội dung sau:

- Chi phí lãi vay phải trả, lãi mua hàng theo hình thức trả góp
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Lỗ từ nhượng bán chứng khoán
- Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn
- Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái...

❖ *Chứng từ sử dụng*

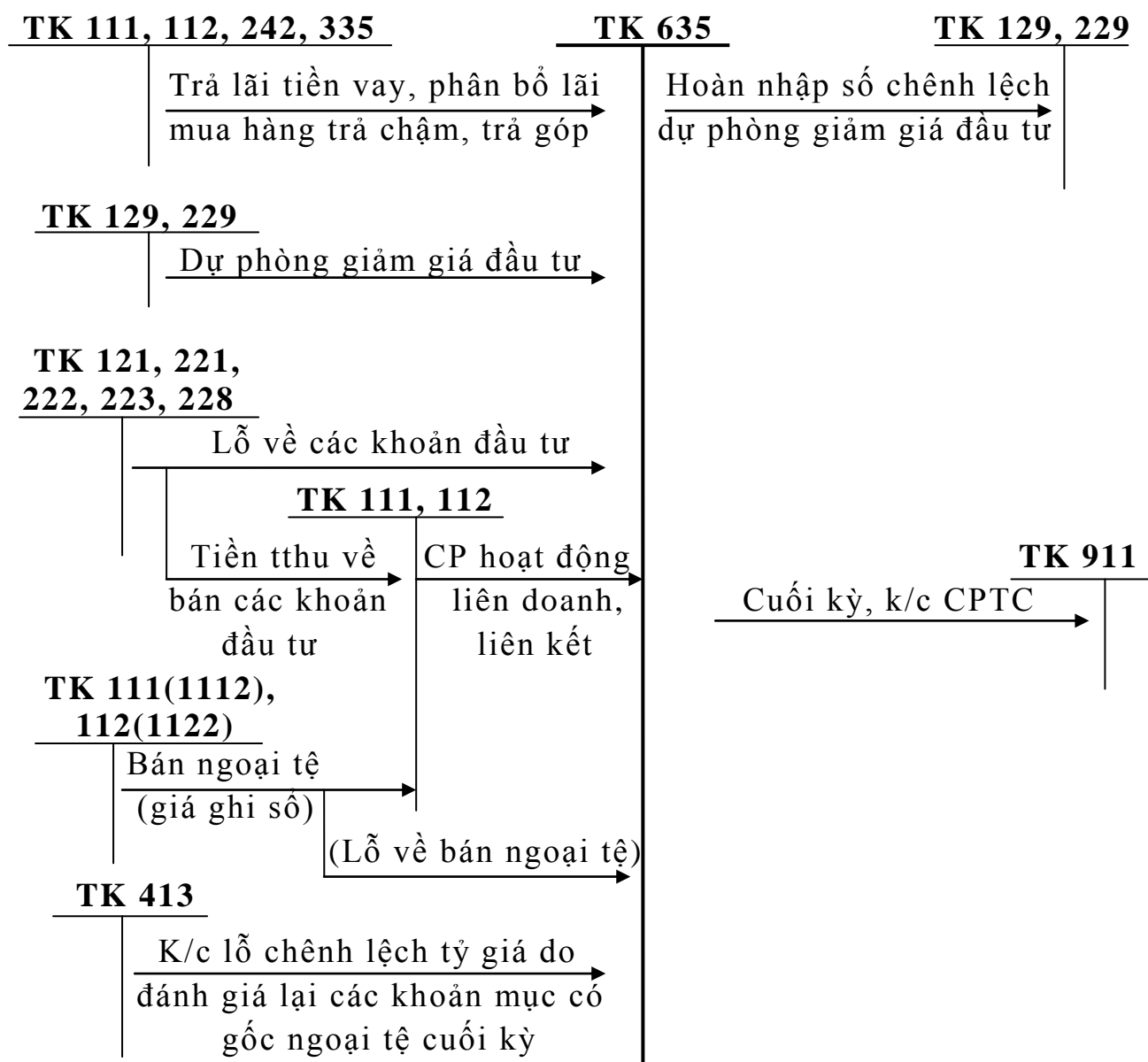
- Phiếu chi; Giấy báo nợ
- Các chứng từ khác liên quan

❖ *Tài khoản sử dụng*

Tài khoản 635 - “Chi phí hoạt động tài chính”

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 1.16: Kế toán chi phí tài chính



1.2.5. Kế toán thu nhập, chi phí khác

1.2.5.1. Kế toán thu nhập khác

❖ **Khái niệm**

Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

Thu nhập khác của doanh nghiệp gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ nay đòi được
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ kế toán, năm nay mới phát hiện ra,...

❖ **Chứng từ sử dụng**

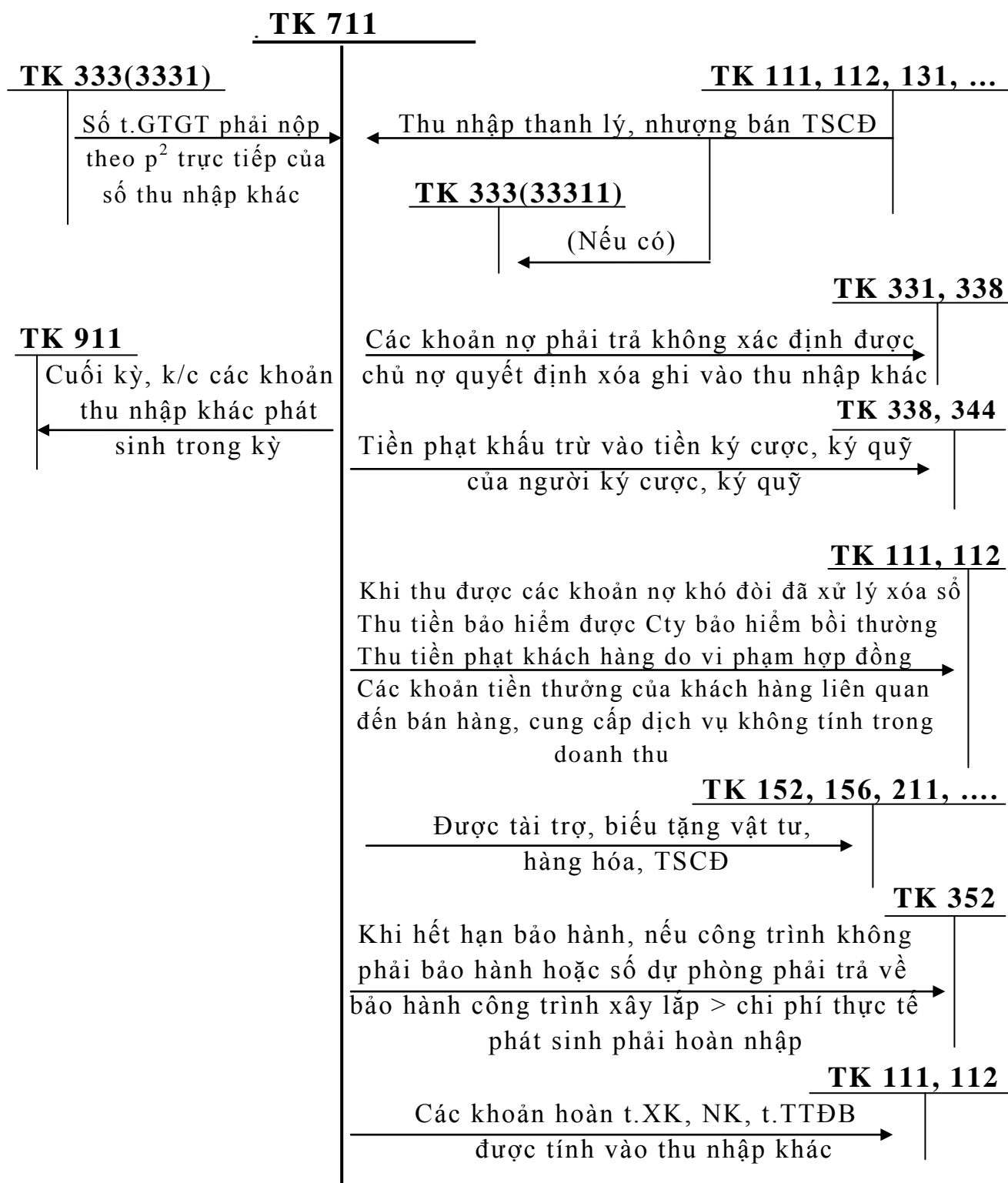
- Phiếu thu;
- Phiếu kế toán;
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ

❖ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 711 - "Thu nhập khác"

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 1.17: Kế toán thu nhập khác



1.2.5.2. Kế toán chi phí khác

❖ *Khái niệm*

Chi phí khác: Là các khoản chi phí phát sinh ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

Chi phí khác phát sinh bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế;
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán;
- Các khoản chi phí khác.

❖ *Chứng từ sử dụng*

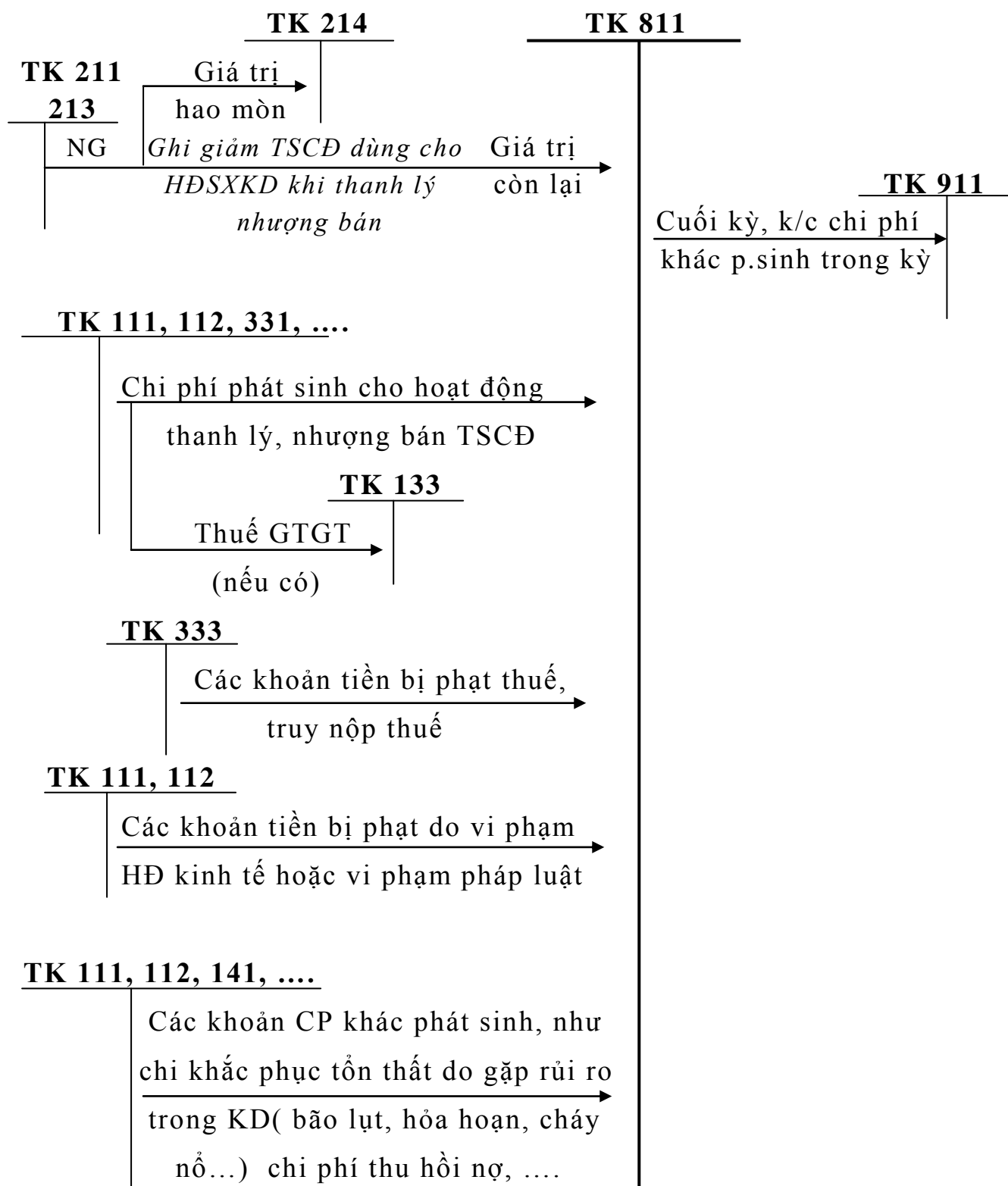
- Phiếu chi
- Phiếu kế toán
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ

❖ *Tài khoản kế toán sử dụng*

Tài khoản 811 - “Chi phí khác”

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 1.18: Kế toán chi phí khác



1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.6.1. Nội dung kế toán xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

✚ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (lãi hoặc lỗ) được xác định trên cơ sở tổng hợp tất cả kết quả của mọi hoạt động sản xuất kinh doanh chính và phụ trong doanh nghiệp.

Cách tính một số chỉ tiêu như sau:

$$\text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$$

$$\text{Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

$$\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Chi phí bán hàng} - \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp}$$

✚ Kết quả từ hoạt động tài chính

Kết quả hoạt động tài chính là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

$$\text{Lợi nhuận từ hoạt động tài chính} = \text{Thu nhập hoạt động tài chính} - \text{Chi phí hoạt động tài chính}$$

✚ Kết quả từ hoạt động khác

Kết quả hoạt động khác của doanh nghiệp là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

$$\text{Lợi nhuận từ hoạt động khác} = \text{Thu nhập từ hoạt động khác} - \text{Chi phí cho hoạt động khác}$$

1.2.6.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng lợi nhuận} & & \text{Lợi nhuận thuần từ} & & \text{Lợi nhuận từ} & & \text{Lợi nhuận từ} \\ \text{kế toán trước} & = & \text{hoạt động bán hàng} & + & \text{hoạt động tài} & + & \text{hoạt động} \\ \text{thuế} & & \text{và CCDV} & & \text{chính} & & \text{khác} \end{array}$$

$$\begin{array}{ccc} \text{Lợi nhuận sau thuế thu} & = & \text{Tổng lợi nhuận kế} \\ \text{nhập doanh nghiệp} & & \text{toán trước thuế} \\ & & - \text{Chi phí thuế thu nhập} \\ & & \text{doanh nghiệp} \end{array}$$

- ❖ Chứng từ sử dụng
Phiếu kế toán
- ❖ Tài khoản kế toán sử dụng
Tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”
- ❖ Kết cấu tài khoản 911
 - ✓ **Bên Nợ:**
 - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ
 - Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp
 - Chi phí tài chính, chi phí khác
 - Chi phí thuế TNDN
 - Kết chuyển lãi
 - ✓ **Bên Có:**
 - Doanh thu thuần của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.
 - Doanh thu hoạt động tài chính.
 - Thu nhập khác.
 - Khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN.
 - Kết chuyển lỗ.
 - ✓ **Tài khoản 911 không có số dư đầu và cuối kỳ.**

1.2.7. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

❖ **Khái niệm**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành. Trong đó:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ liên quan khác

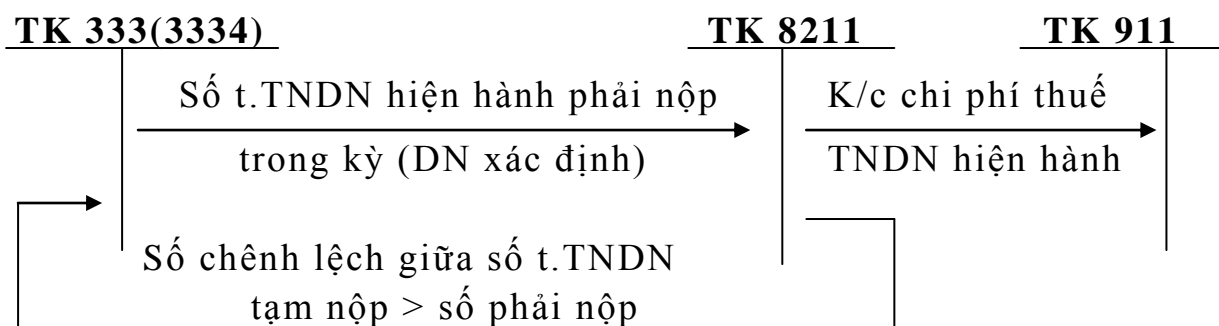
❖ **Tài khoản kế toán sử dụng**

TK 821–“ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp” có 2 TK cấp 2:

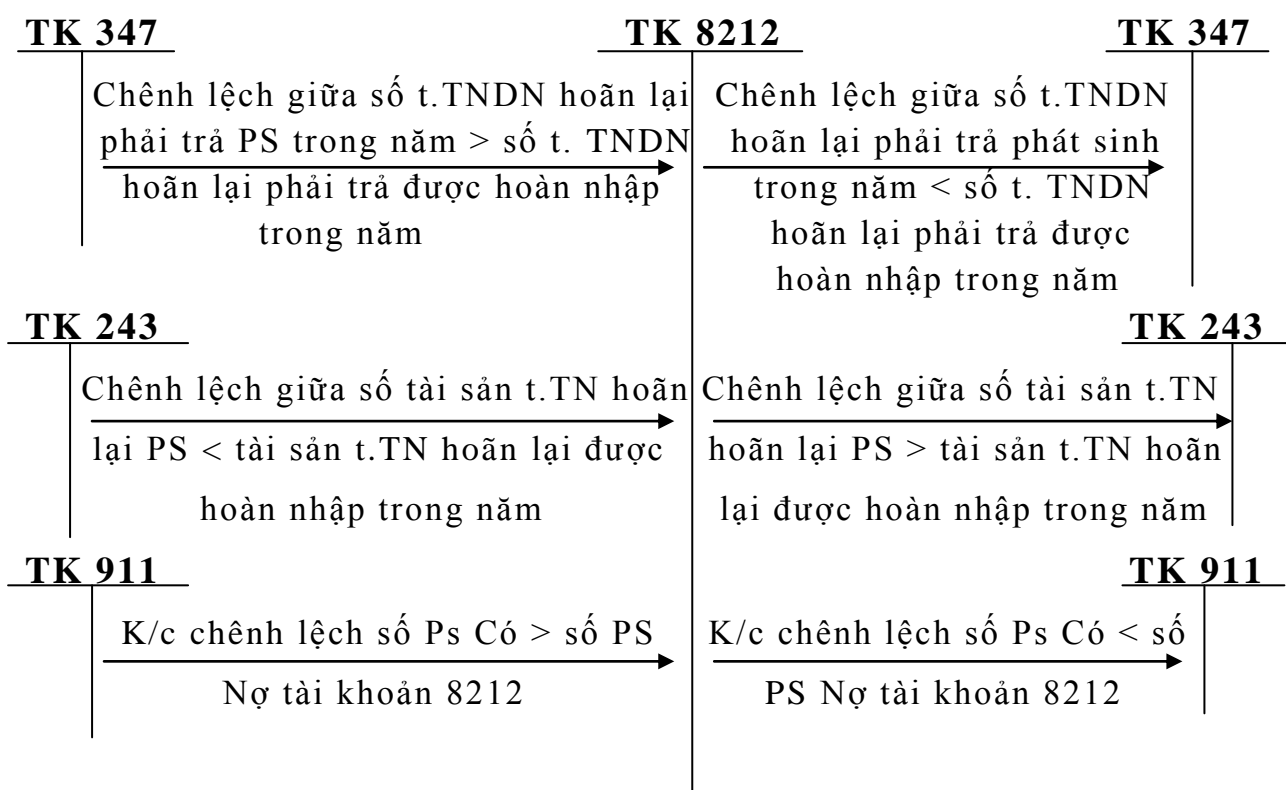
Tài khoản 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành;

Tài khoản 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

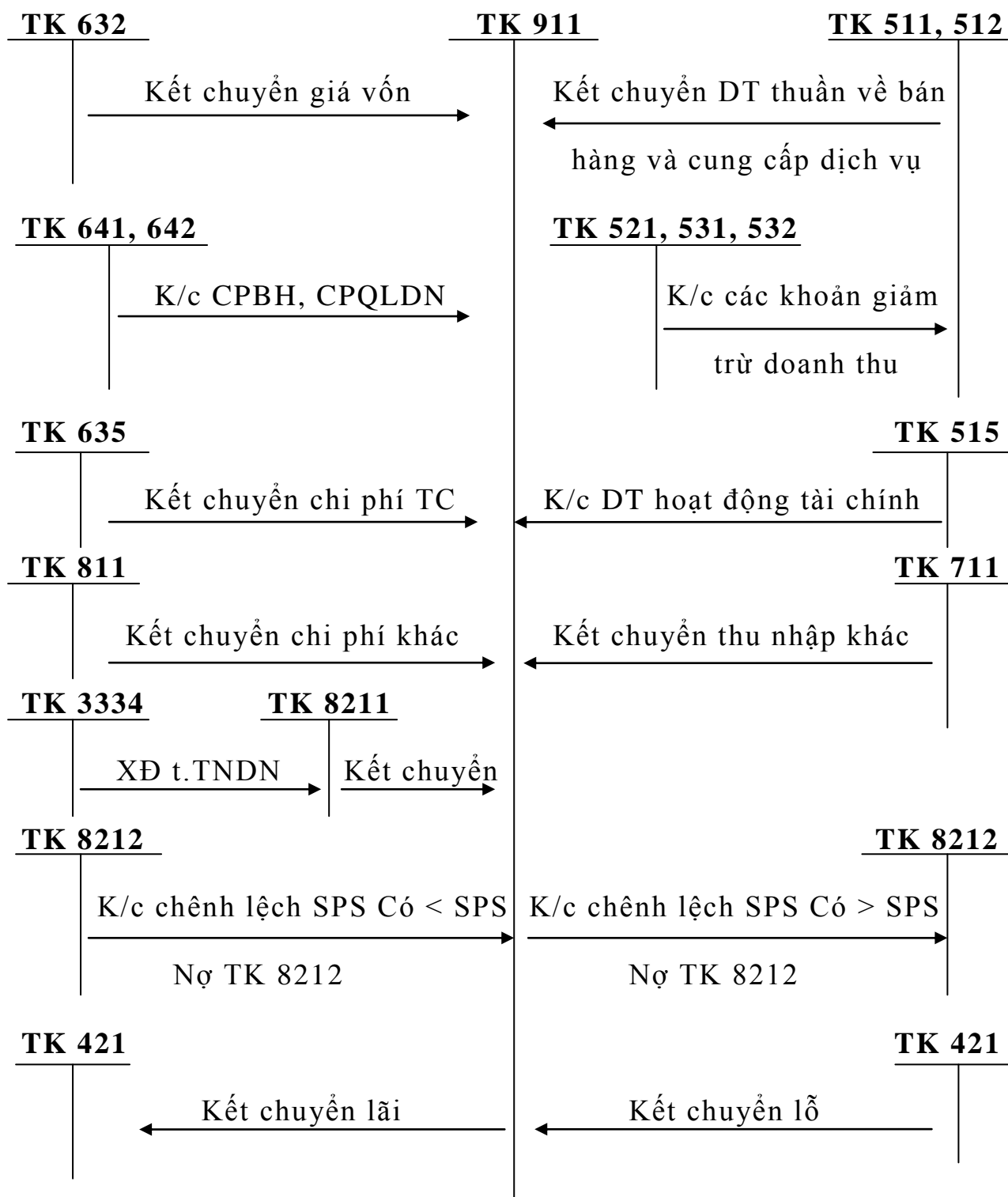
Sơ đồ 1.19: Kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành



Sơ đồ 1.20: Kế toán chi phí thuế TNDN hoãn lại



Sơ đồ 1.21: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức sổ kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung;
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ;
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái;
- Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ;
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Trong mỗi hình thức sổ kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, kết cấu, mẫu sổ, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán.

Doanh nghiệp phải căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang bị kỹ thuật tính toán, lựa chọn một hình thức kế toán phù hợp và phải tuân thủ theo đúng quy định của hình thức sổ kế toán đó, gồm: Các loại sổ và kết cấu các loại sổ, quan hệ đối chiếu kiểm tra, trình tự, phương pháp ghi chép các loại sổ kế toán.

1.3.1. Hình thức Nhật ký chung

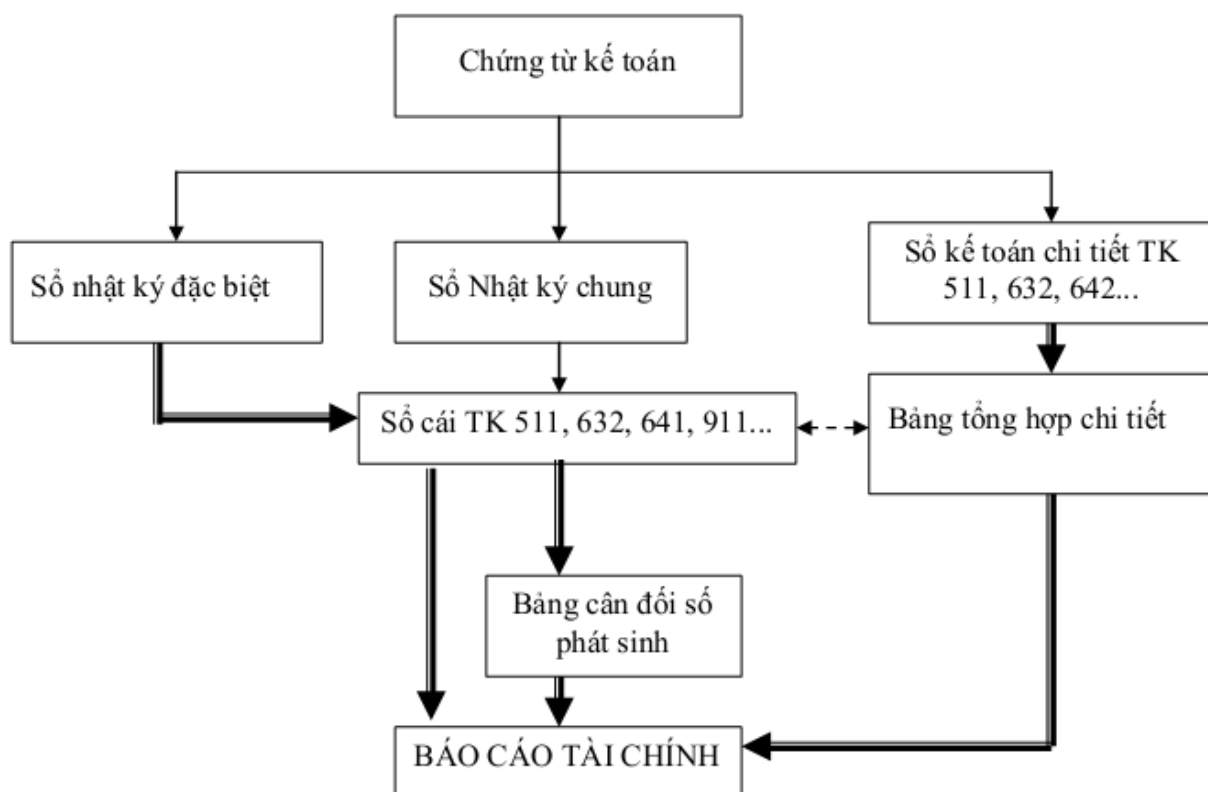
Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào Sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Các loại sổ chủ yếu:

- Sổ Nhật ký chung; Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Về nguyên tắc, \sum số phát sinh Nợ và \sum số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng \sum số phát sinh Nợ và \sum số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

**Sơ đồ 1.22: Trình tự ghi sổ kế toán
theo hình thức kế toán Nhật ký chung**



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- > Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.3.2. Hình thức Nhật ký - Sổ Cái

Đặc trưng cơ bản: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Các loại sổ chủ yếu:

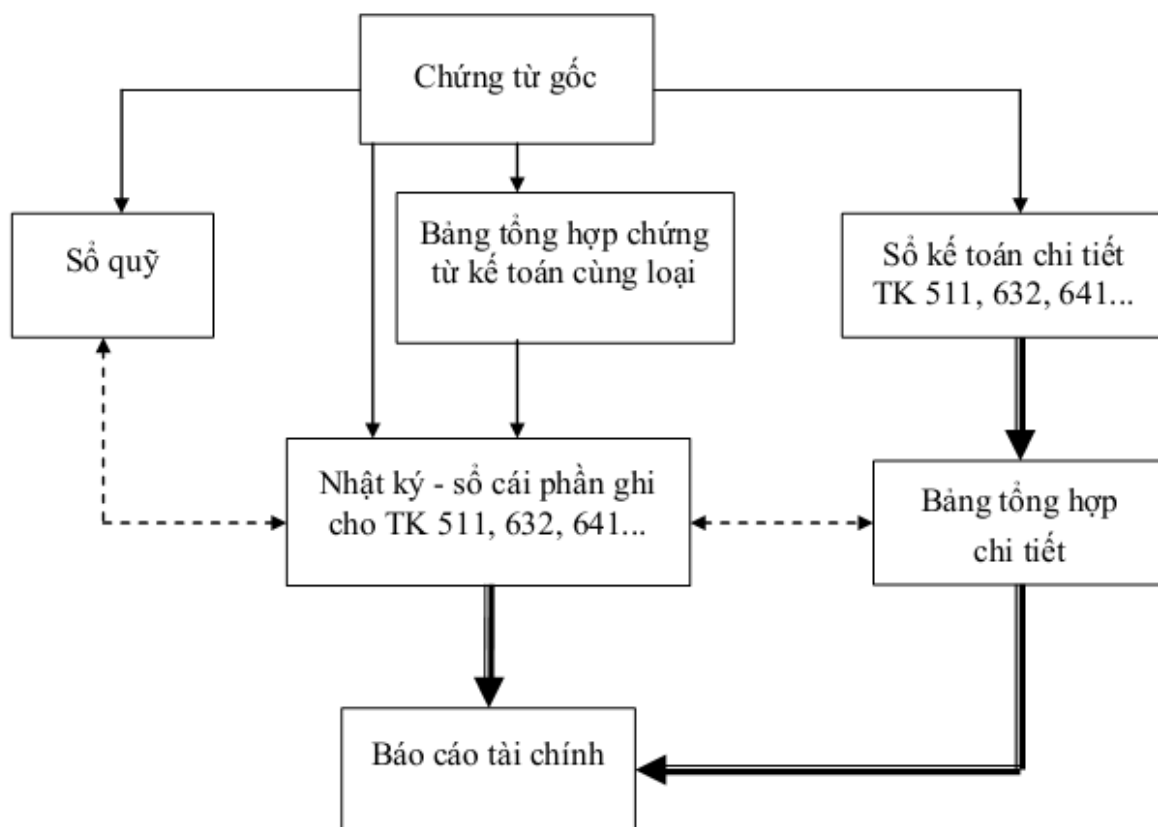
- Nhật ký - Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sau khi kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong sổ Nhật ký – Sổ Cái phải đảm bảo:

$$\begin{matrix} \Sigma \text{ số tiền của cột "} \\ \text{Phát sinh" ở phần} \\ \text{Nhật ký} \end{matrix} = \begin{matrix} \Sigma \text{ số phát sinh Nợ} \\ \text{của tất cả các Tài} \\ \text{khoản} \end{matrix} = \begin{matrix} \Sigma \text{ số phát sinh Có} \\ \text{của tất cả các Tài} \\ \text{khoản} \end{matrix}$$

$$\Sigma \text{ số dư Nợ các Tài khoản} = \Sigma \text{ số dư Có các Tài khoản}$$

Sơ đồ 1.23: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái



Ghi chú:
 —————> Ghi hàng ngày
 —————> Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 <-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.3.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là "Chứng từ ghi sổ".

Các loại sổ chủ yếu:

- Chứng từ ghi sổ;

- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ;
- Sổ cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Về nguyên tắc, kiểm tra phải đảm bảo Σ số phát sinh Nợ và Σ số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Σ số dư Nợ và Σ số dư Có của các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

1.3.4. Hình thức Nhật ký - Chứng từ

Đặc trưng cơ bản

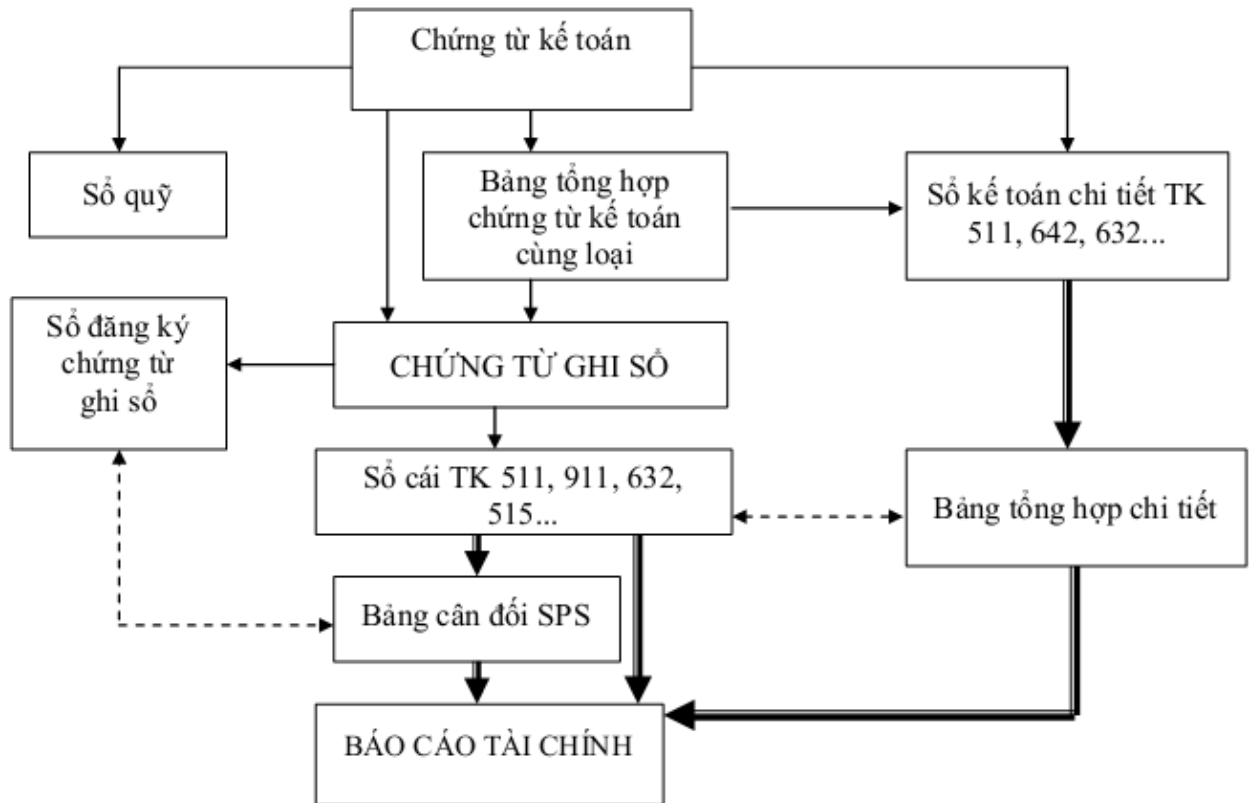
Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

Các loại sổ chủ yếu:

- Nhật ký chứng từ;
- Bảng kê;
- Sổ cái;
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

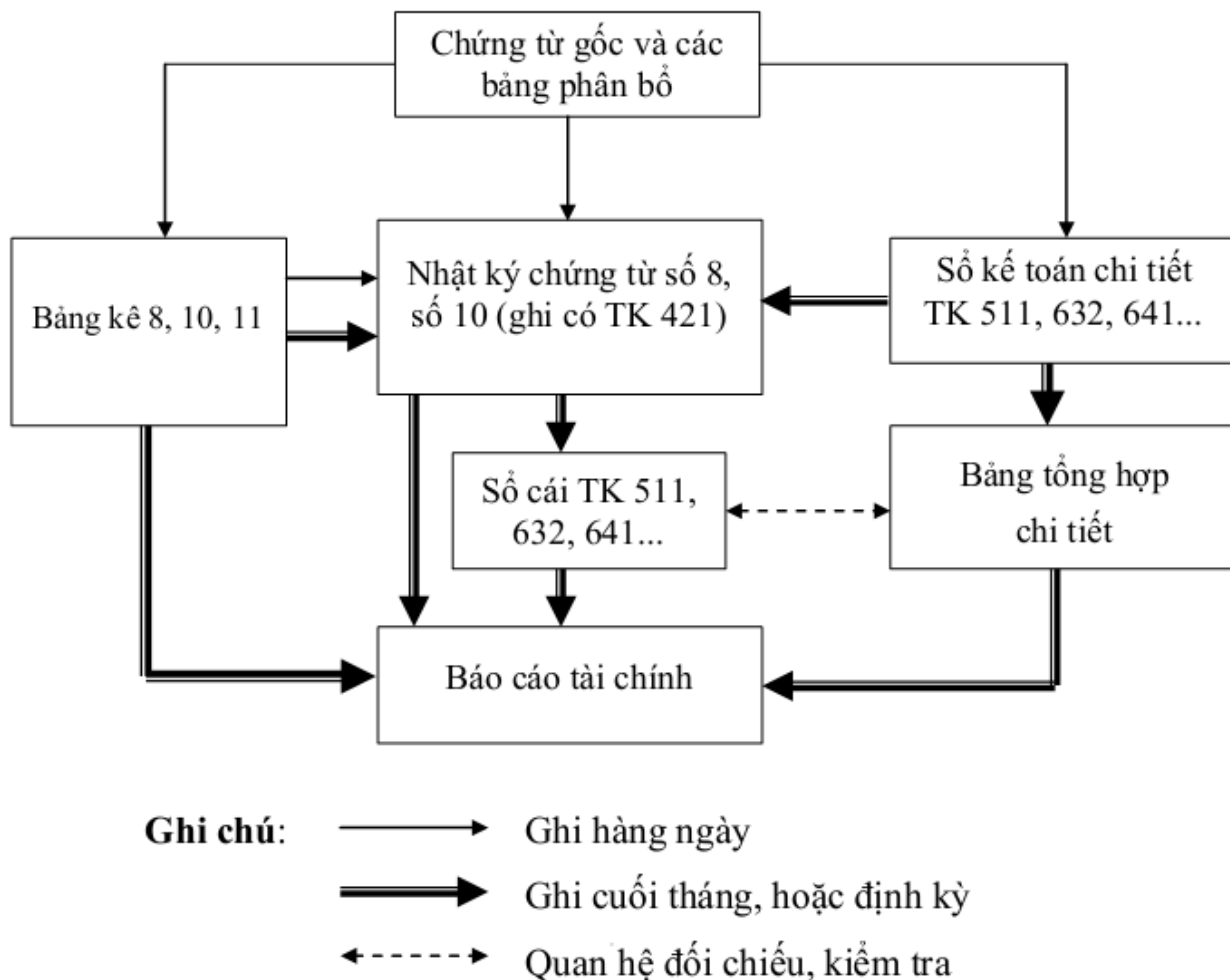
**Sơ đồ 1.24: Trình tự ghi sổ kế toán
theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ====→ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

**Sơ đồ 1.25: Trình tự ghi sổ kế toán
theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ**



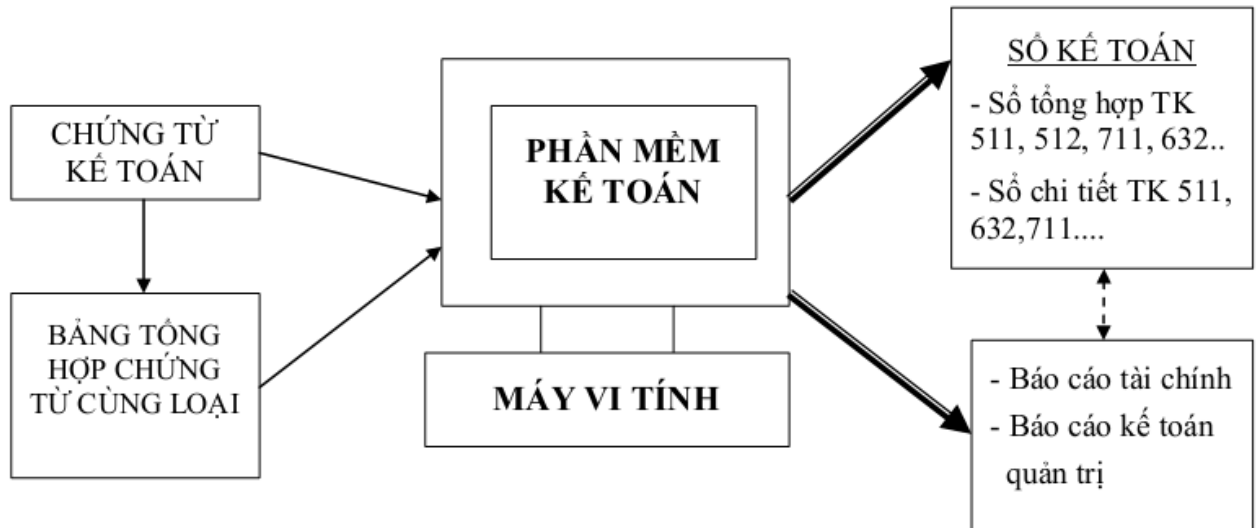
1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản: Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây.

Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

**Sơ đồ 1.26: Trình tự ghi sổ kế toán
theo hình thức kế toán trên máy vi tính**



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- <-.-.-> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VẬN TẢI THƯƠNG MẠI ĐẠI HƯNG

2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng.

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VẬN TẢI THƯƠNG MẠI
ĐẠI HƯNG**

Địa chỉ: Số 26 Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: (031)3 629 032 - *Fax:* (031)3 629 032

Mã số thuế: 0200426067

Email : daihunghp@vietnamcontainer.com.vn

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty

Được thành lập từ năm 1999 với tên gọi là Công ty TNHH Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng , đến tháng 12/2009 Công ty chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng.

(Gọi tắt là Đại Hưng Container)

Trải qua hơn 12 năm hình thành và phát triển không ngừng đã tạo nên thương hiệu Đại Hưng Container ngày hôm nay. Với bề dày truyền thống và sự tận tâm với khách hàng, Đại Hưng Container tự hào là một trong những Công ty hàng đầu hoạt động trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ container của Việt Nam, phục vụ đông đảo khách hàng trong và ngoài nước. Với trụ sở chính tại thành phố Hải Phòng, các chi nhánh tại thành phố Hà Nội, Quy Nhơn, Bình Dương và thành phố Hồ Chí Minh cùng đội ngũ cán bộ nhân viên lành nghề, làm việc nhanh chóng, tận tâm và trách nhiệm cao, Đại Hưng Container đã đáp ứng được mọi nhu cầu của khách hàng với những dịch vụ tốt nhất với phương châm **MỖI KHÁCH HÀNG LÀ MỘT NGƯỜI BẠN.**

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Dịch vụ vận chuyển container trên toàn quốc;
- Dịch vụ cầu hàng hóa (cầu thùng), vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán và cho thuê các loại container: container mới, container đã qua sử dụng;
- Sản xuất, bán và cho thuê nhà container, văn phòng container;
- Dịch vụ sửa chữa container, phương tiện vận tải; lưu kho, lưu bãi;
- Đại lý bán, sản xuất và cho thuê Somi Romooc;
- Đại lý bán ký gửi xe đầu kéo, nhập khẩu và bán xe đầu kéo chính hãng, cho thuê xe đầu kéo;
- Bán buôn sắt, thép, các loại vật liệu xây dựng

(Trích trong: *Giấy phép đăng ký kinh doanh*)

Vốn đăng ký: 55.000.000.000 đồng

2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng (Sơ đồ số 2.1- Trang 53).

Diễn giải sơ đồ:

Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có những trách nhiệm chính: thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về phát triển của Công ty; quyết định về cơ cấu vốn, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị

Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông mà không được ủy quyền. Hội đồng quản trị có nhiệm vụ quyết định chiến lược phát triển Công ty, xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý Công ty, đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Ban kiểm soát

Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan có nhiệm vụ giúp Đại hội đồng cổ đông giám sát, đánh giá kết quả HĐSXKD của Công ty một cách khách quan nhằm đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

Ban Tổng giám đốc

Do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Các phòng chức năng:***-Phòng Tài chính Kế toán***

Tổ chức thực hiện công việc kế toán phục vụ cho việc ra các quyết định liên quan đến hoạt động kinh doanh của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận liên quan.

-Phòng Xuất Nhập khẩu

Thực hiện công việc tiếp thị, mua, bán container với các đối tác nước ngoài; tìm kiếm nguồn nguyên vật liệu cung cấp cho nhà máy sản xuất container; thực hiện các thủ tục xuất nhập khẩu.

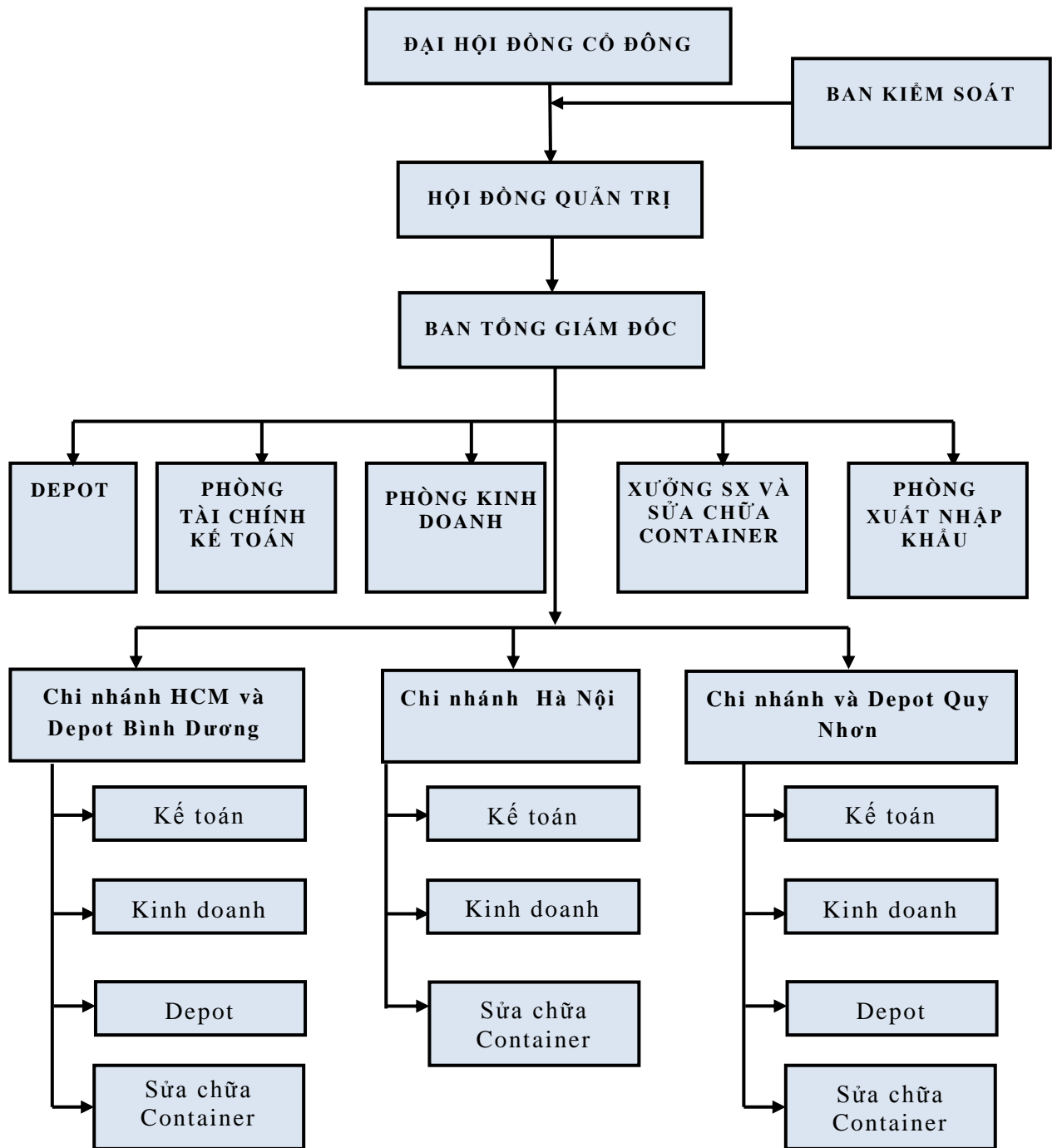
-Phòng Kinh doanh

Chịu trách nhiệm mua bán và cho thuê container; quản lý và chăm sóc khách hàng; theo dõi tình hình biến động của thị trường sản phẩm container.

-Bộ phận Depot và quản lý container

Thực hiện chức năng quản lý xuất và nhập container; quản lý container tồn kho; báo cáo xuất nhập container cho các hãng tàu; thực hiện giám định, lưu bãi và sửa chữa container.

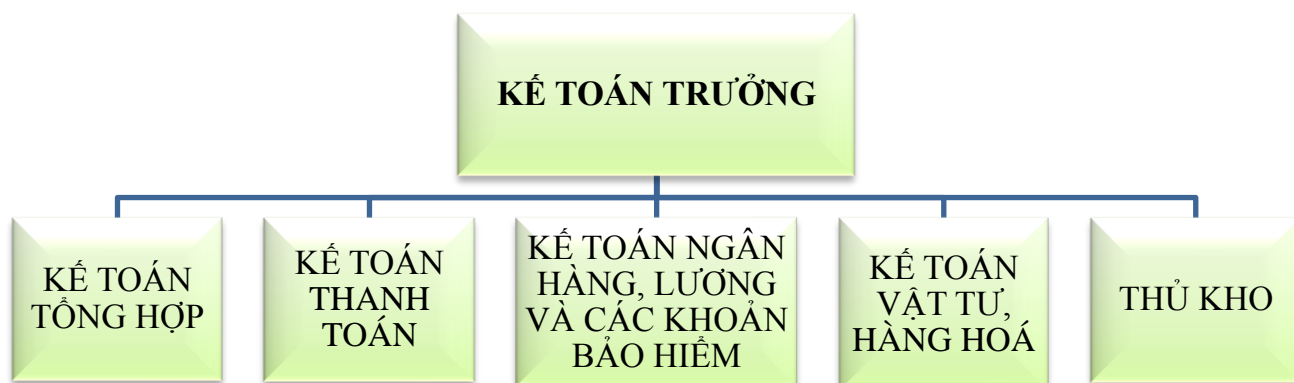
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng



2.1.3. Tổ chức công tác kế tại Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng.

2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán



1 – Kế toán trưởng

- Phụ trách phòng, chịu trách nhiệm trước Ban lãnh đạo Công ty về hoạt động của Phòng kế toán;
- Xử lý mọi thông tin trong phòng;
- Nhận thông tin từ ban lãnh đạo để tổ chức thực hiện;
- Trực tiếp tổng hợp Báo cáo toàn Công ty.

2 – Kế toán tổng hợp

- Tính giá thành sản xuất, giá thành toàn bộ của từng loại sản phẩm sản xuất hoặc dịch vụ;
- Lập Báo cáo tài chính của Đại Hưng Hải Phòng (Bao gồm báo thuế và thực tế);
- Chịu trách nhiệm trước ban Giám đốc Công ty về số liệu kế toán một cách chính xác và đầy đủ;
- Có trách nhiệm yêu cầu, đề nghị và phối hợp với kế toán khác hoặc bộ phận khác cung cấp số liệu, tài liệu, chứng từ hợp lệ để hoàn thành nhiệm vụ;
- Thực hiện việc lưu trữ sổ kế toán đầy đủ (6 tháng một lần in lưu sổ cái + NKC + BCTC hàng quý);
- Công việc khác theo yêu cầu của Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.

3 – Kế toán thanh toán

- Kế toán tiền mặt: kiểm tra tính hợp lệ của chứng từ và viết phiếu thu, phiếu chi, hóa đơn đảm bảo số liệu chính xác trước khi trình Ban Giám đốc phê duyệt;
- Kế toán công nợ (phải thu, phải trả, tạm ứng của cán bộ công nhân viên) bao gồm báo thuế và thực tế. Hàng tháng phải đối chiếu và ký xác nhận với khách hàng đầy đủ. Theo dõi các hợp đồng mua – bán và vào sổ kế toán theo đúng qui định của công ty;
- Lập các báo cáo có liên quan (Cont thuê – bán, báo cáo luân chuyển tiền, báo cáo quỹ tiền mặt,...);
- Thực hiện việc lưu trữ chứng từ kế toán đầy đủ;
- Công việc khác theo yêu cầu của Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.

4 – Kế toán ngân hàng, tiền lương, bảo hiểm

- Công việc thuộc công tác tổ chức hành chính: Công tác nhân sự, tiền lương, các chế độ của người lao động.
- Công việc thuộc kế toán:
- Kế toán ngân hàng;
- Theo dõi, kê khai thuế theo định kỳ;
- Thực hiện việc lưu trữ chứng từ ngân hàng, chứng từ thuế và tài liệu liên quan một cách đầy đủ;
- Công việc khác theo yêu cầu của Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.

5 – Kế toán kho (vật tư, hàng hóa, thành phẩm) kiêm quỹ Depot

- Thực hiện công việc kế toán vật tư, nguyên vật liệu (Bao gồm báo thuế và thực tế);
- Theo dõi và lập Báo cáo liên quan theo qui định (X-N-T, tổng hợp);
- Lập phiếu xuất, nhập vật tư, hàng hóa, thành phẩm đầy đủ, chính xác;
- Đối chiếu với thủ kho và các bộ phận liên quan khác theo định kỳ;
- Thực hiện việc lưu trữ chứng từ liên quan;
- Theo dõi, lập và gửi báo cáo quỹ Depot theo đúng quy định;
- Công việc khác theo yêu cầu của Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.

6 – Thủ kho

- Thực hiện việc nhập và xuất vật tư, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong kho một cách đầy đủ, chính xác và đúng quy định;
- Vào thẻ kho hàng ngày;
- Cuối tháng tổng hợp đối chiếu với kế toán vật tư;
- Thực hiện việc lưu trữ chứng từ liên quan;
- Công việc khác theo yêu cầu của Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.

2.1.3.2. Hệ thống tài khoản sử dụng – Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán : Công ty áp dụng chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam. Ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài Chính và các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung quyết định số 15/2006/QĐ-BTC.

Niên độ kế toán áp dụng: Bắt đầu áp dụng ngày 01/01/N đến 31/12/N

Đơn vị tiền tệ: VNĐ

Nguyên tắc đánh giá TSCĐ: theo giá trị còn lại

Phương pháp khấu hao TSCĐ: khấu hao đường thẳng

Phương pháp hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp tính giá hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ

Phương pháp tính VAT: phương pháp khấu trừ

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Sổ Nhật ký chung

Hệ thống báo cáo tài chính: được lập vào cuối mỗi quý

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Bảng thuyết minh báo cáo tài chính

2.1.3.3. Tổ chức hệ thống sổ sách và hình thức kế toán áp dụng tại Công ty.

Công ty áp dụng phương pháp kế toán theo hình thức **Nhật ký chung** để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán.

Sổ sách sử dụng:

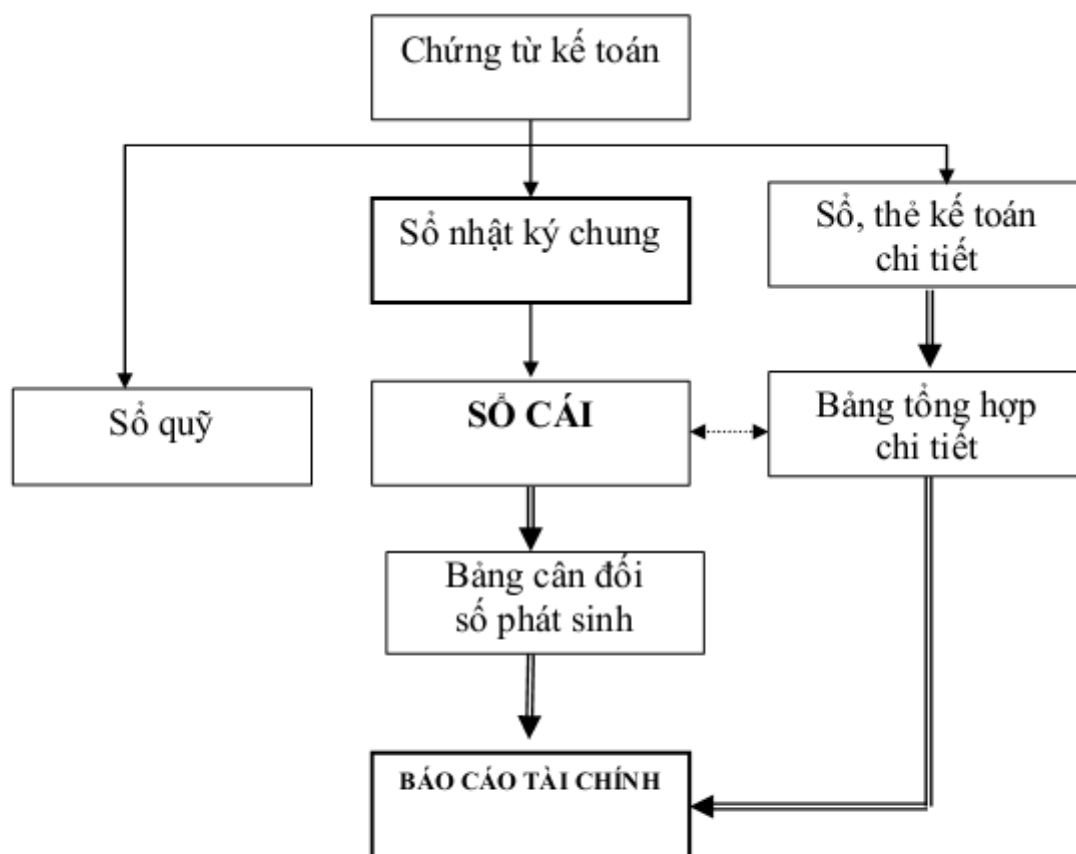
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ chi tiết TK 131, 112, 111

- Sổ cái các TK 511, 111, 112, 632, 642, 641, 635, 911,.....
- Bảng tổng hợp chi tiết TK 131, 152

Quy trình luân chuyển chứng từ tại công ty được tiến hành như sau:

- Tất cả các chứng từ kế toán do doanh nghiệp lập hoặc từ bên ngoài chuyển đến đều tập trung vào bộ phận kế toán của công ty, sau đó những chứng từ kế toán này sẽ được kế toán kiểm tra, xác minh tính hợp lý;
- Kế toán viên (người lập chứng từ), kế toán trưởng kiểm tra ký chứng từ kế toán, sau đó trình Tổng giám đốc công ty ký duyệt;
- Tiếp đến là phân loại, sắp xếp chứng từ kế toán, định khoản và ghi sổ kế toán;
- Cuối cùng là lưu trữ, bảo quản chứng từ kế toán.

Sơ đồ 2.3: Quy trình ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung tại công ty



Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi định kỳ



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



Trình tự ghi sổ:

Hàng ngày kế toán căn cứ vào các chứng từ đã được kiểm tra dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Từ sổ Nhật ký chung kế toán tiến hành ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

Cuối tháng từ sổ cái các tài khoản liên quan kế toán tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh (bảng cân đối tài khoản). Cuối quý, sau khi khóa sổ đối chiếu số liệu giữa các sổ sách, kế toán căn cứ vào số liệu trong các sổ để tiến hành lập Báo cáo tài chính.

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng.

- Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty: là một doanh nghiệp vừa tổ chức hoạt động sản xuất sản phẩm vừa hoạt động kinh doanh thương mại dịch vụ, tuy nhiên Công ty có doanh thu chủ yếu từ hoạt động kinh doanh thương mại dịch vụ, cung cấp các sản phẩm phục vụ hoạt động vận tải, xây dựng như: bán và cho thuê các loại container, somi romooc, sắt, thép, sơn các loại,...; các dịch vụ vận chuyển, nâng hạ container, lưu kho bãi,... Do thời gian có hạn, công ty lại sản xuất, kinh doanh nhiều loại mặt hàng, em xin được trình bày về kế toán doanh thu, giá vốn dịch vụ vận chuyển, nâng hạ container.

- Phương thức bán hàng tại Công ty: là phương thức bán hàng trực tiếp. Khách hàng có nhu cầu mua hàng, nhân viên kinh doanh sẽ làm giấy báo giá gửi cho khách hàng. Nếu khách hàng chấp nhận giá, hai bên đi đến ký kết hợp đồng kinh tế.

Hiện tại, công ty tiêu thụ hàng hóa theo đơn đặt hàng, bán lẻ và bán buôn. Việc áp dụng đa dạng các hình thức bán hàng giúp công ty đáp ứng được mọi nhu cầu của khách hàng.

- Hình thức thanh toán:

- Hình thức thanh toán ngay: Khi công ty cung cấp dịch vụ cho khách hàng, Công ty thu được tiền ngay bằng tiền mặt hoặc tiền gửi NH.

- Hình thức thanh toán chậm: Trong trường hợp Công ty cung cấp dịch vụ cho khách hàng, nhưng Công ty chưa thu được tiền ngay, vì vậy kế toán phải theo dõi nợ phải thu qua sổ chi tiết TK 131, sổ tổng hợp TK 131, sổ cái TK 131,...

❖ *Chứng từ sổ sách và tài khoản sử dụng*

Để hạch toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các loại thuế Công ty sử dụng các tài khoản sau:

- TK 1331: Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ
- TK 3331: Thuế GTGT đầu ra phải nộp
- TK 131 : Phải thu khách hàng
- TK 136 : Phải thu nội bộ
- TK 111 : Tiền mặt
- TK 112 : Tiền gửi ngân hàng
- TK 5110: Doanh thu bán PTVT, MMTB
- TK 5111: Doanh thu bán Cont cũ
- TK 5112: Doanh thu bán Cont mới
- TK 5113: Doanh thu bán Cont Văn Phòng
- TK 5114: Doanh thu bán cont lạnh
- **TK 5115: Doanh thu vận chuyển, nâng hạ**
- TK 5116: Doanh thu dịch vụ thuê cont
- TK 5117: Doanh thu dịch vụ depot, vệ sinh cont, lưu bãi
- TK 5118: Doanh thu dịch vụ sửa chữa
- TK 5119: Doanh thu bán vật tư
- TK 5121: Doanh thu nội bộ bán hàng hóa

Trong công tác kế toán tiêu thụ, chứng từ ban đầu được sử dụng để hạch toán là:

- Hợp đồng kinh tế đã được 2 bên ký kết
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu,...
- Giấy báo có của ngân hàng
- Chứng từ khác có liên quan

Sổ chi tiết được sử dụng: Sổ chi tiết phải thu khách hàng

Các sổ tổng hợp: Sổ cái các tài khoản chi phí, doanh thu, sổ theo dõi tình hình thanh toán của khách hàng.

❖ *Trình tự hạch toán*

Khi phát sinh nghiệp vụ kinh tế, căn cứ vào hợp đồng kinh tế và phiếu xuất kho kế toán tiến hành viết hóa đơn cho khách hàng (Hóa đơn GTGT)

+ Hóa đơn GTGT được lập thành 3 liên:

Liên 1: Màu tím, lưu tại cuống gốc để tại phòng kế toán.

Liên 2: Màu đỏ, chuyển cho khách hàng làm chứng từ thanh toán.

Liên 3: Màu xanh giao cho kế toán hạch toán doanh thu bán hàng.

+ Đối với phiếu thu: Khi khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, kế toán viết Phiếu thu làm 3 liên, đặt giấy than viết 1 lần, liên 1 để lưu, liên 2 giao khách hàng, liên 3 giao cho thủ quỹ.

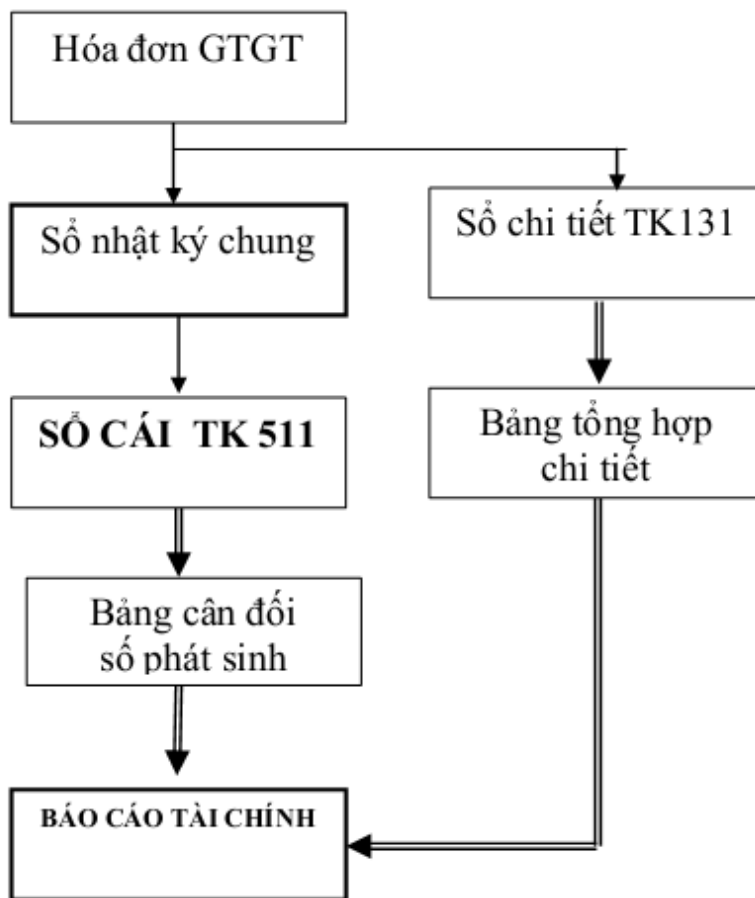
Khách hàng thanh toán qua ngân hàng: Khi khách hàng chuyển tiền qua ngân hàng, kế toán sẽ nhận được Giấy báo có kèm theo Sổ phụ của ngân hàng.

Quy trình hạch toán doanh thu:

Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu thu,... kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131, từ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan như TK 111, 112, 131, 511, 333,...

Quyết toán quý, quyết toán năm, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh. Trước khi lập bảng cân đối số phát sinh kế toán phải đối chiếu số liệu trên sổ cái với bảng tổng hợp chi tiết để kiểm tra tính chính xác của số liệu. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng để lập BCTC.

Sơ đồ 2.4: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu



Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi định kỳ



Ví dụ: Minh họa cho nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến ghi nhận doanh thu vận chuyển, nâng hạ container.

Căn cứ vào hoá đơn GTGT số 02217 ngày 26/12/2011 về việc vận chuyển, nâng hạ 02*40GP cho Công ty TNHH Mascot Việt Nam với tổng số tiền 20,280,000đ (chưa bao gồm thuế VAT 10%). Trong đó:

(1) Phí vận chuyển: đơn giá 3,200,000đ/cont/lượt, chưa thuế GTGT

$$\text{Tổng (1)} = 3,200,000\text{đ} \times 2\text{cont} \times 2\text{lượt} = 12,800,000\text{đ}$$

(2) Phí nâng hạ cont tại bãi Đại Hưng: đơn giá 370,000đ/cont/lượt (chưa thuế GTGT)

$$\text{Tổng (2)} = 370,000\text{đ} \times 2\text{cont} \times 2\text{lượt} = 1,480,000\text{đ}$$

(3) Phí nâng hạ tại công ty Mascot: giá 1,500,000đ/cont/lượt (chưa thuế GTGT)

Tổng (3) = 1,500,000đ x 2cont x 2lượt = 6,000,000đ

Công ty Mascot chưa thanh toán. Kế toán ghi vào sổ sách liên quan theo định khoản:

Nợ TK 131: 22,308,000đ

Có TK 5115 : 20,280,000đ

Có TK 3331: 2,028,000đ

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (*biểu số 2.2*) đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131 (*biểu số 2.5*) căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 511 (*biểu số 2.3*) sổ cái TK 131 (*biểu số 2.4*) và sổ cái TK 3331.

Cuối quý, căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 lập bảng tổng hợp phải thu khách hàng (*biểu số 2.6*), từ sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng tổng hợp chi tiết và bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC.

Biểu số 2.1

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VẬN TẢI THƯƠNG MẠI ĐẠI HƯNG

Mã số thuế : **0200426067**

Địa chỉ: Lô 26 Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Hải Phòng

Điện thoại : 031.3629032 * Fax: 031.3629032

Số tài khoản :

Đơn vị bán hàng: Công Ty CCK Vận tải TM

Đại Hưng

Mã số thuế:0200426067

Địa chỉ:Lô 26, Đình Vũ, HP

Số tài khoản: **109.22393386.01.3**

Mẫu số : **01GTKT2/001**

Ký hiệu : **AA/HP**

Số: **0002217**

**HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 1 : Lưu

Ngày 26 tháng 12 năm 2011

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH Mascot Việt Nam

Mã số thuế : 0800365955

Địa chỉ: Lô CN 3.1, KCN Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.....

Hình thức thanh toán: Chưa thanh toán.....Số tài khoản.....

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6= 4 x5
1	Phí vận chuyển 02*40GP	Cont Lượt	2 2	3,200,000/cont/lượt	12,800,000
	Phí nâng hạ cont tại bãi Đại Hưng	Cont Lượt	2 2	370,000/cont/lượt	1,480,000
	Phí nâng hạ cont tại CTy Mascot	Cont Lượt	2 2	1,500,000/cont/lượt	6,000,000

Cộng tiền hàng: **20,280,000**

Thuế suất: 10% Tiền thuế GTGT **2,028,000**

Tổng cộng tiền thanh toán: **22,308,000**

Số tiền viết bằng chữ: **Hai mươi hai triệu ba trăm linh tám nghìn đồng**

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

Biểu số: 2.2

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VẬN TẢI THƯỜNG MẠI ĐẠI HƯNG
 Lô 26, Đình Vũ, HP

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011

ĐVT: Đồng

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
....	
19/10	01510	Doanh thu bán 01*20VP/ELTEC-VN	131 5113 3331	73,700,000	67,000,000 6,700,000
19/10	01511	Doanh thu cước vận chuyển 01*40GP từ HP đi Đông Anh- HN /KHO VẬN M.NAM TẠI HN	131 5115 3331	5,170,000	4,700,000 470,000
20/10	01512	Bán sơn các loại cho Hưng Đạo chi nhánh Hải Phòng	131 5119 3331	229,878,000	208,980,000 20,898,000
....	
30/11	02102	Doanh thu cấp 06*40GP/ Đại Hưng Hà Nội	136hni 5121 3331	394,696,236	358,814,760 35,881,476
....	
25/12	02216	Bán 05*20VPTL/công ty XD Sao Việt	131 5113 3331	341,000,000	310,000,000 31,000,000
26/12	02217	Doanh thu vận chuyển, nâng hạ 02*40GP/Công ty TNHH Mascot VN	131 5115 3331	22,308,000	20,280,000 2,028,000
26/12	PT 916	Doanh thu phí nâng hạ tại cảng/ VINA FAME	1111 5115 3331	595,000	540,909 54,091
27/12	02218	Doanh thu bán 03*40GP/ Hưng Đạo chi nhánh tại Hải Phòng	131 5111 3331	217,800,000	198,000,000 19,800,000
....	
31/12	PKT 87	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ quý IV 5113 5115 911 1,542,000,000 658,432,251 11,045,172,765
		Cộng		156,274,479,909	156,274,479,909

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Biểu số 2.3

CÔNG TY CP CƠ KHÍ VẬN TẢI TM ĐẠI HƯNG
 Lô 26, Đình Vũ, HP

SỔ CÁI

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
 Từ ngày 01 /10/ 2011 đến ngày 31/ 12/ 2011

Đơn vị tính: Đồng

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK ĐƯ	PHÁT SINH	
NT	Số hiệu			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
....
19/10	01510	Doanh thu bán 01*20VP / ELTEC-VN	131		67,000,000
19/10	01511	Doanh thu cước vận chuyển 01*40GP từ HP đi Đông Anh- HN / KHO VẬN M.NAM TẠI HN	131		4,700,000
20/10	01512	Bán sơn các loại cho Hưng Đạo chi nhánh Hải Phòng	131		208,980,000
....
30/11	02102	Doanh thu cấp 06*40GP /Đại Hưng Hà Nội	136hni		358,814,760
....
25/12	02216	Bán 05*20VPTL/công ty XD Sao Việt	131		310,000,000
26/12	02217	Doanh thu vận chuyển, nâng hạ 02*40GP/Công ty TNHH Mascot VN	131		20,280,000
26/12	PT 916	Doanh thu phí nâng hạ tại cảng/ VINA FAME	1111		540,909
27/12	02218	Doanh thu bán 03*40GP/ Hưng Đạo chi nhánh tại Hải Phòng	131		198,000,000
....
31/12	PKT 87	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ quý IV	911	11,045,172,765	
		Cộng số phát sinh		11,045,172,765	11,045,172,765
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Biểu số 2.4

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VẬN TẢI THƯƠNG MẠI ĐẠI HUNG
 Lô 26, Đình Vũ, HP

SỔ CÁI

Tài khoản 131 – Phải thu khách hàng
 Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011

DVT: Đồng

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		<u>4,436,882,129</u>	
....	
19/10	01510	Doanh thu bán 01*20VP/ ELTEC-VN	5113 3331	67,000,000 6,700,000	
19/10	01511	Doanh thu cước vận chuyển 01*40GP từ HP đi Đông Anh- HN /KHO VẬN M.NAM TẠI HN	5115 3331	4,700,000 470,000	
20/10	01512	Bán sơn các loại cho Hưng Đạo Hải Phòng	5119 3331	208,980,000 20,898,000	
....	
21/11	02085	Doanh thu nâng hạ, vận chuyển 01*20VP/ Thiết bị & Xây dựng	5115 3331	6,400,000 640,000	
....	
29/11	02098	Bán thép cuộn cho công ty TNHH Mascot VN	5119 3331	2,211,208,000 221,120,800	
....	
25/12	02216	Bán 05*20VPTL/ công ty XD Sao Việt	5113 3331	310,000,000 31,000,000	
26/12	02217	Doanh thu vận chuyển, nâng hạ 02*40GP/Công ty TNHH Mascot VN	5115 3331	20,280,000 2,028,000	
27/12	02218	Doanh thu bán 03*40GP/ Hưng Đạo Hải Phòng	5111 3331	198,000,000 19,800,000	
....	
		Cộng số phát sinh		9,541,466,950	8,845,519,309
		Số dư cuối kỳ		<u>5,132,829,770</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Biểu số 2.5

Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng

Sổ chi tiết thanh toán với người mua, người bán

Tài Khoản 131 – Công ty TNHH Mascot Việt Nam

Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011

DVT: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ				<u>573,527,000</u>	
.....
02098	29/11	Bán thép cuộn	5119 3331	2,211,208,000 221,120,800		2,984,735,000 3,205,855,800	
02100	30/11	Doanh thu vận chuyển, nâng hạ 01*20GP	5115 3331	6,000,000 600,000		3,211,855,800 3,212,455,800	
.....
02189	15/12	Bán thép tấm	5119 3331	432,168,800 43,216,880		2,594,624,600 2,637,841,480	
.....
02217	26/12	Doanh thu vận chuyển, nâng hạ 02*40GP	5115 3331	20,280,000 2,028,000		2,387,490,000 2,389,518,000	
.....
PT 978	28/12	Trả tiền hàng bằng CK theo hóa đơn số 02189	1121 (TEC)		475,385,680	1,412,455,800	
.....
		Cộng số phát sinh		3,745,930,000	3,223,945,000		
		Số dư cuối kỳ				<u>1,095,512,000</u>	

Biểu số 2.6

Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng

Bảng tổng hợp thanh toán với người mua, người bán

Tài khoản 131

Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

ST T	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty cổ phần Hưng Đạo tại HP	552,908,000		2,755,220,000	2,848,178,000	459,950,000	
2	Công ty TNHH Mascot V.Nam	573,527,000		3,745,930,000	3,223,945,000	1,095,512,000	
3	Công ty xây dựng JSK	456,300,000		225,500,000	318,800,000	363,000,000	
4	Công ty ELTEC - VN	289,000,000		198,458,900	109,856,000	377,602,900	
...
Cộng		5,436,882,129	1,000,000,000	9,541,466,950	8,845,519,309	6,492,629,770	1,359,800,000

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng

Do đặc điểm của hoạt động dịch vụ vận chuyên, nâng hạ container tại Công ty tương đối giản đơn, không trải qua quá trình sản xuất, không trải qua nhiều công đoạn phức tạp nên tổng chi phí phát sinh liên quan đến các hoạt động này chính bằng tổng giá vốn dịch vụ cung cấp trong kỳ.

❖ Tài khoản sử dụng

TK 6325: Giá vốn vận chuyên, nâng hạ container

Và các tài khoản có liên quan khác: TK 1111, 331, 152, 334,....

❖ Chứng từ sử dụng

- Bảng lương trả cho nhân viên bộ phận Logistic

- Phiếu chi

- Và các chứng từ liên quan

❖ Sổ sách liên quan:

- Sổ cái TK 6325,....

- Sổ Nhật ký chung

❖ Quy trình hạch toán

Giá vốn của hoạt động dịch vụ vận chuyên, nâng hạ tại Công ty được tập hợp từ các chi phí như: Phân bổ chi phí sảm lốp ô tô cho xe đi giao container, chi phí sửa chữa xe đi giao container, chi phí dầu xe, ắc quy, chi phí vé xe, chi phí lương trả cho tổ lái xe, chi phí bốc xếp, đóng hàng hóa,...

Khi phát sinh nghiệp vụ liên quan đến các loại chi phí này, kế toán định khoản theo bút toán:

Nợ TK 6325

Có TK 1111, 331, 334, 338,....

Cuối tháng, cuối quý kế toán tập hợp tất cả các chi phí phát sinh để xác định giá vốn của dịch vụ vận chuyên, nâng hạ.

Ví dụ: Minh họa cho giá vốn dịch vụ vận chuyển, nâng hạ container

Căn cứ hóa đơn GTGT số 01740 và phiếu chi số 1120 ngày 26/12/2011 về chi tiền xăng cho việc đi giao container, kế toán định khoản theo bút toán:

Nợ TK 6325 : 5,841,000

Nợ TK 1331 : 584,100

Có TK 1111 : 6,425,100

Từ bút toán trên, kế toán vào sổ nhật ký chung (*biểu số 2.9*). Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 632 (*biểu số 2.10*). Cuối quý căn cứ vào sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC.

Biểu số 2.7

Đơn vị:

Địa chỉ:

Số ĐKDN:

PHIẾU CHI số: 1120

Ngày 26 tháng 12 năm 2011...

NỢ: 6325, 1331.....

CÓ: 1111.....

Mẫu số: 02 – TT

QĐ số : 15/2006/QĐ – BTC

ngày 20 tháng 3 năm 2006

của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Quyển số:.....

Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Văn Hương

Địa chỉ:

Lý do chi: Thanh toán tiền xăng phục vụ việc đi giao container

Số tiền: 6,425,100 VND (**Viết bằng chữ**) Sáu triệu bốn trăm hai mươi năm nghìn một trăm đồng.

Kèm theo: 01**Chứng từ gốc**

Đã nhận đủ số tiền: Sáu triệu bốn trăm hai mươi năm nghìn một trăm đồng.....

Ngày 26 tháng 12 năm 2011

Giám đốc

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người lập phiếu

Người nhận tiền

Biểu số 2.8

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT- 3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: QH/2010B		
Liên 2: Giao khách hàng			Số: 01740		
Ngày 26 tháng 12 năm 2011					
Đơn vị bán hàng:.... Xăng dầu Ngọc Kim Ngân.....					
Địa chỉ: ...279 Nguyễn Bình Khiêm, Hải Phòng.....					
Số tài khoản:.....					
Điện thoại.....MS: 0200354654.....					
Họ tên người mua hàng:Nguyễn Văn Hường.....					
Tên đơn vị: Công ty CP Cơ Khí Vận Tải Thương Mại Đại Hưng.....					
Địa chỉ: Lô 26- Đình Vũ- Hải An- Hải Phòng.....					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán:.....Tiền mặt.....MS:0200426067.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
	Bán xăng	Lít	295	19,800	5,841,000
Cộng					5,841,000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT		584,100	
Tổng cộng tiền thanh toán					6,425,100
Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu bốn trăm hai mươi năm nghìn một trăm đồng					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)					

Biểu số: 2.9

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VẬN TẢI THƯƠNG MẠI ĐẠI HÙNG
 Lô 26, Đình Vũ, HP

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
 Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011

ĐVT: Đồng

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
....	
11/10	01709	Tiền xăng dầu đi giao cont / Ngọc Kim Ngân	6325 1331 1111	9,183,904 918,390.4	10,102,294
12/10	PC 0625	Chi tiền vé đi giao cont	6325 1111	960,000	960,000
....	
20/11	02256	Chi tiền phí chứng từ / HANOTRAN HP	6325 1331 1111	90,909 9,0901	100,000
....	
26/12	PC1120	Tiền xăng đi giao cont / Ngọc Kim Ngân	6325 1331 1111	5,841,000 584,100	6,425,100
....	
26/12	PT 916	Doanh thu phí nâng hạ tại cảng/ VINA FAME	1111 5115 3331	595,000	540,909 54,091
....	
31/12	PKT82	Trích khấu hao các loại cont cho thuê T12	6326 2141	20,001,022	20,001,022
31/12	PKT83	Tính lương trả nhân viên bộ phận logistic (vận chuyển cont) tháng 12	6325 334	13,792,881	13,792,881
31/12	PKT84	Và các khoản trích theo lương	6325 334 3383 3384 3388	873,600 371,280	960,960 196,560 87,360
31/12	PKT 88	Kết chuyển giá vốn hàng bán quý IV	911 6325 6326	8,985,593,390 403,437,743 351,053,426
Cộng				156,274,479,909	156,274,479,909

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Biểu số: 2.10

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VẬN TẢI THƯƠNG MẠI ĐẠI HÙNG
 Lô 26, Đình Vũ, HP

SỔ CÁI

Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán
 Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011

DVT: Đồng

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
....	
11/10	01709	Tiền xăng dầu đi giao cont/ Ngọc Kim Ngân	1111	9,183,904	
12/10	PC 0625	Chi tiền vé đi giao cont	1111	960,000	
....	
20/11	02256	Chi tiền phí chứng từ / HANOTRAN HP	1111	90,909	
....	
26/12	PC1120	Tiền xăng đi giao cont / Ngọc Kim Ngân	1111	5,841,000	
....	
25/12	140309	Chi tiền phí đóng hàng / XD TÂN CẢNG	1111	667,500	
25/12	35598	Chi phí bốc xếp cont 20' / CHINASHIPPING VIET NAM tại HP	331	1,578,752	
....	
31/12	PKT88	Kết chuyển giá vốn hàng bán quý IV	911		8,985,593,390
		Cộng số phát sinh		8,985,593,390	8,985,593,390
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng được sử dụng để phản ánh các chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến hoạt động bán hàng. Chi phí bán hàng tại Công ty chủ yếu là chi phí nhân viên bán hàng; chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ công tác bán hàng (các loại phương tiện vận tải như: xe đầu kéo, sơ mi Rơ moóc, xe ô tô,...); chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác như: dịch vụ chuyển phát nhanh và chi phí đặt in hóa đơn GTGT và chi phí quảng cáo, chi phí môi giới,....

Các khoản chi phí phát sinh được phản ánh vào tài khoản này phải có căn cứ hợp pháp và chứng từ hợp lệ, đầy đủ.

Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp xác định kết quả kinh doanh. Toàn bộ chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào TK 911.

Tài khoản chi phí bán hàng không có số dư cuối kỳ,

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Hoá đơn GTGT
- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng

TK 641- “Chi phí bán hàng”. TK 641 có 6 tài khoản cấp2:

- TK 6411 – Chi phí nhân viên
- TK 6412 – Chi phí vật liệu, bao bì
- TK 6413 – Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414 – Chi phí khấu hao TSCĐ
- **TK 6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài**
- TK 6418 – Chi phí bằng tiền khác

Ngoài ra kế toán còn sử dụng các tài khoản:

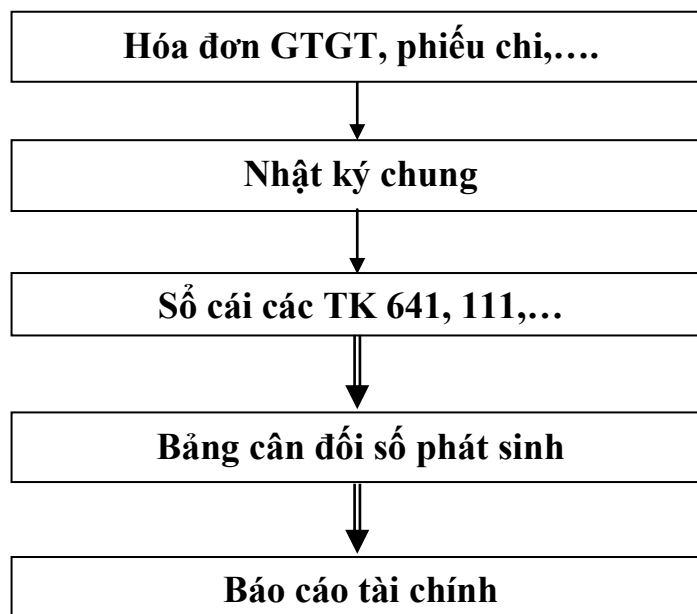
- TK 1111- Tiền mặt.
- TK 331- Phải trả người bán.

❖ **Sổ sách kế toán sử dụng**

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái, sổ chi tiết các TK

❖ **Quy trình hạch toán**

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán chi phí bán hàng



Ghi chú:

- \longrightarrow ghi hàng ngày
- \Longrightarrow ghi cuối tháng, hoặc cuối năm

Ví dụ: Ngày 17/12, căn cứ hóa đơn GTGT số 00603 và phiếu chi số 0918 trả tiền sửa chữa ô tô phục vụ công tác bán hàng cho công ty thương mại dịch vụ Bạch Đằng. Kế toán ghi sổ theo định khoản:

Nợ TK 6417 : 950,000

Nợ TK 1331 : 95,000

Có TK 1111 : 1,045,000

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (*biểu số 2.13*), căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 641 (*biểu số 2.14*)

Cuối quý căn cứ vào sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC

Biểu số 2.11

Đơn vị:

Địa chỉ:

Số ĐKDN:

PHIẾU CHI Số: 0918

Ngày 17 tháng 12 năm 2011...

NỢ: 6417, 133.....

CÓ: 1111.....

Mẫu số: 02 – TT
QĐ số : 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20 tháng 3 năm 2006
của Bộ trưởng Bộ Tài chính
Quyển số:.....

Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Văn Chinh.....

Địa chỉ:.....

Lý do chi: Thanh toán tiền sửa chữa ô tô (biển số 16M – 9436).....

Số tiền: 1.045.000VND (Viết bằng chữ) Một triệu không trăm bốn mươi năm nghìn đồng.....

Kèm theo: 01.....**Chứng từ gốc**.....

Đã nhận đủ số tiền: Một triệu không trăm bốn mươi năm nghìn đồng.

Ngày 17 tháng 12 năm 2011

Giám đốc

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người lập phiếu

Người nhận tiền

Biểu số: 2.12

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT- 3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: QH/2010B		
Liên 2: Giao khách hàng			Số: 00603		
Ngày 17 tháng 12 năm 2011					
Đơn vị bán hàng:.... Công ty thương mại vận tải và dịch vụ Biển Đông.....					
Địa chỉ: Số 117 Phố Cẩm, Gia Viên, Ngô Quyền, HP.....					
Số tài khoản:.....					
Điện thoại.....MS: 0200850332.....					
Họ tên người mua hàng:Nguyễn Văn Chinh.....					
Tên đơn vị: Công ty CP Cơ Khí Vận Tải Thương Mại Đại Hưng.....					
Địa chỉ: Lô 26- Đình Vũ- Hải An- Hải Phòng.....					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán:.....Tiền mặt.....MS:0200426067.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
	Kiểm tra, sửa chữa xe ô tô biển số 16M – 9436:				
	- Kiểm tra phanh, thay dầu máy				450,000
	- Thay cốc lọc (đường dẫn xăng)	cái	01	500,000	500,000
Cộng					950,000
	Thuế suất GTGT:	10%	Tiền thuế GTGT		95,000
Tổng cộng tiền thanh toán					1,045,000
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu không trăm bốn mươi năm nghìn đồng					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)					

Biểu số 2.13

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VẬN TẢI THƯƠNG MẠI ĐẠI HÙNG Lô 26, Đình Vũ, HP					
SỔ NHẬT KÝ CHUNG					
Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011					
ĐVT: Đồng					
CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
....	
31/10	PKT	-Tính lương phải trả nhân viên bán hàng T10 -Các khoản trích theo lương	6411 334 6411 334 3383 3384 3388	24,581,045 2,976,000 1,264,800	24,581,045 3,273,600 669,600 297,600
....	
30/11	7423116	Thanh toán tiền cước điện thoại phục vụ bộ phận bán hàng	6417 133 1111	2,746,739 274,674	3,021,412
....	
13/12	453790	Thanh toán tiền nước T12/ Cấp nước HP	6427 133 1111	750,000 75,000	825,000
....	
17/12	0603	Chi tiền sửa chữa ô tô/ Dịch vụ Biển Đông	6417 133 1111	950,000 95,000	1,045,000
17/12	0162	Chi tiền xăng xe/ ĐỨC HUY	6417 133 1111	1,691,591 169,159	1,860,750
....	
31/12	PKT 82	Trích khấu hao phương tiện vận tải tháng 12	6414 2141	13,122,818	13,122,818
31/12	PKT88	Kết chuyển chi phí bán hàng quý IV	911 6411... 6417 6418	151,534,661	84,497,254 15,433,953 12,235,000
Cộng				156,274,479,909	156,274,479,909

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Biểu số 2.14

CÔNG TY CP CƠ KHÍ VẬN TẢI TM ĐẠI HÙNG					
Lô 26, Đình Vũ, HP					
SỔ CÁI					
Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng					
Từ ngày 01 /10/ 2011 đến ngày 31/ 12/ 2011					
<i>Đơn vị tính: Đồng</i>					
CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK ĐƯ	PHÁT SINH	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
.....
28264	28/10	Chi tiền CPN tháng 10/CPN Hợp Nhất	1111	385,000	
.....	
7423116	30/11	Thanh toán tiền cước điện thoại phục vụ bộ phận bán hàng	1111	2,746,739	
.....	
0603	17/12	Chi tiền sửa chữa ô tô/ Dịch vụ Biển Đông	1111	950,000	
0162	17/12	Chi tiền xăng xe / ĐỨC HUY	1111	1,691,59	
.....	
PKT88	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng quý 4	911		151,534,661
		Cộng số phát sinh		151,534,661	151,534,661
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
-----------------------	-----------------------	----------------------

2.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp được sử dụng để phản ánh các chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến quản lý doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty chủ yếu là chi phí về lương; chi phí KHTSCĐ phục vụ quản lý (máy tính, máy in, máy phô tô, máy fax, điều hòa,...); các chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác liên quan đến quản lý doanh nghiệp.

Các khoản chi phí phát sinh được phản ánh vào tài khoản này phải có căn cứ hợp pháp, chứng từ xác thực.

Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không có số dư cuối kỳ.

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi; Hoá đơn GTGT
- Hóa đơn bán hàng thông thường
- Ủy nhiệm chi
- Bảng thanh toán lương nhân viên văn phòng
- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng

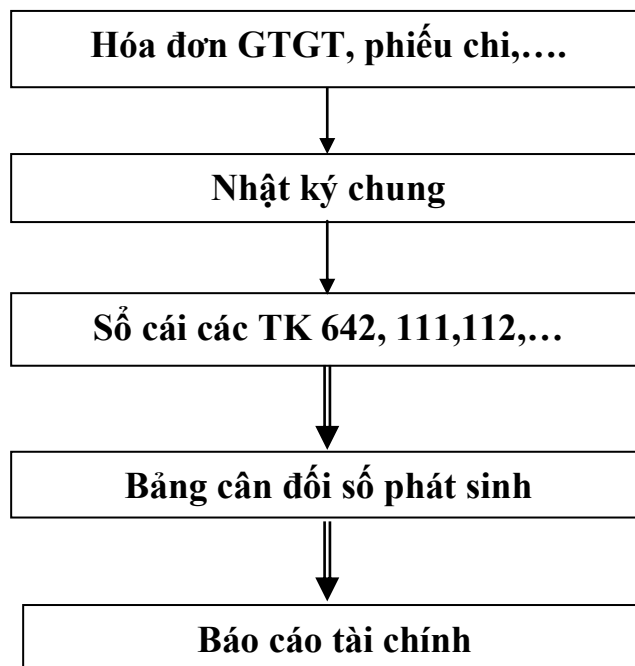
TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp.

- TK 6421 – Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422 – Chi phí vật liệu
- TK 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424 – Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425 – Thuế, phí, lệ phí
- **TK 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài**
- TK 6428 – Chi phí bằng tiền khác

Ngoài ra kế toán còn sử dụng các tài khoản liên quan: TK 1111, 1121, 331, 1331,...

❖ Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí bán hàng



Ghi chú:

- \longrightarrow ghi hàng ngày
- \Longrightarrow ghi cuối tháng, hoặc cuối năm

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ kế toán như: hóa đơn GTGT, phiếu chi... kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, từ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan như TK1111, 112, 642, 133...

Cuối quý, kế toán căn cứ vào số liệu trên các sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh sẽ được sử dụng để lập BCTC.

Ví dụ: Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 2963673 và phiếu chi số 00889, ngày 10/12 về việc thanh toán tiền điện thoại tháng 12. Kế toán ghi sổ theo định khoản:

Nợ TK 6427: 2,097,193

Nợ TK 1331: 209,719.3

Có TK 1111: 2,306,912

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (*biểu số 2.17*), căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 642 (*biểu số 2.18*) và sổ cái TK1331, TK1111,.... Cuối quý căn cứ vào sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC.

Biểu số: 2.15

Đơn vị:

Địa chỉ:

Số ĐKDN:

PHIẾU CHI Số: **0889**

Ngày **10 tháng 12 năm 2011...**

NỢ: 6427, 1331.....

CÓ: 1111.....

Mẫu số: 02 – TT
QĐ số : 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20 tháng 3 năm 2006
của Bộ trưởng Bộ Tài chính
Quyển số:.....

Họ tên người nhận tiền: Trần Quỳnh Nga.....

Địa chỉ: Trung tâm Dịch vụ Khách hàng Viễn Thông HP

Lý do chi: Thanh toán tiền cước điện thoại tháng 12/2011.....

Số tiền: 2,306,912 VND (**Viết bằng chữ**) Hai triệu ba trăm linh sáu nghìn chín trăm mười hai đồng.

Kèm theo: 01.....Chứng từ gốc.....

Đã nhận đủ số tiền: Hai triệu ba trăm linh sáu nghìn chín trăm mười hai đồng.....

Ngày 10 tháng 12 năm 2011

Giám đốc

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người lập phiếu

Người nhận tiền

Biểu số: 2.16



HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)

Mẫu số: 01GTKT-2LN-03

Ký hiệu: AC/2010T

Liên 2: Giao cho khách hàng

Số: 2963673

Đơn vị thu cước: TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG

Quý khách: Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng.

Trụ sở chính: Số 4 Lạch Tray, Ngô Quyền, HP

Địa chỉ: Lô 26, Đình Vũ, Hải An, HP

Số TK: 02001010888888

Mã KH: HPG-04-071087

NH Thương mại Cổ phần Hàng Hải – CN HP

Số điện thoại: 3.629.032

VP giao dịch: Số 01 Hoàng Văn Thụ, HP

Điện thoại: 031.800126 – Fax: 031.3844155

Hình thức thanh toán (kind of payment): Bằng tiền mặt

Dịch vụ sử dụng(kind of service)	Thành tiền(amount)
- Tiền phát sinh tháng 12/2011	2,097,193
- Trừ tiền đa DV + chiết khấu	0
- Khuyến mại	0
- Trừ đặt cọc + Trích thưởng + Tiền thừa	0
Cộng tiền dịch vụ	2,097,193
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT	209,719.3
Tổng cộng tiền thanh toán	2,306,912

Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu ba trăm linh sáu nghìn chín trăm mười hai đồng.

Biểu số: 2.17

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VẬN TẢI THƯƠNG MẠI ĐẠI HÙNG

Lô 26, Đình Vũ, HP

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011

DVT: Đồng

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
....	
31/10	PKT	-Tính lương phải trả nhân viên quản lý T10 -Các khoản trích theo lương	6421 334 6421 334 3383 3384 3388	78,784,034 6,542,400 2,780,520	78,784,034 7,196,640 1,472,040 654,240
....	
10/12	2963673	Thanh toán tiền cước điện thoại T12 / VNPT	6427 133 1111	2,097,193 209,719	2,306,912
....	
13/12	453790	Thanh toán tiền nước T12/ Cấp nước HP	6427 1331 1111	750,000 75,000	825,000
....	
31/12	037133	Phân bổ chi phí tiền kiểm toán năm 2010	6428 142	2,272,727	2,272,727
31/12	PKT82	Trích khấu hao nhà văn phòng	6424 2141	3,751,193	3,751,193
31/12	PKT88	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp quý IV	911 6421 6427 6428	304,728,699	263,622,520 22,118,159 7,734,441
		Cộng		156,274,479,909	156,274,479,909

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Biểu số: 2.18

CÔNG TY CP CƠ KHÍ VẬN TẢI TM ĐẠI HÙNG

Lô 26, Đình Vũ, HP

SỔ CÁI

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Từ ngày 01 /10/ 2011 đến ngày 31/ 12/ 2011

Đơn vị tính: Đồng

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK ĐU'	PHÁT SINH	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
.....
28264	28/10	Chi tiền CPN tháng 10/ CPN Hợp Nhất	1111	461,775	
.....	
834441	26/11	Thanh toán tiền nước Tháng 11/ Cấp nước HP	1111	406,767	
.....	
2963673	10/12	Thanh toán tiền cước điện thoại T12/ VNPT	1111	2,097,193	
.....	
404158	26/12	Chi tiền điện phục vụ quản lý/ Điện lực Hải An	1111	1,989,870	
.....	
PKT 82	31/12	Trích khấu hao nhà văn phòng	2141	3,751,193	
PKT 88	31/12	Kết chuyển Chi phí QLDN Quý IV	911		304,728,699
		Cộng số phát sinh		304,728,699	304,728,699
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng.

2.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Tại công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng thì doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản lãi tiền gửi ngân hàng.

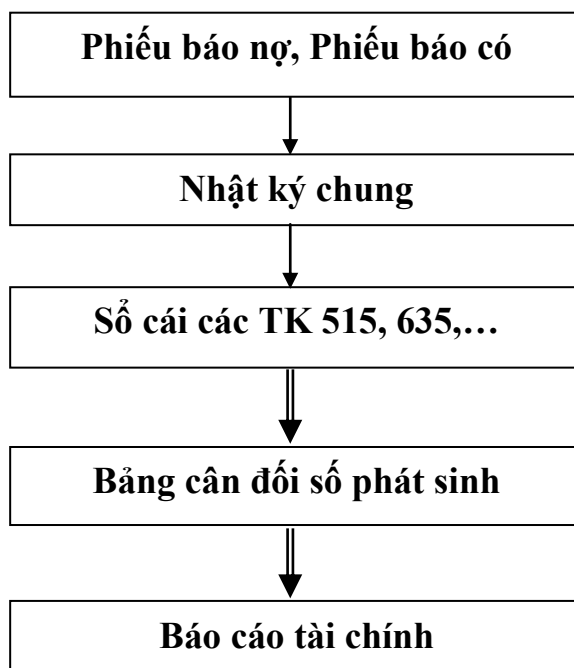
- ❖ Chứng từ kế toán sử dụng
 - Giấy báo có
 - Phiếu kế toán
- ❖ Tài khoản sử dụng
 - Tài khoản 515 – “Doanh thu hoạt động tài chính”
 - Các tài khoản khác có liên quan

2.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi cho tài chính, các khoản lỗ về đầu tư tài chính, các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, lãi vay phải trả. Trong năm 2011 Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng có khoản chi phí tài chính chủ yếu là khoản lãi vay phải trả ngân hàng.

- ❖ Chứng từ kế toán sử dụng
 - Phiếu chi
 - Giấy báo nợ
 - Phiếu kế toán
- ❖ Tài khoản kế toán sử dụng
 - Tài khoản 635 – “ Chi phí hoạt động tài chính”
 - Các tài khoản có liên quan khác
- ❖ Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính



Ghi chú:

- \longrightarrow ghi hàng ngày
- \Longrightarrow ghi cuối tháng, hoặc cuối năm

Hàng ngày, căn cứ vào GBN, GBC, phiếu chi, ủy nhiệm chi kế toán hạch toán vào Sổ Nhật ký chung, từ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan như TK 515, TK 635, TK 1121.

Cuối quý, kế toán căn cứ vào số liệu trên các sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh sẽ được sử dụng để lập BCTC.

Ví dụ 1

Căn cứ vào giấy báo có ngày 25/12/2011 của ngân hàng Techcombank về việc ghi nhận nhập lãi tiền gửi vào gốc và các chứng từ có liên quan Kế toán ghi vào sổ sách theo định khoản:

Nợ TK 1121TEC: 512,650

Có TK 515: 512,650

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào nhật ký chung (*biểu số 2.21*). Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 515 (*biểu số 2.22*)

Cuối quý căn cứ vào sổ cái TK 515 để lập bảng cân đối số phát sinh, bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC

Ví dụ 2

Căn cứ vào giấy báo nợ ngày 23/12/2011 ngân hàng Techcombank về việc trả lãi vay ngân hàng và các chứng từ có liên quan Kế toán ghi vào sổ sách kế toán theo định khoản:

Nợ TK 635: 5,812,500

Có TK 1121TEC: 5,812,500

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào nhật ký chung (*biểu số 2.21*). Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 635 (*biểu số 2.23*)

Cuối quý căn cứ vào sổ cái TK 635 để lập bảng cân đối số phát sinh, bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC

Biểu số:2.19

NGÂN HÀNG TMCP KỸ
THƯƠNG VIỆT NAM
Chi nhánh: HPG - TCB HAI
PHONG
MST: 0100230800-004

TECHCOMBANK
PHIẾU BÁO CÁO
(Kiêm hoá đơn thu phí dịch vụ)
Liên 1 – Lưu tại Techcombank

Mẫu số: 01GTKT2/004
Ký hiệu: AA/11T
Số: 160560731951334.000001
Trang 1/1

Ngày 25 tháng 12 năm 2011

Tên khách hàng:CTY CP CK VT TM DAI HUNG Số tài khoản: 109.22393386.01.3
Địa chỉ: LO 26 DINH VU-DONG HAI2-HAI AN Loại tiền : VND
Mã số thuế: 0200426067 Loại tài khoản : TIEN GUI THANH TOAN
Số ID khách hàng: 22393386 Số bút toán hạch toán: TT1135000362

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Trả lãi tiền gửi	512,650
Tổng số tiền	512,650

Số tiền bằng chữ : *Năm trăm mười hai nghìn sáu trăm năm mươi đồng*

Trích yếu : Tra lai tren so du tai khoan thang12/2011

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

Biểu số:2.20

NGÂN HÀNG TMCP KỸ
THƯƠNG VIỆT NAM
Chi nhánh: HPG - TCB HAI
PHONG
MST: 0100230800-004

TECHCOMBANK
PHIẾU BÁO NỢ
(Kiêm hoá đơn thu phí dịch vụ)
Liên 1 – Lưu tại Techcombank

Mẫu số: 01GTKT2/003
Ký hiệu: AA/11T
Số: 160560731951334.000001
Trang 1/1

Ngày 23 tháng 12 năm 2011

Tên khách hàng: CTY CP CK VT TM DAI HUNG Số tài khoản: 109.22393386.01.3
Địa chỉ: LO 26 DINH VU-DONG HAI2-HAI AN Loại tiền : VND
Mã số thuế: 0200426067 Loại tài khoản : TIEN GUI THANH TOAN
Số ID khách hàng: 22393386 Số bút toán hạch toán: TT1135000362

Chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Chuyên khoản thu nợ	5,812,500
Tổng số tiền	5,812,500

Số tiền bằng chữ : *Năm triệu tám trăm mười hai nghìn năm trăm đồng*

Trích yếu : Chuyên khoản thu no – CT CP CK VAN TAI TM DAI HUNG

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

Biểu số:2.21

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VẬN TẢI THƯƠNG MẠI ĐẠI HÙNG
 Lô 26, Đình Vũ, HP

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
 Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011

DVT: Đồng

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
....	
15/10	PBN (TEC)	Đặng Thị Thùy Dương rút tiền từ TK số sec AC486826 nhập quỹ TM	1111 1121 (Tec)	71,000,000	71,000,000
....	
18/11	PBC (TEC)	Hưng Đạo Container thanh toán tiền mua hàng theo HĐ GTGT số 01395 ngày 01/10/2011	1121 (Tec) 131	1,150,000,000	1,150,000,000
....	
13/12	453790	Thanh toán tiền nước T12/ Cấp nước HP	6427 1331 1111	750,000 75,000	825,000
....	
23/12	PBN (TEC)	Trả lãi vay ngân hàng	635 1121 (Tec)	5,812,500	5,812,500
....	
25/12	PBC (TEC)	Ngân hàng trả lãi tiền gửi	1121 (Tec) 515	512,650	512,650
....	
31/12	PKT 87	Kết chuyển DT hoạt động Tài chính quý 4	515 911	2,475,986	2,475,986
31/12	PKT 88	Kết chuyển chi phí hoạt động Tài chính quý 4	911 635	15,384,480	15,384,480
		Cộng		156,274,479,909	156,274,479,909

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Biểu số:2.22

CÔNG TY CP CƠ KHÍ VẬN TẢI TM ĐẠI HƯNG
 Lô 26, Đình Vũ, HP

SỔ CÁI

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Từ ngày 01 /10/ 2011 đến ngày 31/ 12/ 2011

Đơn vị tính: Đồng

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK ĐƯ	PHÁT SINH	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
.....
PBC (SEA)	25/10	Lãi nhập vốn	1121 (Sea)		154,769
.....
PBC (ACB)	28/11	Ngân hàng Á Châu trả lãi tiền gửi	1121 (Acb)		697,069
.....
PBC (TEC)	25/11	Ngân hàng Techcombank trả lãi tiền gửi	1121 (Tec)		512,650
.....	
PKT 87	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động Tài chính quý 4	911	2,475,986	
		Cộng số phát sinh		2,475,986	2,475,986
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Biểu số:2.23

CÔNG TY CP CƠ KHÍ VẬN TẢI TM ĐẠI HÙNG
 Lô 26, Đình Vũ, HP

SỔ CÁI

Tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính

Từ ngày 01 /10/ 2011 đến ngày 31/ 12/ 2011

Đơn vị tính: Đồng

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK ĐƯ	PHÁT SINH	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
.....
PBN (SEA)	03/10	Trả lãi tiền vay ngân hàng Seabank	1121 (Sea)	657,850	
.....
PBN (ACB)	15/11	Trả lãi tiền vay ngân hàng Á Châu	1121 (Acb)	4,625,000	
.....
PBN (TEC)	23/11	Trả lãi tiền vay NH Techcombank	1121 (Tec)	5,812,500	
.....	
PKT 88	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động Tài chính quý 4	911		15,384,480
		Cộng số phát sinh		15,384,480	15,384,480
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

2.2.5. Kế toán doanh thu từ hoạt động khác tại công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng.

2.2.5.1. Kế toán thu nhập khác

Thu nhập khác là những khoản thu nhằm làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài, các hoạt động tạo ra doanh thu như: thu về nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, thu tiền cho thuê, thu được các khoản nợ phải trả không xác định được chủ, các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại.

Tại công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng quý IV năm 2011 có phát sinh khoản thu nhập khác từ hoạt động nhượng bán tài sản cố định.

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu
- Phiếu kế toán
- Biên bản nhượng bán TSCĐ

❖ Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 711 – “Thu nhập khác”
- Các tài khoản khác có liên quan: 1111, 1121, 3331

2.2.5.2. Kế toán chi phí khác

Chi phí khác là những khoản lỗ do các sự kiện hay nhiệm vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra.

Tại công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng trong quý IV năm 2011 có phát sinh khoản chi phí từ hoạt động khác là giá trị còn lại của tài sản cố định đã nhượng bán, và phí quản lý Công ty đại chúng.

❖ Chứng từ sử dụng

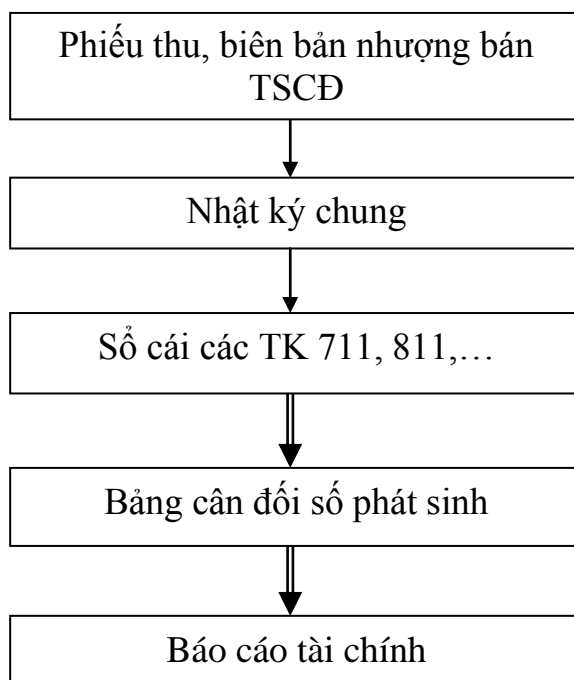
- Phiếu kế toán
- Biên bản nhượng bán TSCĐ

❖ Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 811 – “Chi phí khác”
- Các tài khoản khác có liên quan: 2141, 211.

❖ Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động khác



Ghi chú:

- \longrightarrow ghi hàng ngày
- \Longrightarrow ghi cuối tháng, hoặc cuối năm

Hàng ngày, căn cứ vào phiếu thu, biên bản nhượng bán TSCĐ,...kế toán hạch toán vào Sổ Nhật ký chung, từ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan như TK711, 811, 1111, 2141...

Cuối quý, kế toán căn cứ vào số liệu trên các sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh sẽ được sử dụng để lập BCTC.

Ví dụ: Căn cứ vào biên bản thanh lý ngày 28/12/2011 về việc thanh lý bán xe cầu Katô cho Công ty TNHH MTV Than Hòn Gai - TKV và hóa đơn GTGT số 02220. Biết rằng xe cầu Katô có nguyên giá 335,991,840đ (thời gian khấu hao 10 năm), khấu hao lũy kế 310,792,452đ. Số tiền thu được từ thanh lý bán là 180,000,000đ (chưa thuế GTGT 10%). Kế toán ghi vào các sổ sách kế toán theo định khoản:

Nợ TK 131: 198,000,000

Có TK 711: 180,000,000

Có TK 3331: 18,000,000

Nợ TK 811: 25,199,388

Nợ TK 2141: 310,792,452

Có TK 211: 335,991,840

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (*biểu số 2.26*), căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 711 (*biểu số 2.27*), sổ cái TK 811 (*biểu số 2.28*) và sổ cái TK 211, 3331, 2141.

Cuối quý căn cứ vào sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC

Biểu số 2.24

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Ngày 28 tháng 12 năm 2011

Căn cứ Quyết định số 128 ngày 28 tháng 12 năm 2011 của công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng về việc thanh lý tài sản cố định.

I. Ban thanh lý TSCĐ gồm:

* Bên thanh lý (Bên A) Công ty CP Cơ khí Vận tải TM Đại Hưng, gồm:

Ông: Nguyễn Văn Khánh Chức vụ: Phó giám đốc Trưởng ban

Bà: Lương Thị Lượ Chức vụ: Kế toán thanh toán Ủy viên

* Bên mua (Bên B) Công ty TNHH MTV Than Hòn Gai – TKV, gồm:

Ông : Dương Văn Hùng Chức vụ: Phó giám đốc Trưởng ban

Ông : Đỗ Thanh Tùng Chức vụ: Kế toán Ủy viên

II. Tiến hành thanh lý TSCĐ

- Tên, ký mã hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ: Xe cầu Katô
- Số hiệu TSCĐ: Biển kiểm soát 16R-2346
- Nước sản xuất (xây dựng): Mỹ
- Năm sản xuất: 2001
- Năm đưa vào sử dụng: Ngày 01 tháng 04 năm 2002
- Nguyên giá TSCĐ: 335,991,840 đồng
- Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm nhượng bán: 310,792,452 đồng
- Giá trị còn lại của TSCĐ: 25,199,388 đồng

III. Kết luận của Ban thanh lý TSCĐ

Xe cầu Katô vẫn sử dụng bình thường

IV. Kết quả thanh lý TSCĐ

Chi phí thanh lý TSCĐ: 0 đồng (viết bằng chữ).....

Giá trị thu hồi: 180,000,000 đồng (viết bằng chữ) **Một trăm tám mươi triệu đồng chẵn.**

Đã ghi giảm sổ TSCĐ ngày 28 tháng 12 năm 2011

Hải Phòng, ngày 28 tháng 12 năm 2011

Đại diện bên A
(Ký, họ tên)

Đại diện bên B
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.25

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VẬN TẢI THƯƠNG MẠI ĐẠI HÙNG

Mã số thuế : **0200426067**

Địa chỉ: Lô 26 Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Hải Phòng

Điện thoại : 031. 3629032 * Fax: 031. 3629032

Số tài khoản :

Đơn vị bán hàng: Cty CCK Vận tải TM ĐHùng

Mẫu số : **01GTKT2/001**

Mã số thuế: 0200426067

Ký hiệu : **AA/HP**

Địa chỉ: Lô 26, Đình Vũ, HP

Số: **0002220**

Số tài khoản: **109.22393386.01.3**

**HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 1 : Lru

Ngày 28 tháng 12 năm 2011

Họ tên người mua hàng: Dương Văn Hùng.....

Tên đơn vị: Công ty TNHH MTV Than Hòn Gai - TKV

Mã số thuế : 5700100506.....

Địa chỉ: Số 8, Chu Văn An – Hạ Long / Quảng Ninh

Hình thức thanh toán: Chưa thanh toán.....Số tài khoản.....

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6= 4 x5
1	Thanh lý 01 xe cầu Katô	Cái	01	180,000,000	180,000,000
Cộng tiền hàng:					180,000,000
Thuế suất: 10%		Tiền thuế GTGT			18,000,000
Tổng cộng tiền thanh toán:					198,000,000
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm chín tám triệu đồng chẵn					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

Biểu số 2.26

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VẬN TẢI THƯƠNG MẠI ĐẠI HÙNG

Lô 26, Đình Vũ, HP

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011

ĐVT: Đồng

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
....	
15/10	PBN (TEC)	Đặng Thị Thùy Dương rút tiền từ TK số sec AC486826 nhập quỹ TM	1111 1121 (Tec)	71,000,000	71,000,000
....	
18/11	PBC (TEC)	Hưng Đạo Container thanh toán tiền mua hàng theo HĐ 0001395 ngày 01/10/2011	1121 (Tec) 131	1,150,000,000	1,150,000,000
....	
22/12	46469	Chi tiền phí quản lý công ty đại chúng năm 2011/ UBCKNN	811 1111	10,000,000	10,000,000
....	
31/12	02220	Thu từ nhượng bán xe cầu Ka tô 16R - 2346	131 711 3331	198,000,000	180,000,000 18,000,000
31/12	PKT 81	Giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại	2141 811 211	310,792,452 25,199,388	335,991,842
.....	
31/12	PKT87	Kết chuyển thu nhập khác quý 4	711 911	180,000,000	180,000,000
31/12	PKT88	Kết chuyển chi phí khác quý 4	911 811	224,195,105	224,195,105
		Cộng		156,274,479,909	156,274,479,909

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Biểu số 2.27

CÔNG TY CP CƠ KHÍ VẬN TẢI TM ĐẠI HÙNG
 Lô 26, Đình Vũ, HP

SỔ CÁI

Tài khoản 711 – Thu nhập khác
 Từ ngày 01 /10/ 2011 đến ngày 31/ 12/ 2011

Đơn vị tính: Đồng

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK ĐƯ	PHÁT SINH	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
02220	28/12	Thu từ thanh lý xe cầu Ka tô	131		180,000,000
PKT 87	31/12	Kết chuyển thu nhập khác quý 4	911	180,000,000	
		Cộng số phát sinh		180,000,000	180,000,000
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Biểu số 2.28

CÔNG TY CP CƠ KHÍ VẬN TẢI TM ĐẠI HÙNG
 Lô 26, Đình Vũ, Hải An, HP

SỔ CÁI

Tài khoản 811 – Chi phí khác

Từ ngày 01 /10/ 2011 đến ngày 31/ 12/ 2011

Đơn vị tính: Đồng

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK ĐƯ	PHÁT SINH	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
.....
46469	22/12	Chi tiền phí quản lý công ty đại chúng năm 2011/ UBCKNN	1111	10,000,000	
PKT81	28/12	Ghi nhận giá trị còn lại của xe cẩu Katô vào chi phí khác	211	25,199,388	
PKT88	31/12	Kết chuyển chi phí khác quý 4	911		224,195,105
		Cộng số phát sinh		224,195,105	224,195,105
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

2.2.6. Xác định kết quả kinh doanh

Bất kỳ một doanh nghiệp nào khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều phải quan tâm đến hiệu quả và kết quả của doanh nghiệp mình. Nội dung của kết quả sản xuất kinh doanh tại công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng bao gồm:

- Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Kết quả hoạt động tài chính
- Kết quả hoạt động khác
- ❖ Tài khoản kế toán sử dụng
 - TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
 - TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối
 - Các tài khoản khác có liên quan

❖ Phương pháp xác định kết quả kinh doanh

Cuối quý kế toán tổng hợp số liệu từ các sổ sách kế toán có liên quan lập phiếu kế toán định khoản xác định lãi lỗ.

Kết quả hoạt động kinh doanh được xác định như sau:

$$\text{Kết quả kinh doanh} = \text{Doanh thu thuần} - \text{Chi phí} + \text{Kết quả tài chính} + \text{Kết quả hoạt động khác}$$

Trong đó:

$$\text{Chi phí} = \text{Giá vốn hàng bán} + \text{Chi phí bán hàng} + \text{Chi phí QLDN}$$

$$\text{Kết quả tài chính} = \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí HĐTC}$$

$$\text{Kết quả hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

Ví dụ: Cuối tháng 12/2011 kế toán công ty thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh quý IV (Đơn vị tính: Đồng VN)

Tổng số phát sinh bên Có TK 911: 11,227,648,751

- Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 11,045,172,765
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính: 2,475,986
- Kết chuyển thu nhập khác: 180,000,000

Tổng số phát sinh bên Nợ TK 911: 9,681,436,335

- Kết chuyển giá vốn bán hàng: 8,985,593,390
- Kết chuyển chi phí bán hàng: 151,534,661
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp: 304,728,699
- Kết chuyển chi phí tài chính: 15,384,480
- Kết chuyển chi phí khác: 224,195,105

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế = 11,227,648,751 - 9,681,436,335
= 1,546,212,416

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành = 1,546,212,416 x 25%
= 386,553,104

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp = 1,546,212,416 - 386,553,104
= 1,159,659,312

Biểu số: 2.29

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VẬN TẢI THƯƠNG MẠI ĐẠI HƯNG

Lô 26, Đình Vũ, Hải An, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số 87

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Ghi Có TK 911			
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:			
	DT bán cont cũ	5111	911	1,026,398,000
	DT bán cont mới	5112	911	597,331,000
	DT bán cont VP	5113	911	1,542,000,000
	DT vận chuyển, nâng hạ	5115	911	658,432,251
	DT dịch vụ thuê cont	5116	911	970,877,498
	DT dịch vụ Depot, v.sinh cont, lưu kho bãi	5117	911	5,932,016
	DT dịch vụ sửa chữa	5118	911	21,958,000
	DT bán vật tư	5119	911	5,671,270,000
	DT nội bộ bán hàng hóa	5121	911	550,974,000
2	Doanh thu hoạt động tài chính	515	911	2,475,986
3	Thu nhập khác	711	911	180,000,000
	Tổng			11,227,648,751

Kế toán trưởng
(chữ ký, họ tên)

Người lập
(chữ ký, họ tên)

Tổng giám đốc
(chữ ký, họ tên)

Biểu số 2.30

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VẬN TẢI THƯƠNG MẠI ĐẠI HÙNG

Lô 26, Đình Vũ, Hải An, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số 88

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Ghi Nợ TK 911			
1	Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ: GV bán cont cũ GV bán cont mới GV bán cont VP GV vận chuyển, nâng hạ GV dịch vụ thuê cont GV bán vật tư GV nội bộ bán hàng hóa, vật tư	911 911 911 911 911 911 911	6321 6322 6323 6325 6326 6329 6320	913,144,640 477,680,000 1,132,198,201 403,437,743 351,053,426 5,157,105,380 550,974,000
2	Chi phí hoạt động TC	911	635	15,384,480
3	Thu nhập khác	911	811	224,195,105
4	Chi phí bán hàng: Chi phí nhân viên Chi phí khấu hao TSCĐ Chi phí d.vụ mua ngoài Chi phí bằng tiền khác	911 911 911 911	6411 6414 6417 6418	84,497,254 39,368,454 15,433,953 12,235,000
5	Chi phí quản lý DN: Chi phí nhân viên QL Chi phí khấu hao TSCĐ Chi phí d.vụ mua ngoài Chi phí bằng tiền khác	911 911 911 911	6421 6424 6427 6428	263,622,520 11,253,579 22,118,159 7,734,441
6	Chi phí thuế TNDN	911	821	386,553,104
7	Lợi nhuận sau thuế	911	421	1,159,659,312
	Tổng			11,227,648,751

Kế toán trưởng
(chữ ký, họ tên)

Người lập
(chữ ký, họ tên)

Tổng giám đốc
(chữ ký, họ tên)

Biểu số: 2.31

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VẬN TẢI THƯƠNG MẠI ĐẠI HÙNG
 Lô 26, Đình Vũ, HP

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
 Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011

ĐVT: Đồng

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
Ngày	SH			Nợ	Có
....
22/12	46469	Chi tiền phí quản lý công ty đại chứng năm 2011/ UBCKNN	811 1111	10,000,000	10,000,000
....
31/12		K/c doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Q4: DT bán cont cũ DT bán cont mới DT bán cont VP DT vận chuyển, nâng hạ DT dịch vụ thuê cont DT dịch vụ Depot, v.sinh cont, lưu kho bãi DT dịch vụ sửa chữa DT bán vật tư DT nội bộ bán hàng hóa	5111 5112 5113 5115 5116 5117 5118 5119 5121 911	1,026,398,000 597,331,000 1,542,000,000 658,432,251 970,877,498 5,932,016 21,958,000 5,671,270,000 550,974,000	11,045,172,765
31/12		K/c doanh thu hoạt động tài chính Q4	515 911	2,475,986	2,475,986
31/12		K/c thu nhập khác Q4	711 911	180,000,000	180,000,000
31/12		K/c giá vốn hàng bán Q4: GV bán cont cũ GV bán cont mới GV bán cont VP GV vận chuyển, nâng hạ GV dịch vụ thuê cont GV bán vật tư GV nội bộ bán hàng hóa, vật tư	911 6321 6322 6323 6325 6326 6329 6320	8,985,593,390	913,144,640 477,680,000 1,132,198,201 403,437,743 351,053,426 5,157,105,380 550,974,000

31/12		K/c chi phí bán hàng Q4: Chi phí nhân viên Chi phí khấu hao TSCĐ Chi phí d.vụ mua ngoài Chi phí bằng tiền khác	911 6411 6414 6417 6418	151,534,661	84,497,254 39,368,454 15,433,953 12,235,000
31/12		K/c chi phí quản lý doanh nghiệp Q4: Chi phí nhân viên QL Chi phí khấu hao TSCĐ Chi phí d.vụ mua ngoài Chi phí bằng tiền khác	911 6421 6424 6427 6428	304,728,699	263,622,520 11,253,579 22,118,159 7,734,441
31/12		K/c chi phí hoạt động tài chính Q4	911 635	15,384,480	15,384,480
31/12		K/c chi phí khác Q4	911 811	224,195,105	224,195,105
31/12		Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp Q4	821 3334	386,553,104	386,553,104
31/12		K/c chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp Q4	911 821	386,553,104	386,553,104
31/12		Lợi nhuận sau thuế (lãi chưa phân phối)	911 421	1,159,659,312	1,159,659,312
		Cộng		156,274,479,909	156,274,479,909

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Biểu số: 2.32

CÔNG TY CP CƠ KHÍ VẬN TẢI TM ĐẠI HÙNG
 Lô 26, Đình Vũ, Hải An, HP

SỔ CÁI

Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
 Từ ngày 01 /10/ 2011 đến ngày 31/ 12/ 2011

Đơn vị tính: Đồng

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK ĐƯ	PHÁT SINH	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
	31/12	Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp Q4	3334	386,553,104	
	31/12	K/c chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp Q4	911		386,553,104
		Cộng số phát sinh		386,553,104	386,553,104
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Biểu số: 2.33

CÔNG TY CP CƠ KHÍ VẬN TẢI TM ĐẠI HÙNG
 Lô 26, Đình Vũ, Hải An, HP

SỔ CÁI

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Từ ngày 01 /10/ 2011 đến ngày 31/ 12/ 2011

Đơn vị tính: Đồng

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHT K ĐƯ	PHÁT SINH	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
	31/12	K/c doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Q4: DT bán cont cũ DT bán cont mới DT bán cont VP DT vận chuyển, nâng hạ DT dịch vụ thuê cont DT dịch vụ Depot, v.sinh cont, lưu kho bãi DT dịch vụ sửa chữa DT bán vật tư DT nội bộ bán hàng hóa	5111 5112 5113 5115 5116 5117 5118 5119 5121		1,026,398,000 597,331,000 1,542,000,000 658,432,251 970,877,498 5,932,016 21,958,000 5,671,270,000 550,974,000
	31/12	K/c doanh thu hoạt động tài chính Q4	515		2,475,986
	31/12	K/c thu nhập khác Q4	711		180,000,000
	31/12	K/c giá vốn hàng bán Q4: GV bán cont cũ GV bán cont mới GV bán cont VP GV vận chuyển, nâng hạ GV dịch vụ thuê cont GV bán vật tư GV nội bộ bán hàng hóa, vật tư	6321 6322 6323 6325 6326 6329 6320	813,144,640 477,680,000 1,232,198,201 403,437,743 351,053,426 5,157,105,380 550,974,000	

31/12	K/c chi phí bán hàng Q4: Chi phí nhân viên Chi phí khấu hao TSCĐ Chi phí d.vụ mua ngoài Chi phí bằng tiền khác	6411 6414 6417 6418	84,497,254 39,368,454 15,433,953 12,235,000	
31/12	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp Q4: Chi phí nhân viên QL Chi phí khấu hao TSCĐ Chi phí d.vụ mua ngoài Chi phí bằng tiền khác	6421 6424 6427 6428	263,622,520 11,253,579 22,118,159 7,734,441	
31/12	K/c chi phí hoạt động tài chính Q4	635	15,384,480	
31/12	K/c chi phí khác Q4	811	224,195,105	
31/12	K/c chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp Q4	821	386,553,104	
31/12	Lợi nhuận sau thuế (lãi chưa phân phối)	421	1,159,659,312	
	Cộng số phát sinh		11,227,648,751	11,227,648,751
	Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Biểu số: 2.34

CÔNG TY CP CƠ KHÍ VẬN TẢI TM ĐẠI HƯNG
 Lô 26, Đình Vũ, Hải An, HP

SỔ CÁI

Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối
 Từ ngày 01 /10/ 2011 đến ngày 31/ 12/ 2011

Đơn vị tính: Đồng

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK ĐU	PHÁT SINH	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu quý			<u>2,224,520,011</u>
	31/12	Lợi nhuận sau thuế quý 4	911		1,159,659,312
		Cộng số phát sinh			1,159,659,312
		Số dư cuối quý			<u>3,384,179,323</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 2.35

Mẫu số B02 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tại Hải Phòng, Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý IV	Quý III
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	11,045,172,756	9,351,179,965
	-Doanh thu nội bộ			550,974,000	2,250,007,157
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		11,045,172,756	9,351,179,965
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	8,985,593,390	7,866,223,301
	- Giá vốn nội bộ			550,974,000	2,250,007,157
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	20		2,059,579,375	1,484,956,664
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	2,475,986	4,371,518
7	Chi phí tài chính	22	VI.28	15,384,480	3,709,340
	-Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15,384,480	3,709,340
8	Chi phí bán hàng	24		151,534,661	116,433,711
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		304,728,699	292,638,966
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		1,590,407,521	1,076,546,165
11	Thu nhập khác	31		180,000,000	387,730,003
12	Chi phí khác	32		224,195,105	349,942,604
13	Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40		(44,195,105)	37,787,399
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1,546,212,416	1,114,333,563
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.30	386,553,104	278,583,391
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.30		
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 – 52)	60		1,159,659,312	835,750,173
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		-	-

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

CHƯƠNG III

MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VẬN TẢI THƯƠNG MẠI ĐẠI HUNG

3.1. Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Cơ Khí Vận Tải Thương Mại Đại Hưng.

Những biến động của nền kinh tế thị trường ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong những năm gần đây. Do đó bên cạnh những thuận lợi, công ty phải đương đầu với không ít khó khăn từ các yếu tố khách quan cùng nhu cầu chủ quan mang lại. Mặc dù vậy với tiềm năng sẵn có cùng với sự lãnh đạo của Ban giám đốc công ty, sự năng động, sáng tạo nhiệt tình của toàn thể công nhân viên, công ty đã đạt được một số thành tựu trong kinh doanh và ngày càng được khách hàng tín nhiệm.

Để đạt được thành tựu như vậy không thể không kể đến sự nỗ lực phấn đấu và những kết quả đạt được của công tác kế toán. Việc phân chia công việc một cách rõ ràng phù hợp với trình độ, năng lực của mỗi người và yêu cầu quản lý của công ty, đồng thời thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa các kế toán viên dưới sự quản lý của kế toán trưởng đã góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của từng nhân viên trong phòng đem lại hiệu quả cao trong công việc.

Qua một thời gian thực tập tại Công ty Cổ Phần Cơ Khí Vận Tải Thương Mại Đại Hưng với việc nghiên cứu đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Cơ Khí Vận Tải Thương Mại Đại Hưng”***. Em xin đưa ra một số ý kiến như sau:

3.1.1. Ưu điểm

✚ Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh:

Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời và nhanh chóng.

✚ Về tổ chức bộ máy kế toán của công ty:

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, mỗi kế toán viên đảm nhận chức năng nhiệm vụ của mình dưới sự chỉ đạo tập trung của kế toán trưởng, đảm bảo sự chuyên môn hóa của các cán bộ kế toán, đồng thời phát huy được trình độ của mỗi nhân viên.

Về nhân sự, bộ phận kế toán có sáu người gồm một kế toán trưởng và năm kế toán viên đã phân nào đáp ứng được khối lượng công việc kế toán tại công ty.

Thông tin do bộ phận kế toán cung cấp đầy đủ, kịp thời nên việc đối chiếu kiểm tra số liệu giữa các bộ phận kinh doanh và lập báo cáo tài chính được thuận lợi, dễ dàng. Đồng thời giúp cho công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

✚ Về hạch toán kế toán nói chung:

Nhìn chung, Công ty thực hiện đầy đủ và chính xác chế độ kế toán cũng như những chuẩn mực ban hành cụ thể:

Chứng từ kế toán: Kế toán sử dụng hệ thống chứng từ kế toán đúng chế độ kế toán của Bộ tài chính ban hành. Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ phát sinh tạo điều kiện cho công tác tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết.

Về sổ sách kế toán: Các sổ sách kế toán được thực hiện rõ ràng và được lưu trữ theo các chuẩn mực và quy định chung của Nhà nước. Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung, hình thức này có ưu điểm cơ bản là ghi chép đơn giản, kết cấu sổ dễ ghi, số liệu kế toán dễ đối chiếu, dễ kiểm tra, cho phép người quản lý theo dõi được các nội dung kinh tế.

Về hệ thống tài khoản sử dụng: Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và các thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung.

✚ Về hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Công ty đã nắm bắt nhanh những thông tin kinh tế của những thay đổi về chế độ kế toán đã áp dụng cho đơn vị mình một cách phù hợp, đặc biệt là vấn đề hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị:

Về tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí. Việc theo dõi hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của công ty.

Về công tác kế toán chi phí: Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn phải quan tâm, cân nhắc và luôn muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đảm bảo được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác; giúp Ban giám đốc luôn nắm bắt được tình hình tài chính của công ty để đề ra chiến lược phát triển kinh doanh trong thời gian tiếp theo.

3.1.2. Hạn chế

Trong thời gian vừa qua, công ty đã cố gắng xây dựng bộ máy quản lý cũng như xây dựng bộ máy kế toán ngày càng hoàn thiện hơn, nhằm hỗ trợ đắc lực cho công tác quản lý và công ty đã đạt được những thành tựu nhất định. Tuy nhiên, cùng với những mặt ưu điểm thì công tác hạch toán kế toán của công ty vẫn còn những mặt hạn chế.

✚ Về tài khoản sử dụng

Hiện nay, tại Công ty không sử dụng đến các tài khoản giảm trừ doanh thu như: TK 531 – Hàng bán bị trả lại, TK 532 – Giảm giá hàng bán, TK 521 - Chiết khấu thương mại. Việc Công ty không sử dụng hai tài khoản 531, 532 là hợp lý vì:
- Đối với việc mua bán các loại container, somi romooc, xe đầu kéo: khi khách hàng có nhu cầu mua hàng hoặc khách hàng qua Công ty trực tiếp xem hoặc sẽ được nhân viên công ty gửi ảnh của các loại hàng này. Khách hàng chấp nhận mua, hai bên đi đến ký kết hợp đồng kinh tế và tiến hành giao, nhận hàng.

- Đối với việc bán buôn các vật liệu xây dựng: sắt, thép, sơn các loại,... thì khi mua hàng công ty đã kiểm tra kỹ lưỡng rồi mới cho nhập về bán.

- Đối với việc cung cấp các dịch vụ vận tải như: vận chuyển, nâng hạ container, cho thuê container,... Cho nên trường hợp hàng bán bị trả lại hay giảm giá hàng bán không xảy ra.

Nhưng riêng với TK 521 – “Chiết khấu thương mại” thì việc Công ty không áp dụng chính sách chiết khấu thương mại cho khách hàng là một bất lợi. Thực tế cho thấy rằng việc các doanh nghiệp dành cho bên mua hưởng một số tiền do mua hàng (Sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận là một trong những biện pháp kích thích được nhu cầu khách hàng, thu hút được nhiều khách hàng mới, nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty, đẩy tăng doanh số tiêu thụ.

✚ Chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng

Chiết khấu thanh toán là khoản tiền doanh nghiệp bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn trong hợp đồng. Khi Công ty không áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ không kích thích được khách hàng thanh toán trước hạn. Điều này sẽ làm chậm khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp; làm tăng các khoản đi vay của Công ty.

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng .

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng .

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì thành bại của một doanh nghiệp là điều tất yếu. Do vậy, các doanh nghiệp rất cần các thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về tình hình tiêu thụ, lãi (lỗ) thực tế của doanh nghiệp. Từ đó, doanh nghiệp sẽ đưa ra các biện pháp để giải quyết, khắc phục các vấn đề nảy sinh trong quá trình kinh doanh của mình. Những thông tin này có thể lấy từ nhiều nguồn khác nhau nên phải có sự thu thập và chọn lọc thông tin. Thu thập thông tin từ phòng kế toán là việc mà

doanh nghiệp vẫn luôn được thực hiện do vậy kế toán là một công cụ quản lý rất quan trọng không thể bỏ qua.

Đối với doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu và xác định kết quả là khâu cuối cùng kết thúc quá trình kinh doanh của doanh nghiệp nên đóng vai trò quan trọng. Thực trạng kế toán nói chung, kế toán doanh thu xác định kết quả nói riêng tại các doanh nghiệp ở Việt Nam hầu hết chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình.

Thực tế, công tác kế toán còn thụ động, chỉ dừng ở mức độ ghi chép, cung cấp thông tin mà chưa có sự tác động tích cực. Xác định đúng doanh thu và kết quả hoạt động của công ty sẽ cho biết doanh nghiệp đó hoạt động ra sao, có hiệu quả hay không. Đồng thời là cơ sở để cho các cán bộ lãnh đạo điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh để tăng doanh thu, hạ chi phí mặt khác xác định được mục tiêu chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai. Do vậy hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả có một ý nghĩa rất quan trọng.

3.2.2. Một số nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện công tác kế toán

Trong cơ chế thị trường, công tác kế toán ngày càng thể hiện vai trò quan trọng trong việc quản lý nền kinh tế nói chung và trong mỗi doanh nghiệp nói riêng. Vì vậy vấn đề hoàn thiện tổ chức công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng là sự cần thiết khách quan và cần phải dựa vào một số nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc thống nhất
 - + Đảm bảo sự thống nhất giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh
 - + Đảm bảo sự thống nhất về hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán
- Thực hiện đúng chế độ nhà nước ban hành
- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học phù hợp với đặc điểm tính chất kinh doanh của doanh nghiệp. Đơn vị phải có đội ngũ nhân viên kế toán hiểu biết nghiệp vụ kế toán. Đặc biệt chú ý đến công tác trang bị phương tiện kỹ thuật, áp dụng kế toán máy trong thu thập xử lý các nghiệp vụ kinh tế

- Tiếp cận với các chuẩn mực quốc tế, áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp
- Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác kịp thời, đầy đủ về mọi mặt của hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, phục vụ kịp thời cho việc chỉ đạo quá trình kinh doanh.

3.2.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng.

Như đã trình bày rõ tác dụng của các chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá. Để thu hút được nhiều khách hàng mới mà vẫn giữ được khách hàng lớn lâu năm, để tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, Công ty nên có chính sách khuyến khích người mua hàng với khối lượng lớn bằng cách áp dụng các chính sách chiết khấu ở những khách hàng lớn, quen thuộc.

🚩 Áp dụng chiết khấu thương mại

Chiết khấu thương mại là số tiền bên mua được hưởng do mua hàng với khối lượng lớn theo thoả thuận đã ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng. Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thương mại, nhằm thúc đẩy việc cung cấp dịch vụ, thu hút thêm nhiều khách hàng. Chính sách chiết khấu thương mại tại công ty có thể thực hiện theo cách sau:

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của các doanh nghiệp cùng ngành
- Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp

• Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại

Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại trong các

trường hợp này được hạch toán vào tài khoản 521 (Chiết khấu thương mại trừ ngoài hóa đơn).

Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm (đã trừ đi khoản chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào tài khoản 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại (Chiết khấu thương mại trừ trong hóa đơn).

- **Phương pháp hạch toán**

Với phần chiết khấu thương mại trừ ngoài hóa đơn

1). Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ, kế toán ghi:

Nợ TK 521 - Chiết khấu thương mại

Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp

Có TK 1111,1121 - Thanh toán ngay

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

2). Cuối kỳ kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận cho người mua sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần.

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521 - Chiết khấu thương mại

Với phần chiết khấu thương mại trừ trong hóa đơn

Kế toán định khoản theo bút toán:

Nợ TK 131, 1111, 1121

Có TK 3331

Có TK 511 (Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đã trừ chiết khấu thương mại)

- **Áp dụng chiết khấu thanh toán**

Công ty nên có chính sách khuyến khích người mua hàng với hình thức chiết khấu thanh toán. Như vậy công ty mới có khả năng thu hồi vốn nhanh, tăng được vòng quay luân chuyển vốn lưu động, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và hạn chế được các khoản đi vay của công ty. Công ty cần có những biện pháp thiết thực như:

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thanh toán của doanh nghiệp cùng ngành
- Công ty cũng có thể xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán dựa vào lãi suất của ngân hàng tại thời điểm phát sinh.
- Chính sách chiết khấu thanh toán được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp.
- Công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Căn cứ từng khách hàng thanh toán nợ mà công ty áp dụng mức chiết khấu theo thời gian.

Sau đây là mức chiết khấu công ty có thể tham khảo.

- + Nếu khách hàng thanh toán tiền trước 1/3 thời gian của thời hạn thanh toán thì được hưởng mức chiết khấu 0,5%.
- + Nếu khách hàng thanh toán tiền trước 2/3 thời gian của thời hạn thanh toán thì được hưởng mức chiết khấu 1%.

- **Phương pháp hạch toán**

Công ty cần thực hiện việc ghi chép kế toán thông qua TK 635 - Chi phí tài chính (phản ánh khoản chi phí công ty phải chịu do giảm trừ khoản phải thu do khách hàng thanh toán trước thời hạn)

Nợ 635: Số tiền chiết khấu thanh toán

Có TK 1111,1121,131: Tổng số tiền trả lại hoặc giảm nợ cho khách hàng
Cuối kỳ kết chuyển chiết khấu thanh toán để xác định kết quả kinh doanh

Nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635 – Chiết khấu thanh toán

- **Ví dụ**

Dựa vào sổ chi tiết TK 131 đối tượng Công ty TNHH Mascot Việt Nam. Đối với hợp đồng bán hàng theo hóa đơn số 02189 ngày 15/12/2011 (trang 68) tổng số tiền thanh toán là 475,385,680 đồng (bao gồm cả thuế GTGT 10%). Theo hợp đồng bán hàng này, Công ty TNHH Mascot Việt Nam có thời hạn thanh toán là 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Nhưng Công ty TNHH Mascot Việt Nam đã thanh toán vào ngày 28/12/2011 số tiền 475,385,680 đồng. Như vậy Công ty TNHH Mascot VN đã thanh toán trước thời hạn 32 ngày) cho nên số tiền chiết khấu thanh

toán mà Công ty được hưởng là:

$$\text{Số tiền chiết khấu} = 1\% \times 475,385,680 = 4,753,857 \text{ (đồng)}$$

Kế toán định khoản: Nợ TK 635: 4,753,857

Có TK 131: 4,753,857

Cuối kỳ kế toán kết chuyển chiết khấu thanh toán để xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK 911: 4,753,857

Có TK 635: 4,753,857

Ta có thể thấy rằng với số tiền 475,385,680 đồng, nếu Công ty phải vay ngân hàng thì số tiền lãi Công ty phải trả trong 1 tháng sẽ là:

$$1,875\% \times 475,385,680\text{đ} = 8,913,482 \text{ đồng}$$

So sánh giữa số tiền lãi vay ngân hàng với số chiết khấu thanh toán cho người mua hưởng, Công ty sẽ có lợi $8,913,482 - 4,753,857 = 4,159,625$ đồng, cho thấy rằng việc áp dụng chiết khấu thanh toán là việc làm cần thiết cho sự tồn tại của các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường như hiện nay.

Về hiện đại hoá công tác kế toán

Để góp phần hiện đại hóa công tác quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý, Công ty nên sử dụng một phần mềm kế toán, ứng dụng sao cho phù hợp với điều kiện, đặc điểm của Công ty. Sử dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán, giúp giảm bớt khó khăn cho kế toán viên trong công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu vì đặc điểm hàng hoá của công ty đa dạng.

Hiện nay có rất nhiều các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- ✓ Phần mềm kế toán OMEGA
- ✓ Phần mềm kế toán Fast của công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp Fast.
- ✓ Phần mềm kế toán Smart Soft của công ty cổ phần Smart Soft
- ✓ Phần mềm kế toán Misa của công ty cổ phần Misa

Công ty có thể tìm hiểu và sử dụng phần mềm kế toán OMEGA với các tính năng:

- Tự động lập các báo cáo tổng hợp và chi tiết

- Cho phép in các hoá đơn bán hàng, mua hàng, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, phiếu thu, phiếu chi, uỷ nhiệm chi trực tiếp từ phần mềm.
- Cung cấp các thông tin tức thời phục vụ quản trị kinh doanh.
- Tự động lên các đồ thị phục vụ cho việc quản trị doanh nghiệp
- Tự động tính và lập các báo cáo về thuế GTGT
- Báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán mới (Update QĐ15, QĐ48, Thông tư mới nhất của tổng cục thuế TT28)
- Bảo mật bằng mật khẩu, phân quyền truy cập đến từng chức năng (đọc / sửa / xóa / tạo mới)
- Đặc biệt phần mềm có hỗ trợ kết xuất dữ liệu báo cáo thuế GTGT, thuế TNDN, báo cáo tài chính sang phần mềm hỗ trợ kê khai thuế HTTK của Tổng Cục thuế để in theo mã vạch.

Phần mềm kế toán OMEGA hỗ trợ rất tốt các nghiệp vụ kế toán như: Vốn bằng tiền, Quản lý công nợ, Mua hàng, Bán hàng, Tổng hợp,... một cách chi tiết theo thực tế phát sinh tại doanh nghiệp.

Ví dụ về bán hàng

Màn hình nhập liệu đơn giản được thiết kế gần giống với hoá đơn GTGT, giúp người dùng nhập liệu nhanh. Việc hạch toán doanh thu, thuế, đơn giá được mặc định.

Phần mềm Kế toán doanh nghiệp OMEGA phân biệt đối tượng công nợ, đối tượng lên bảng kê thuế GTGT, giúp kế toán ghi nhận đối tượng rõ ràng, đáp ứng tốt các yêu cầu kế toán công nợ và báo cáo thuế.

Phần mềm Kế toán doanh nghiệp OMEGA cho phép xuất kho tự động dựa trên hoá đơn bán hàng.

Các báo cáo bán hàng gồm: Sổ chi tiết bán hàng, Báo cáo phân tích doanh số hàng bán theo loại mặt hàng, đối tượng.

Tự động truy xuất dữ liệu lên Bảng kê hàng hoá dịch vụ bán ra (báo cáo thuế)

Ngoài việc cung cấp tính năng bán hàng thông thường, phần mềm Kế toán doanh nghiệp OMEGA còn cung cấp tính năng bán hàng theo bộ, nhằm đáp ứng sự tiện nghi cho các doanh nghiệp thương mại kinh doanh các mặt hàng mà quản lý hàng tồn kho chi tiết thành phần nhưng quản lý doanh thu theo mặt hàng (bộ).

Màn hình nhập hoá đơn bán hàng

Lập hóa đơn bán hàng - GF3016.OmegaPro

1. Thông tin hóa đơn, chứng từ | 2. Bù toán thuế GTGT, xuất kho

Thông tin chứng từ

Loại chứng từ: API
 Số chứng từ: 34324 | Ngày hạch toán: 06/01/2010
 Diễn giải: Bán hàng cho BÙ C

Thông tin hóa đơn

Số serial: | Số hóa đơn: |
 Ngày hóa đơn: 06/01/2010 | Loại hóa đơn: RGTGT
 Loại tiền: VND | Tỷ giá: 1.00
 Đơn hàng: CBCH001 | BÙ C HOÀNG VĂN THỤ
 Đơn hàng VAT: CBCH001 | BÙ C HOÀNG VĂN THỤ
 Địa chỉ: 2029 Hoàng Văn Thụ, P. 8, Q. Phú Nhuận, TP HCM
 Ngày đảo hạn: 06/01/2010 | Mã số thuế: 201472278
 Diễn giải: Trực tay phòng tam

File Excel

Tổng tiền hàng	Tổng tiền thuế	Tổng cộng
7,000,000.00	0.00	7,000,000.00
7,000,000	0	7,000,000

STT	Mã mặt hàng	Tên mặt hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền nguyên tệ	Th
1	10313	Bath Gift Pro 4kg	CN	100.0000		7,000,000.00	
Tổng cộng				100.0000		7,000,000.00	

Trợ giúp | Nhập tiếp | Lưu | In | Đóng

KẾT LUẬN

Hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp chiếm vị trí, vai trò rất quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp. Thông qua hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh người quản lý doanh nghiệp, các đối tượng cần tìm hiểu về doanh nghiệp biết được doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả hay không, từ đó có những quyết định về mặt chiến lược đối với doanh nghiệp, quyết định đầu tư đối với các nhà đầu tư.

Khoá luận: “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng ” đã nêu được các vấn đề cơ bản sau:

Về mặt lý luận: Nêu được những vấn đề nhận thức về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, về kế toán doanh thu, kế toán chi phí sản xuất, chi phí quản lý, chi phí hàng bán ra và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Về mặt thực tế: Đã phản ánh được tình hình số liệu công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí sản xuất, chi phí bán hàng và chi phí quản lý, kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng quý IV năm 2011 để chứng minh cho khóa luận.

Đối chiếu những vấn đề lý luận trong nghiên cứu với thực tế, hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng: khóa luận đã đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty. Những kiến nghị này tuy còn mang màu sắc lý thuyết song phần nào cũng có cơ sở và xuất phát từ thực tế nên cũng mang tính khả thi. Đó cũng là đóng góp nhỏ bé vào công tác hạch toán kế toán hiện nay.

Do điều kiện thời gian và trình độ còn hạn chế, khóa luận của em không thể tránh khỏi những thiếu sót, khuyết điểm, em rất mong nhận được sự chỉ bảo, góp ý của các cô, chú, anh, chị cán bộ Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng, của các thầy cô và thầy giáo hướng dẫn.

Em xin chân thành cảm ơn Ban giám đốc công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng, các cô chú, các anh chị phòng Tài chính kế toán của Công ty và thầy giáo hướng dẫn CN. TTr viên cấp 2 Dương Văn Biên đã giúp em hoàn thành bài khoá luận này.

Hải Phòng, ngày....tháng....năm

Sinh viên

Lưu Kim Oanh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1) Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính - Nhà xuất bản tài chính năm 2006.
Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán
Quyển 2: Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán
- 2) Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam
- 3) Kế toán tài chính - Nhà xuất bản Tài chính Hà nội
- 4) Khóa luận của các anh chị khóa trên trường Đại học dân lập Hải Phòng.